

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

### **Nguyễn Ngọc Tư (II)**

#### **Tiểu sử**

Bút danh: Hoài An,

#### **Tác phẩm**

Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư



### **Mục Lục**

Những nhân vật xa lạ trong “Cánh đồng bất tận” – K.Đ. – 2

**Lý con sáo sang sông - 8**

Sông nước Hậu Giang và Nguyễn Ngọc Tư – Kiệt Tấn – 12

**Thương quá rau răm - 24**

Nhà văn nữ Nguyễn Ngọc Tư – Thế Uyên - 27

**Hạt gửi mùa sau - 32**

#### **Phụ đính:**

**Nhớ đất - Bến đò xóm Miếu – Huệ lấy chồng**

**Mối tình xưa - Trăm năm bến cũ con đò**

**Giao thừa – Dòng nhớ - Nhớ sông – Tấm sông**

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Những nhân vật xa lạ trong “Cánh đồng bất tận” K.Đ.

Tên thật: Khuất Đầu. Sinh 1940 tại Bình Định.  
Hiện sống tại Việt Nam.

Thật ra không nhiều, bọn họ chỉ có ba cha con gã chẵn vẹt và một ả điếm. Họ như ở tận cùng dưới đáy xã hội. Và như thế thì có chi mà lạ.

Vậy mà qua ngòi bút có một thời rất dịu dàng đằm thắm, rất mộc mạc chân tình của Nguyễn Ngọc Tư, đột nhiên thay đổi khiến họ trở nên kỳ cục, quái đản, xa cách lạ lẫm, cứ như ở một hành tinh nào tới chứ không phải ở những cánh đồng miền nam bát ngát tình người.

Dựa theo từng chữ, từng câu của tác giả, tôi xin được mời họ ra trình diện trước bạn đọc.

### **Nhân vật 1: Sương.**

*Tôi hỏi chị làm gì để bị đánh. Chị cười, “làm đĩ”...chúng tôi đã gặp nhiều, rất nhiều người phụ nữ giống chị. Cứ mỗi mùa gặt họ lại dập diu trên đê..họ cố làm ra vẻ trẻ trung, tươi tắn nhưng mặt và cổ đã nhão... Đêm đến sau các đụn lúa, họ thả tiếng cười chút chút, tiếng thở mơn man...chúng tôi nhận ra họ ngay khi không còn mảnh vải nào trên người họ vẫn điềm nhiên cười khúc khích và uốn éo thân mình chứ không trơ ra ngượng ngịu, cam chịu như những người phụ nữ quê...*

*Chị cũng giống như họ, chớm tàn tạ, đói rã ruột ở thị thành mới chạy xuống quê, cất cái quán nhỏ giá đồ buôn bán bánh kẹo lật vật...mỗi chài đàn ông vào chơi trò giường chiếu. (trích CDBT)*

Đây là Sương, qua giọng kể rất già dặn, rất sôi đời, rất sắc sảo của một cô gái quê tự nhận là thất học. Phác họa chân dung ngắn gọn của một ả điếm như thế phải nói là rất tài tình. Hãy đọc kỹ các từ được tô đậm để thấy ma lực của câu chữ và hiểu vì sao Cánh đồng bất tận có một sức hút đến như vậy. Và cứ như thế, cái ngôn từ khiêu khích, lột truồng của cô gái chỉ hơn cô gái đi chùa Hương của Nguyễn Nhược Pháp có 2 tuổi, sẽ đưa chúng ta biết rõ hơn tính cách của một gái làm tiền, mà ở tuổi đó các cô gái trung học, ngay cả khi học Kiều cũng không dám nghĩ đến.

Vì mỗi chài đàn ông vào chơi trò giường chiếu, nên ả bị các bà vợ xúm nhau đánh, cắt cả tóc và đồ cả keo dán sắt vào cửa mình của chị. Chuyện quý bà nổi ghen “xé xác con đĩ nợ” là chuyện thường ngày. Nhưng đề ra, banh ra mà đồ keo dán sắt vào cái chỗ “có hơn gì của bà đâu” thì quả thật là quái đản nếu không muốn nói là man rợ. *Ba hôm sau, chị ngồi dậy, đi tắm. Chị trằm mình dưới đó rất lâu, chẳng kỳ cọ gì, chỉ để nước lạnh chườm dịu lại những chỗ đau. Lúc chị lên bờ, tôi thấy máu lợn cợn theo những giọt nước nhỏ xuống hai đùi, chắc chị đã làm gì với chỗ keo dán ác nghiệt ấy.*(trích CDBT)

Vậy mà, khi lên bờ mới thấy Út Vũ đã khen” *Ba mấy cưng đẹp trai đẽ sọt” và “con mắt đung đưa về phía cha”. Mắt chị nhìn cha đầy khiêu khích...Chị đồ lì, tìm mọi cách để sà vào cha. Chị bảo Điền xuống ghe ngủ với tôi, còn chị sẽ lên chòi...chị ra khỏi chòi, khoan khoái vươn vai. Sự ưng ý mãn nguyện lấp lánh trên khóe mắt. Khuôn mặt chị tràn ngập ánh sáng, như chị vừa mở ra một cánh cửa mặt trời.*

Thấy chưa, một cô gái chần vọt mà diễn tả cách chài mồi, cách chiếm đoạt và nổi sướng khoái sau những trận làm tình rất văn vẻ, rất mới như thế thì văn hóa của nông thôn ta đã nâng cao hàng chục bước chứ không phải một bước.

Điều kinh khủng ở Sương là chị ta chài mồi Út Vũ không phải vì tiền, mà vì ghen đàn ông! Hãy nghe cô bé Nương kể:

*Mà, kiểu yêu tinh thần để nhìn nhau, để nắm tay vuốt tóc, để nín nhịn và hy sinh chỉ tồn tại trong văn chương (thất học mà sao biết văn chương nhỉ?). Chị cần nhiều hơn, nhiều hơn, nhiều khủng khiếp, tưởng như chị có thể ngốn ngấu, bào mòn tất cả đàn ông trên thế gian này (tưởng đâu chỉ có yêu râu xanh, té ra giờ có cả yêu nữ tóc xanh, sợ quá!). Lúc đầu là kiếm sống, nhưng lâu dần sự chung đụng thể xác làm chị nghiện (Ồi trời, chẳng lẽ ở Sương tâm sự với cô bé Nương sao?!)*

Một ả làm điếm vì nghiện trai nên mồi chài cả cậu bé Điền. Nương kể:

*Trưa ấy chúng tôi trằm nghịch dưới nước rất lâu.. Tự dung nét mặt chị âu yếm lạ, như đang nựng nịu một đứa bé con và thằng em trai 17 tuổi của tôi đúng đực ra, chết lặng trong nỗi ngưng ngưng. Nước cồn cào chỗ bụng nó, tôi biết chị táo tợn làm gì phía dưới đó. Rồi phát hiện ra một mắt mát lớn lao, chị thẳng thốt kêu lên; Trời đất ơi, sao vậy nè, cưng? ( cái mắt mát ấy chắc là cái ấy quá bé đến nỗi lúc nhỏ Điền cũng phải đái ngồi như chị. Cô ả vì tiếc nên mới thẳng thốt kêu, chứ nếu như trai 17 bình thường thì ả đã ngốn ngấu bào mòn mắt rồi!). ả còn mồi chài mấy gã kiếm dịch để cứu bầy vịt của út Vũ bằng chính xác thân của ả. Và ả chỉ chịu bỏ đi khi út Vũ coi ả như một con điếm chứ không phải như người tình.*

Từ một nàng Kiều của Nguyễn Du đến những cô điếm buồn của Marquet, chưa có ai vì chung đụng xác thịt lâu ngày mà sinh ra nghiện cả. Đây là một trường hợp bệnh hoạn, một nhân vật do một đầu óc hoang tưởng tạo ra, chứ trên thế gian này không có người nữ nào *lạ cần nhiều, rất nhiều, nhiều khủng khiếp* (tác giả nhấn mạnh đó) *tưởng như có thể ngốn ngấu bào mòn tất cả đàn ông trên thế gian này.*

Một nhân vật như thế làm sao thể hiện trên sân khấu và màn ảnh nhỉ? Và thể hiện để làm gì? Để câu khách và hút bạc chăng? Thế thì cũng xin vái lạy sân khấu và màn ảnh.

Điều buồn nhất, đau đớn nhất cho những người đọc như tôi là thấy cậu bé Điền yêu mê Sương, ghen với cha, rồi bỏ nhà đi theo ả, mặc dù chị cậu lo lắng không biết có được một nhòai úp lên mình chị ta hay không! Mệt mù quá, tối tăm quá, kỳ dị quá! Nói đại là nhân vật này từ hành tinh nào đó tới chứ chắc gì có một hành tinh như vậy.

## **Nhân vật 2: Điền.**

Cậu bé Điền. Gọi là bé vì tối đến vẫn muốn chị hát ru cho ngủ. Bé vì vẫn chơi trò giả bộ nói chuyện với vịt. Và cũng rất bé dưới cái nhìn của Sương (vì gần như chẳng có gì dưới háng). Có thể nói cậu là đứa bé rất tội nghiệp. Cha nghèo, hay đánh (không vì say), mẹ bỏ đi theo người đàn ông khác. Chỉ có chị Nương vừa là chị vừa là mẹ. (Có lần thức dậy thấy chị Nương tưởng là mẹ, khóc).

Thế rồi gặp Sương không hiểu vì sao bỗng đâm ra yêu người đàn bà tự nhận mình làm điếm một cách trâng tráo.

Ngay từ lúc thấy chị ta mặc cái quần cụt quần queo và chiếc áo sơ mi thâm phèn của mình, Điền đã hí hửng. (Như đứa khác là xụ mặt khó chịu). Rồi nó dành cho chị ta cái kẹp tóc, trái dưa tươi, con cá thát lát...khi chị ta vào chòi với cha thì *Điền ngo ngoay xoay trở liên tục, nó kêu khó ngủ, đòi nghe tôi hát bài gì cũng được. Nhưng Điền vẫn thao thức, dường như giọng hát tôi không át được tiếng sột sạt rạo rục trong cái chòi nhỏ trên bờ. Điền ché, ngủ ghe chòng chành quá chừng. Tôi biết lòng nó đang chao.* (ghê chưa!). Khi thấy Sương buồn, Điền rủ đi câu. *Nghe Sương nói” mắc cười quá, tới mấy con cá quý này còn ché chị” thì Điền lặn bắt cá rô lội xuống mương lặn sâu, móc cá vô lưỡi câu của chị. Lúc nó trôi lên thì đã thấy chị cười.* (Hỡi ơi! Cứ như cậu Cẩn lãnh chúa miền Trung đi câu ở Huế. Phải chi với một cô bé chăn vịt nào đó thì cũng được đi. Cũng vui và có một chút lãng mạn cho dù hơi ngây ngô, chứ với một con đĩ thập thành thì quả là ngu tận mạng nếu không muốn nói là kỳ quặc). Nó rất chi dju dằng với chị ta nhưng với lũ chó dánh nhau thì nó tàn nhẫn lấy cây quất cho đến rã nhau mới thôi. Sau cùng nó bỏ cha và chị theo hút tim chị ta, cứ như mẹ nó đã theo gã bán vải.

Lúc lên chín trong một buổi trưa, nó thấy mẹ đang oằn mình dưới một người đàn ông lạ. Mặc dù khóc nhưng cái hình ảnh mẹ cào cấu rên siết đã ám ảnh khiến nó hành động như si như dại trước một người đàn bà lần đầu tiên nó biết *cũng có thể làm như mẹ*. Giá như nó yêu chị ta như yêu mẹ (vì thiếu mẹ) thì nó đã là một đứa bé rất nhân bản và bình thường.

Với những tính cách như thế, Điền cũng chỉ là một nhân vật kỳ cục hư cấu dựa trên những ấn ức dục tình thiếu logic như Sương, như Nương, vậy thôi. Điều đáng tiếc là, một ngòi bút đôn hậu nhân ái như Nguyễn Ngọc Tư lại đi vẽ ra một nhân vật trẻ thơ lạc lõng bệnh hoạn đến như vậy khiến cho những đứa trẻ mới lớn phải giật mình hoang mang tự hỏi rồi mình cũng sẽ như vậy à?

### **Nhân vật 3: Út Vũ.**

Chăn vịt và biết đóng đồ mộc. Đẹp trai (*Ba mấy cưng đẹp trai dễ sợ, Sương nói*). *Cha ra đó tắm. Nước chảy re rất trên khuôn mặt lạnh lùng, nước mỏng tanh tràn qua những thớ thịt đỏ au của cha tôi. Chị giật thót người, cài vội chiếc áo bung ra vì không chịu nổi chiếc vú căng tức.* Một con đực có sức hấp dẫn kinh người. Thế nhưng cô vợ lại nằm oằn mình dưới tấm lưng nhiều mụn ruồi của một gã bán vải rồi téch theo gã. Từ đó út Vũ đốt nhà, lang thang theo bầy vịt để trả thù đàn bà. *Cha nhìn chị, cười nhẹ, rồi hỏi khẽ khàng: “cô đi với cha con tôi nghen” Như chờ đợi chỉ có thế, chị gạt đầu...chị te tái tới lui, kiếm gió xách...cuối cùng chị đưa con nhỏ về chơi ngoại...cha ghé một chợ nhỏ đầu xóm kinh, biểu chị mua một ít củ cải muối đem theo. Người vừa khuấy trong tiệm tạp hóa, cha cười...cha quăng đồ đạc của chị lên bờ vung vải. Và nổ máy cho ghe đi.*

Đều cáng như thế đó. Nhưng với Sương thì lại làm ra vẻ khinh bạc: *cha đưa chị một ít tiền trong bữa cơm, khi nhà đủ mặt, “tôi trả cho hồi hôm”.* Rồi cha điềm nhiên phui đít đứng lên, sự khinh miệt và đắc thắng no nê trong mắt. Và cay cú khi thấy Sương đi ngủ với đám kiếm dịch: *sáng sau, gặp ở quây vịt, cha tôi cười, hơi diều cợt”sao, hồi tối vui không? Chắc họ tưởng cô là vợ tôi nên vui thú lắm hả? Cứ để họ nghĩ vậy...*

Út Vũ qua cái nhìn như thấu suốt tâm can của cô con gái đã hiện ra như thế này đây: *Không, lúc chỉ một mình, cha đáng sợ hơn thế. Cha giống như con thú trở về tổ sau khi no mồi, và ngằm ngọi thòm thòm con kẻ tiếp. Có lúc sự vật lộn làm vết thương cũ của con thú đau, nó liếm láp máu và tôi hãi hùng nhận ra chỗ đau ấy cứ rộng thêm ra...với những người đàn bà sau này, cha tôi tính toán rất vừa vặn, sao cho vừa đủ yêu, vừa đủ đau, vừa đủ bề bàng, và bỏ rơi họ đúng lúc.*

Nạn nhân của gã chẳng những là chị chủ nhà ở bầu Sen, ả gái điếm tên Sương mà còn là cả tá: *Có người vừa mới bán xong cái quán nhỏ của mình. Có người vừa nói xong những lời dút tình với chồng con. Có người vừa chia xong gia sản, có cô gái sắp về nhà chồng...hết thấy đều cun cút tin yêu. Cha mang họ đi một quãng đường vừa đủ để người ở lại nhìn rõ chân dung của sự phản bội, sau đó người đàn bà bị hất lên bờ. Con đường quay về bị bịt kín...Tôi có cảm giác cha quắp lấy người ấy, vùi mặt vào da thịt, ngấu nghiến mà lòng cha lạnh ngắt...* Cha với con! Trời hỡi Trời!

Nhưng hận vợ mà lại trả thù ngay cả con gái vì càng lớn nó càng giống mẹ. *cha vẫn thường đánh chị em tôi, thường đánh vừa khi ngủ dậy. Đó là khi người ta thấy hoang hoải, chán chường sau một giấc dài...Tôi đành để để cha đánh để ông bớt đau chút lòng. Sau này chị em tôi không day dứt chi cho mệt, vì hiểu thấu ra, mình bị đòn chỉ vì là con của má, vậy thôi. Còn hơn thế nữa, lòng hiếu thảo kỳ dị đã khiến Nương nhìn cha như một đồ vật bằng gốm vừa qua cơn lửa lớn, vẫn hình dáng ấy nhưng đã rạn nứt, nên chúng tôi chỉ đứng xa mà nhìn, mủ mĩ nâng niu, nếu không thì vỡ mất.*

Người cha kiêu bạc, tàn độc với phụ nữ ngay cả với con gái mình ấy, nhưng lại hèn nhát, bạc nhược để cho bọn con trai làng mới nứt mắt bắt quỳ xuống ruộng mà xem chúng hiếp dâm con gái còn lại duy nhất của mình. Hay đó cũng là cách trả thù vợ qua con gái? Có người bảo đó là quả báo nhãn tiền, gã hại đời người khác thì kẻ khác hại lại con gã, cho chừa! Nhưng bày ra một gã đàn ông như thế để nói lên điều gì? Đất phương nam với những con người chơn chất nghĩa khí sao lại có một kẻ khốn nạn như thế mà giờ đây người ta lại đưa một kếp đẹp là Việt kiều vào vai để cho thế giới biết nông thôn ta cũng có một Don Juan Hai Lúa sao?

#### **Nhân vật 4: Nương.**

Mới 17 tuổi, có một người mẹ chỉ vì mê một tấm vải đẹp mà bỏ cả chồng con, có một người cha vừa ác vừa hèn, một đứa em trai khiếm khuyết cơ thể lại nổi cuồng vì một ả điếm, thì không cần kể ta cũng biết chỉ có ngàn ấy năm sống ở đời mà cô đã phải chịu biết bao đau khổ. Cái bi kịch khủng khiếp nhất đời là lúc cô bị ba thằng con trai hiếp giữa đồng trước mặt cha mình. Tuy câu chuyện đã hết nhưng lại mở ra cả một tương lai nhất định không thể nào sáng sửa. Có nghĩa đây là một nhân vật trung tâm, thâm thấu được tất cả tình cảm xót thương mà người đọc dành cho. Nhưng thật kỳ lạ, nghe cô kể, người ta chỉ tò mò, háo hức, thích thú trước những cái nhìn sắc sảo, những phân tích sâu sắc của cô về tình yêu, tình dục ( nhất là tình dục) mặc dù cho đến khi bị hiếp cô *chưa trải qua sự giao tiếp thân xác.*

Thực vậy, như một con người khác vừa ranh mãnh, vừa trải đời, vừa khôn lỏi núp trong cô, một cô gái quê nghèo khó theo cha chẵn vệt. Cứ xem cách cô kể về ba nhân vật vừa kể trên là đủ thấy cô không hề thờ than cho số phận mình. Cô nói về họ sắc lẹm, nhất là phân tích cách chiếm đoạt, cách gạ gẫm của Sương, rồi cách phụ rẫy tàn hại đàn bà của cha. Có nghĩa là giọng kể đó là của ai khác và cô cứ như một người kể nhép (mượn từ hát nhép). Điều đó khẳng định rằng về nghệ thuật, ngay từ bước đầu cơ bản đã hỏng. Phải như tác giả không dùng ngôi thứ nhất tôi, mà dùng ngôi thứ ba là nàng hay Nương thì còn có thể chấp nhận được, dù rằng những nhận định về những con người chân quê như thế là không trung thực.

Một điều kỳ dị ở cô là cái nhìn, cái nghĩ, cái nghe đều ngập tràn âm thanh và màu sắc dục tình. *Cô thấy mẹ mình oằn mình dưới một tấm lưng đầy mọt ruồi, rên xiết, cấu vùi, vật vã. Cô thấy ông ta sừng sốt khi thấy má rạo rực khi ước thử những khúc vải rực rỡ lên người. Ba mùa lúa rồi...một mình nuôi con, một mình soi gương, tự ve vuốt và yêu lấy mình. Cô biết rõ cha*

mình và người đàn bà bầu sen sẽ làm gì trên ghe và cô *chắc chị hơi ngại ngùng, mắc cỡ vì ghe không có vách, vì thế chị em tôi sẽ cố ngủ thật say, ngáy thật to để át những tiếng thở hổn hển diu dặt.* (Người đàn bà sắp trở thành mẹ ghẻ của cô đó chẳng những đã không bị cô căm ghét mà còn tế nhị cảm thông, sắp đặt cho cha và chị ta yêu nhau ở trên thuyền bên cạnh hai đứa con). Trời ạ, đó là chuyện chưa xảy ra sao mà đảo đẽ đến như vậy, sao mà dự báo khéo đến như thế. Biết trước cả tiếng thở hổn hển, diu dặt. Đó là lúc cô mới 13 tuổi thôi đấy nhé! Thật là kinh người!

Và những nhận xét rất tinh táo về chuyện vợ chồng ở thôn quê: *Một nhọc làm lụng trên đồng, người đàn ông đã trở nên khô cằn, có khi cả đời, họ không nói với phụ nữ một câu yêu thương. Họ không biết vuốt ve âu yếm, khi cần, họ lật cạch người phụ nữ ra và thỏa mãn, rồi quay lưng ngủ khò.* (Xin hãy mời cô bé Nương đến phát biểu trong các buổi hội thảo về hạnh phúc gia đình do hội phụ nữ tổ chức).

Cô lại còn so sánh người với vật:

*Khoảng thời gian trước khi con trống trèo lên con mái rất thật, mềm mại, êm đềm...Tuyệt không có gì thô tục...khác với những gì chúng tôi biết (qua cha tôi, má tôi), trong sự hoan lạc (của những con vịt) đầy ắp thứ gọi là tình yêu! Đấy nhé, hãy về nông thôn mà học cách loài vịt yêu nhau, rất chi êm đềm hoan lạc mà không thô tục!*

Có thể nói chưa có cô gái nào chỉ ngần ấy tuổi mà rành rẽ về chuyện tình dục đến thế. Vì vậy ta không còn ngạc nhiên khi thấy cô đủ bình tĩnh, đủ chai lì để mà tỉ mỉ phân tích cái giây phút đối với người khác là kinh hoàng còn với cô thì *cái gì không biết hai chị em cũng đã thử, là cách tự học để sống!*

*Nhưng lúc này cảm giác thật là đơn điệu. Đầu tiên là sự xé toạt, và từ rách nát, đau đớn như lũ kiến cánh được giải thoát, chúng bò rần khắp thân thể...hình như không phải khoái lạc thăng hoa mà đau ràn rụa nhói tận chân tóc.*

Nghĩa là trong lúc kinh hoàng ấy cô vẫn âm thầm chờ đợi cái cảm giác khoái lạc thăng hoa. Vậy nên, ta cũng không lấy làm ngạc nhiên khi cô tỉnh bơ hỏi cha: liệu có con không và vẫn nằm đó trần truồng trên bùn mà mơ mộng: *Cảm giác một cái gì nhỏ xíu nhưng lạnh lợi như con lẵng quặng đang ngập lặn trong nó* (rành rẽ chưa, còn hơn cả bác sĩ đấy, biết lũ tinh trùng của bọn khốn nạn đang tranh nhau chen chúc trong ấy)... *trời ơi, có thể mình sẽ sinh con. Đứa bé đó nhất định sẽ được đặt tên là Thương Nhớ, Dịu, Xuyên, Hường... chứ không phải là Hận là Thù mang khuôn mặt rắp tâm của cha tôi!*

Và đây là triết lý của cô: *Nhưng nó chấp nhận việc ấy dù phũ phàng*(với nó, chấp nhận cũng là một thói quen) *và trẻ con, đôi khi nên tha thứ lỗi lầm của người lớn.*

Chính cái kết kỳ cục gượng gạo đó không ngờ được người ta ầm ĩ khen là nhân bản. Liệu những cô gái bị hiếp như thế có muốn được khen như vậy chẳng? Và được khen để làm gì khi cả một đời người tan nát!

Sau cùng, với cái nhìn trần đầy dục tính của cô nên những nơi cô đi qua, những người cô đã gặp cũng rạo rức những cơn động tình có khi dữ dội như lúc cả bọn đàn bà xõn tóc, đổ keo dán sắt (chứ không phải diệt chuột) vào chỗ kín, khi mùa gặt đến bọn gái điếm đi dập diu trên đê, những đôi người trần truồng tỉnh bơ ôm nhau cười khúc khích mặc dù có người đi qua bên cạnh...Khi âm ỉ nhưng cũng dữ dội không kém, người đàn bà xa chồng, một mình tự ve vuốt, tự yêu mình. Rồi những tiếng động trong chòi, tiếng loạt soạt của dầm bào, tiếng thở hổn hển...và những con cái khát khao con đực. Sương mới bị đổ keo chảy máu, vậy mà chỉ mới ba

ngày đã sẵn vào út Vũ, chị chủ nhà ở bầu sen mới thấy tấm lưng trần của anh ta mà vú đã căng đến nổi bật cả nút áo.

Không tình cha con, không tình chồng vợ, không tình bè bạn, không cả chút tình thiên nhiên...Chỉ có tình dục và tình dục, ngay cả chó và vịt, con thì kêu la quằn quại, con thì êm đềm hoan lạc...Cả một cánh đồng mênh mang không thấy đâu là mầm xanh, không thấy đâu là giòng nước mát, chỉ có những con người và những con vật khao khát dục tình.

Cũng không còn một chút tình làng nghĩa xóm nào. Hãy đọc đoạn mẹ Nương bỏ nhà theo gã bán vải: *Tôi chạy qua hàng xóm, nói với thím Tư rằng má đi mất tiêu rồi. Cả xóm tưng bừng, kẻ mừng vì vợ mình chưa bỏ theo trai, người vui vì con đàn bà đẹp nhất xóm đã đi rồi, khỏi lo ông chồng suốt ngày thòm thềm dòm ngó...*

Thực ra, cô là một cô gái tội nghiệp rất đáng thương. Mới 9 tuổi, sau bỏ lúa cô đã thấy những cảnh không nên thấy, đã phải nghe những tiếng không nên nghe. Cái thảm kịch mẹ nằm dưới tấm lưng đầy mụn ruồi đó đối với Nương khủng khiếp hơn với út Vũ. Nó tàn phá tuổi thơ của cô, làm méo mó xệch xác tất cả những gì cô nghe thấy, trông thấy. Trong cái cách kín đáo, tế nhị thu xếp cho cha và những người đàn bà khác làm tình có một nỗi niềm cay đắng nào đó như thể là cô thay mẹ để chịu tội với cha. Có thể nói tâm hồn cô đã bị người đàn ông bán vải phá trình từ buổi trưa nọ và cha cô đã “hăm hiếp” cô trong những lần trên ghe, trong chòi, trên những đồng dăm bào, qua Sương, qua những người đàn bà khác, trước khi bị bọn con trai ngu dốt, tham lam hiếp thật sự trên ruộng. Cô là một nhân vật bị tổn thương, bị què quặt, không được ai cứu vớt chỉ mong chờ vào những con tinh trùng đang bơi vào dạ con!

Cô bị bắt buộc phải khôn, phải ranh ma quá sớm. Cô lại bị tác giả áp đặt cả những ấn ức, những dục tình của cả mẹ, cha, em trai, con dĩ Sương, chị chủ nhà và hàng lô hàng lốc những con cái con đực khác kể cả bọn con trai ngu xuẩn. Cô ngút thở trong cánh đồng mà lúa không trĩu nổi đòng đòng, nước phèn chua sánh, gió chướng ngạt ngừ mà cô đặt tên là Bất Tận như nỗi buồn bất tận của cô.

Tôi tự hỏi tác giả vui gì mà dựng nên một nhân vật khốn khổ trong vũng lầy tình dục như vậy? Bất một đứa nhỏ mới lớn vác trên vai và mang nặng trong hồn cái cơn cuồng điên tình dục của thời đại là quá hoang tưởng (cho là mới, là theo kịp thời đại), nếu không muốn nói là quá ác.

Những con người đó, làng xóm đó, đồng ruộng đó thật khác xa với những con người đầy cá tính nhưng đáng yêu của Trang Thế Hy, Bình Nguyên Lộc, Sơn Nam, Kiệt Tấn...những tác giả làm về vang đất và người phương nam. Chính Nguyễn Ngọc Tư trước khi viết Cánh đồng bất tận, cũng có những nhân vật rất chi là nam bộ, nhân hậu rất mực và dĩ nhiên rất nhân bản.

Bốn nhân vật nói trên cùng với cánh đồng tình dục của họ xuất hiện trên mảnh đất văn chương Việt Nam quả thực giống như những vật lạ có kích thước khổng lồ đã từng va vào trái đất. Nó gây nên một tiếng nổ kinh hồn và để lại một hố sâu đến cả triệu năm vẫn còn đó (như ở rừng taiga của Nga).

Có người “im lặng thờ dài” như nhà văn hóa đáng kính, bác sĩ Đỗ Hồng Ngọc(1). Có người cho rằng tác giả đã đi tìm “một lối thoát bế tắc” như Hồng Lê Thọ (2). Còn tôi, dù đã chạng vạng cũng cố kêu lên một tiếng, xin đừng đi lạc vào cánh đồng ma quỷ ấy, nhất là các cháu bé bỗng sắp bước vào đời.

Và, với Nguyễn Ngọc Tư, xin cô hãy quay về với những kênh rạch nhiều tôm cá, những cánh đồng lúa chín vàng tươi, những chòm xóm rộn ràng tiếng nói cười của dĩ Tư, má Năm...hãy

quay về với đồng đất tuy có mùi phèn nhưng vẫn thơm ngát hương rừng Cà Mau. Hãy bám rễ trên quê hương như rừng đước Năm Căn, hãy giữ vững bản lĩnh của một cây bút mạnh mẽ mọc lên từ đất như cây mắm cây bần, mặc cho những cơn sóng dâng tiu hay những cơn bão nịnh nọt.

Được vậy, cô xứng đáng được ca tụng và biết ơn xiết bao./.

01/10/2010.

□ những chữ nhuộm màu xanh trích trong CDBT.

1-Hãy đọc bài “Im lặng thờ dài” tr185,186...của Đỗ Hồng Ngọc trong tác phẩm Như Thị , NXB Văn Nghệ, 2007.

2-Xem Một “lối thoát” bết tắc của Hồng Lê Thọ trên <http://vietsciences.org>.

## Lý con sáo sang sông

Bắc về. Như thể trong đời này chỉ còn gió. Gió lạnh căm căm mà khô nẻ môi người ta. Da tôi mốc cời. Tàu chạy lừ lừ dọc theo sông, những quãng không có nhà, sậy mọc thành. Những bông sậy chín mềm, trắng phau phau. Đã nhiều bông lia cành, trùng trùng bay. Nước mặn rịn rít da. Nghe gió này là mùa cưới đến.

Nét chữ không bay bướm trong tấm thiệp mộc của Út Thà mang cho tôi một cảm giác lạ lùng. Vui, buồn, chua xót lẫn lộn. Má tôi bảo: “Con về sớm mấy ngày cho thằng Phi đỡ buồn”. Tôi lật lịch khế cười, má à, có những nỗi buồn không ai trị được đâu. Nó day dứt tháng năm, nó dài dằng dặc. Người yêu đi lấy chồng mà, biết nhiều người tự tử.

Cái lần gần đây nhất tôi đi Tân Thuận có ghé qua nhà, Phi đang lui cui đóng giường, Thà cũng qua chơi, vo gạo ngoài sân lãn, dì Tư - má Phi - lột bông súng nấu canh chua. Phi nói nửa đùa nửa thật: “Đóng giường mới cưới vợ chơi”. “Cưới ai?”. “Út Thà”. Nghe tiếng kêu cùng tiếng cười giòn trong bếp. Tôi ở lại ăn cơm chiều. Một bữa cơm ắp tiếng cười rộn rã. Khói ấm bùng nổ trên những tia nắng xuyên qua khe lá. Họ làm tôi vui quá.

Vậy thì làm sao đến nông nỗi này?

Phi cười cười, từ từ rồi nói. Nhưng dì Tư thì chất lưỡi hít hà lúc tôi bước chân vô nhà. Dì có vẻ giận Thà lắm. Phi nhún vai thì thầm: “Má tao cần nhân nhưc mình muốn chết”.

Tôi hiểu dì Tư như hiểu má tôi. Trong lòng mọi người thằng Phi tội nghiệp lẽ ra phải được hạnh phúc. Nó hy sinh quá nhiều rồi. Với má tôi, bà thương Phi như con ruột. Phi từng trọ học ở nhà tôi gần tròn năm. Có lần nó về thăm nhà, rồi không trở lên học nữa. Dì Tư kể, lần đó nó đem cây cúp móng tay về, nằng nặc đòi cắt cho ba má. Khi nâng cái chân của dượng lên, nó rút nước mắt. Những móng chân thú vị sạm, kẽ chân nước ăn lở đến xương. “Con thấy ba má con cực khổ con chịu không nổi, dì Hai à”, Phi trở lên lấy đồ, từ giã bạn học, từ giã cả nhà chúng tôi, má tôi khóc.

Rồi dượng Tư chết, thằng Phi là trụ cột trong nhà chống đỡ cho người mẹ với hai đứa em gái. Mùa mưa nó xoay trần với mười tám công ruộng. Trờ bác là nó lang bạt kỳ hồ. Nó sắm dàn nhạc cũ đi hát phục vụ đám tiệc. Ban nhạc nhỏ, gồm sáu bảy người trong xóm, già có, trẻ có, vừa đờn vừa ca. Phi có giọng ca hay nức tiếng nên ban nhạc của nó khá đắt khách. Nói Phi ai



cũng buột miệng khen “Thằng đó ca mùi rưng rún”. Trăm ngã sông, ngàn lối xóm, Phi rành rẽ đất này như một ông thổ địa. Có lần nó rủ tôi đi chơi cho biết, dặn “về đừng viết báo nghe cha nội!” nhưng tôi không tìm được, viết ngay về loại hình sinh hoạt văn hóa nông thôn này. Lần ấy, tôi phát hiện ra, Phi càng uống say càng ca thần sầu. Lời ca rõ tiếng vánh vánh, làn hơi ấm áp. Giọng ca của nó không giống Út Trà Ôn, Minh Cảnh hay Minh Vương, chỉ là của Phi thôi. Nó thuộc nhiều bài nhạc, bài ca cải lương, nhiều vô kể. Tôi ngạc nhiên về một thằng Phi mặc áo phên đi cắm câu với một thằng Phi nghệ sĩ mặc cái quần kaki mười hai túi trên sân khấu lót bằng bộ ván ngựa. Khuya, Phi rủ tôi xuống ghe nó nằm, nó gác chân lên bụng tôi, kê tay lên đầu làm gối.

- Mà hát hay vậy sao không kiếm dịp đi thi?

Nó cười:

- Thôi, giọng ca tao, thiếu sông, thiếu nước, coi như hết hay rồi.

Tôi ngó sao trời, lan man một nỗi sợ hãi mơ hồ, có người thợ xây không xây nổi cho mình ngôi nhà, có người thợ mộc nằm đất ngủ lạnh, Phi chuyên hát phục vụ đám cưới cho người ta, bao giờ mới hát cưới mình đây?

- Chừng nào mà cưới út Thà? Quen người ta ba năm rồi, ngâm tới chừng nào?

- Không biết, lo cho con Minh, con Thúy trước đã. Ba năm nữa tụi nó mới ra trường. Tụi nó học ở thành phố mới một năm mà về chề dàn nhạc tao là đồ dỏm, đồ cũ. Tao giận tụi nó, thì nhờ mấy món đồ cổ đó mà tao mới nuôi nổi tụi nó học đại học. Cũng tội nghiệp, hai đứa nó biết lỡ lời nên buồn hui. Tao thương tụi nó quá.

- Vậy không thương Út Thà sao?

- Thương. Thương thiệt.

Thương mà sao không biết tính làm sao.

\*

Nhà Út Thà ngó xéo bên sông. Hôm nay là nhóm họ, qua đám dứa nước thừa, thấy đặng trước rạp đã lùm xùm những tàu dứa bẻ vòng nguyệt, lá đùng đình vắt xòa quanh mấy cây cột rạp ộp bẹ chuối non. Phi ngượng nghịu:

- Lẽ ra tao phải qua bển phụ một tay.

- Sao vậy?

- Bữa trước gặp ngoài chợ huyện tao lỡ nói dóc là kẹt không về. Lúc đó tao tưởng là không chịu nổi?

- Bây giờ chịu nổi rồi à.

- Ừ!

Phi nói có vẻ nhẹ nhàng như thể nó đã chuẩn bị điều này lâu lắm rồi. Hai đứa nằm trên cái

võng giăng ngoài chái dựa hàng lợn nước. Tôi nghe rất rõ gió cuộn thành lọn, lăn miết trên da mình. Có nỗi buồn nào đó đang thổi rất mạnh. Dì Tư buồn tình chèo xuồng về bên ngoại chắc chiều mới về. Một chút ai ngờ Út Thà qua. Cô mang cho chúng tôi một tiếng cười giòn.

- Em biết anh Kiên bữa nay về mà.

Phi nạt:

- Ở bên nhà đang lu bu...

- Thiếu gì người làm. Còn em, qua đây lâu lắm mới qua nữa. Mà, biết đâu là... lần cuối.

Chữ "lần cuối" Thà buông xuống, lạnh như bắc cuộn gai ốc trên tay tôi. Thà chột cười (lại cười giòn):

- Hai người nằm làm gì, đi nhậu đi.

Tôi với Phi trợn mắt nhìn nhau, nghe tiếng bước chân Thà lẹp xẹp vào bếp. Thà rành từng góc vách nhà Phi nên không lâu lỏi ra từ bộ vạc tre chai rượu trắng với đĩa mắm lóc xé trộn gừng. Một chút bổ sung thêm chén khế chua xắt lát. Chúng tôi kéo lại ngồi với nhau. Và với gió. Thà là con gái nhưng uống rượu khá mạnh. Phi nãy giờ không nói gì, ngó Thà lom lom:

- Làm gì ngộ vậy Thà...?

- Uống rượu cho dễ nói chuyện.

- Chuyện gì?

- Chuyện anh Phi nói gạt, ảnh tránh em. Đám em mà ảnh còn không qua vậy mà nói thương em. Tụi mình là bạn bè, anh Kiên coi phải không?

Tôi cười cười, chịu Thà thôi. Khi chúng tôi còn nhỏ, thật tình là có dạo tôi tranh Thà với Phi. Bởi vì Thà có đôi mắt một mí nhưng đen, mái tóc đen, khuôn mặt xinh xinh duyên dáng và cũng bởi vì cô nói chuyện rất cuốn hút, thuyết phục người ta, điều này với các cô gái quê là rất hiếm hoi.

- Nghe nói Thà lấy chồng về Cái Nước?

- Dạ, xa lắm, chắc lâu nữa mới về một lần. Anh Kiên đi công tác ngang chợ Rau Dừa, nhớ ghé nhà máy Phú Phong thăm em. Anh Phi cũng vậy nghen!

Phi "Ừ", nâng ly uống "chóc".

- Sanh con cứ lấy tên anh mà đặt.

- Dạ. Nhưng vái trời cho nó đừng ca hay như anh. Có nhiều cô mê lắm.

Thà cười. Tôi ngờ ngác giữa đôi bạn thân. Họ đang đứng ở bên bờ chia xa mà thanh thản vậy sao? Tôi đùa:

- Uống công anh nhường em cho thằng Phi, nghe tin Thà lấy chồng như trời sập. Quả tình anh

giận em lắm...

Thà bảo không uống nữa, trở bộ duỗi chân.

- Em biết, ai không hiểu chuyện thì giận em lắm. Lần đó, bên chồng em qua hỏi, ba má em hẹn ba ngày trả lời. Trước đó em đã từ chối bốn mối rồi. Một mình em chạy máy đi lòng vòng kiếm anh Phi. Cực khổ lắm. Kiếm được rồi hỏi ảnh tính sao? Ảnh kêu em về. Song ảnh chạy xuống tắt qua Rau Dừa, dò hỏi kỹ bên chồng em. Hỏi từ ông già, bà già cho tới đứa con nít xong ảnh về kêu em ra nói một câu: "Em lấy chồng đi". Hai đứa ngồi ngoài bực tính kỹ lắm. Em thấy chắc không chờ được nữa rồi. Con gái xóm em mười bảy, mười tám tuổi có chồng, em đã hai bốn rồi, ba má em như ngồi trên đồng lửa. Nói cho kỹ, chuyện này là anh Phi giả em. Ảnh nói bên chồng em khá giả, lại đàn ông, xứ đó ai cũng biết tiếng chịu khó làm ăn. Xét cho cùng, em cũng có lỗi, em không chắc lòng chắc dạ với anh Phi. Mỗi khi ảnh đi, em nhớ ảnh lắm, em nhớ giọng ca của ảnh. Rồi tưởng tượng ra biết nhiều cô cũng ngồi nhớ ảnh như em. Ảnh đi hoài, mai một biết ảnh có về cưới em không? Có câu "Bậu lỡ thời như giấy trôi sông..." anh Kiên nghe chưa? Đó, lỗi của em là nhiều đó đó. Nghĩ lại cuối cùng em không xứng với cái tình của anh Phi. Tụi em thương nhau không lấy được nhau thì không có thù hận đâm chém đâu anh Kiên à. Khổ cái, đám em ảnh trốn không qua coi như không tha thứ cho em rồi.

Phi phì cười:

- Thôi mà, anh lỡ lần này thôi, Thà ơi.

Thà nói xong, má đã bừng hồng. Đôi mắt cô đen và trong lắm. Đôi mắt Phi cũng đen và trong lắm. Trong lòng tôi tự nhiên muốn ôm choàng hai đứa bạn vào lòng. Ba chúng tôi ngồi với nhau như ngày xưa, lúc nhà tôi còn ở đây, chưa ngập mặt dưới dòng sông lở. Trước nhà tôi có giàn mướp vàng hoa. Những đứa trẻ lấy đó làm nhà, sống đầm ấm, và chúng yêu thương nhau cho tới bây giờ. Phi giục:

- Thôi nói bao nhiêu đó đủ rồi, Thà về đi...

- Dạ.

- Đừng buồn anh.

- Không buồn đâu. Mai một em có con, tối ngày nựng nịu nó, thời gian đâu mà buồn. Em mê con nít lắm.

- Nhớ sanh hai đứa thôi, đúng chính sách. Sanh nhiều mau già, dễ chết - Phi dặn thêm.

Chúng tôi đều cười. Cái mắt mắt rồi, cái còn hình như vẫn còn đó. Tôi cảm thấy hơi ấm từ lòng mình ấm phừng đến mặt. Chắc tại rượu ngon. Thà về, xuống tới bến còn quay lại phân trần:

- Sao tự nhiên em qua đây lãng xẹt vậy không biết?

Cô cười giòn. Tôi có cảm giác cái cười níu chặt vật lặn nước mắt chực rơi ra. Thì là người mà, có phải cây cỏ đâu. Phi không tiễn Thà mà ngồi trên nhà gõ chén ca, giọng ca thêm rượu thần sầu.

*"Ở ở... Ai xui mà con sáo cái nó sang sông cái nó sang sông. Cho nên mà con sáo ở ở sở lồng*

*cái kia bay xa cái kia bay xa, cái lý em ở, cái lý chàng đi...”*

Tôi xin thề với thiên thần thổ địa rằng chưa bao giờ được nghe một bài *Lý con sáo sang sông* điệu Bạc Liêu đứt ruột như vậy. Nó menh mang, sâu rứt những nỗi nhớ thương từ tim, từ máu. Tôi buột miệng: “Thì mày đưa con sáo của mày sang sông chờ ai”. Phi ngưng hát, miệng làm bầm: “Chớ bắt người ta chờ mình tới chừng nào”.

Dì Tư về. Có vẻ như dì về đã lâu. Bà hỏi: “Sao tự nhiên tụi bây nhậu vậy?” mà không đợi chúng tôi trả lời, ngồi thừ rất lâu. Rồi bà kể chuyện thằng em họ xa của Phi vì ghen tuông đâm chết người bị bắt lên trên huyện. Bà chất lưỡi: “Sao tụi trẻ bây giờ coi trọng chuyện trai gái quá vậy không biết”. Phi quạt mạnh tay cho những bụi than hồng trong bàn ủi bay lên, tùm tùm cười: “Bà già muốn nhẩn gỏi tao đó”.

Chạng vạng, chúng tôi xuống xuồng qua sông. Dì Tư biết chúng tôi đi đâu nhưng hỏi cho có:

- Con đi đâu vậy Phi?

Phi trả lời, giọng cố nghiêm túc:

- Con đi ca, má à!

## Sông nước Hậu Giang và Nguyễn Ngọc Tư Kiệt Tản

*phù sa nước đục khó dòm  
nhớ anh em khóc đổ lòm con người*

Lần trước, bài “Cái rầu bất tận của Nguyễn Ngọc Tư” đã giới thiệu hai tác phẩm của tác giả này: *Ngon đèn không tắt* và *Cánh đồng bất tận*. Bài sau đây bổ túc và đề cập tới hai tác phẩm còn lại: *Giao thừa* và *Tạp văn*.

*Nắng Hậu Giang mưa Tiền Giang  
Nhìn nhau mà lệ rớt hai hàng  
Câu ca vọng cổ chìm trong tối  
Mùi mẫn còn rung dưới nguyệt tàn*

Từ *Ngon đèn không tắt* qua đến tập truyện *Giao thừa*, Nguyễn Ngọc Tư đã bỏ bớt được tính chất học trò trong cách kể chuyện và ngay cả trong lối viết. Tư trở nên già dặn hơn. Truyện kể cũng đơn giản thôi, nhưng mạch lạc hơn. Tập *Giao thừa* gồm 17 tựa truyện cho 161 trang. Thể văn nói chuyện linh hoạt tự nhiên, không cường điệu ồn ào. Văn gần bó với đời sống, chơn chất, không sần sùi ngổ ngáo như lối viết “mới” hiện nay. Cách nói thành thật hiền hoà, không xúc tấp ngang ngược. Người đọc không thấy ở Tư cái cố gắng “làm văn chương”, không có những câu văn thời thượng, trau chuốt, không có những kiểu nói om sòm mà rỗng tuếch. Bình dị. Đơn giản. Dễ hiểu. “Có sao nói vậy”. Vậy thôi. Mà tại sao phải nói rắc rối? Nhiều khi nói rắc rối là nhằm để che đậy một sự trống rỗng, một cái dốt đặc nào đó ở mình. Cho nên phải “rắc rối hết cỡ nói!” cho thiên hạ tá hỏa và phục lẫn?

Trong tập *Giao thừa*, phần lớn bài viết có truyện – có chút truyện, hay gọi là... Đôi khi bài viết được dựng lên quanh một chi tiết, quanh một tình cảm thương ghét, quanh một quyển luyến,

một quan tâm, để ý, “có cảm tình” giữa các nhân vật trong truyện. Chẳng hạn: “Giao thừa”, “Bởi yêu thương”, “Chuyên vui điện ảnh”, “Hiu hiu gió bắc”, “Một mối tình”, “Nhớ sông”...

Đọc vài ba truyện khác nhau, có cảm tưởng Tư mê cải lương, mê điện ảnh, và cũng có thể là mê làm đào hát luôn không chừng (?) Có gì mà lầy lém lẹ? Đã làm dân miền Nam mà không biết mê cải lương, không biết mê vọng cổ là một thiệt thòi lớn! Truyện “Bởi yêu thương” nhắc tới gánh hát rã khiến cho người đọc ngậm ngùi. Hồi xưa, nhà tôi ở cạnh rạp hát nên tôi cũng đã từng chứng kiến hai ba gánh hát cải lương nhỏ rã gánh tại chỗ vì trời mưa ế khách. Rồi đào kép, hề diễn, người đờn, con nít lân la đi xin cơm ăn trong xóm. Nhưng cũng nhờ láng giềng cô bác thương tình nên không một ai bụng đói. Tình nghĩa đùm bọc đặc thù của người miền Nam. *Mưa Tiền Giang nắng Hậu Giang. Những tay hảo hớn sống ngang tàng. Trái tim hào hiệp bao trời đất, Bốn biển anh em rượu rót tràn...*

Ngoài mê cải lương, còn có cảm tưởng Tư bị ám ảnh bởi tên gọi của các nhân vật. Những cái tên trở đi trở lại trong nhiều truyện khác nhau, như Ông Chín, San, Xuyên, Điệp, Diệu, Giang... Tưởng chừng như những nhân vật đó có thật trong đời sống. Họ bị phăng cuốn trong dòng đời bất cưỡng, quanh quẩn trong rạch ngòi Hậu Giang chẳng chệch, nay được Tư phân cắt thành những mẩu truyện ngắn. Biết đâu chừng khi nối liền hết lại, những mẩu truyện ngắn này sẽ kết hợp thành một truyện dài mạch lạc, một bức tranh đời éo le, lâm ly, ngang trái.

Còn một thứ không thể nào thiếu được trong tất cả các truyện của Nguyễn Ngọc Tư. Đó là *sông nước*: sông bốn phía, nước tư bề! Quơ chỗ nào cũng đụng nước, ngó chỗ nào cũng thấy sông. Nước là nền, sông là dòng cho ngòi bút của Tư triển miên tuôn chảy, cuốn theo những chữ nghĩa đầy áp tình người như phù sa lộn cợn. Sinh đẻ ở miệt Hậu Giang, gắn bó với cuộc đất Cà Mau như Tư thì cũng không thể nào khác hơn được. Dứt sông là dứt hơi thở, cạn nước là cạn máu huyết. Là mất hết cái lẽ sống còn. Tư đặt tựa truyện: “Dòng nhớ” (tr. 47). Nhớ gì? “Nhớ sông” (tr. 154). Nhớ sông, nhớ nước, nhớ da diết, nhớ dai dẳng, nhớ muốn khùng, nhớ muốn điên. Nhắm mắt vẫn thấy, hôn mê vẫn thấy. Thấy hoài thấy huỷ.

Truyện “Dòng nhớ”: Một người đàn ông (gọi là *ba*) trốn nhà theo chung sống với một người đàn bà (gọi là *dì*) trên ghe thương hồ. Hai người có con với nhau, nhưng rủi ro đứa con nhỏ bỏ lọt sông chết chìm. Người đàn ông nghe theo lời má, bỏ sông lên bờ cưới vợ khác (gọi là *má*). Và tiếp theo đó, thỉnh thoảng *dì* trở lại neo ghe trên bến cũ để ngóng *ba*, người chồng giờ đây đã vượt khỏi tầm tay mình. “(...) *chuyện xảy ra lâu rồi, nhưng người ta vẫn còn nhớ, vẫn còn cấm sào trước bến nhớ ba tôi, vậy mà biểu ba tôi quên cái rụp thì làm sao quên được*” (tr. 51). Cấm sào thì cấm sào, đậu bến thì đậu bến, nhưng “*người ta nhớ thương đứt ruột có thể chạy ào lại để gặp nhau, nhưng vì lương tâm không làm được, đành ngồi đây ngó lên, ngồi ở trên ngó xuống*” (tr. 56).

Còn người đàn ông trên bờ cũng không ngớt ngóng ra sông mà nhớ người thuở trước. “(...) *đêm đêm cả nhà đi ngủ, ba tôi ngồi hút thuốc trên bộ vạt kê trước nhà, chống rèm lên, ngó ra sông*” (tr. 50). “*Những đêm đó, ba tôi hút thuốc dừ, cứ nhìn chong chong ra ngọn đèn đò ổi, nhỏ nhoi, buồn hiu ngoài kia*” (tr. 51). Tâm can rời rã, tuy có mặt đó mà cũng đồng thời vắng mặt: “*Ông đang ở đây nhưng tâm hồn ông, trái tim ông, tấm lòng ông chảy tan vào dòng nước tự lâu rồi*” (tr. 50).

Bằng lối viết dung dị, Tư đã làm bật sáng lên được cái *tương tư* của hai người tuy cách mặt nhưng không xa lòng. *Tương tư đôi chốn tình ngàn dặm, Vạn lý sầu lên nối tiếp mây...*<sup>[1]</sup> Cái thương nhớ tôi bởi hiện lên theo từng hình ảnh rõ nét, khắc khoải theo từng chữ viết dung dị mà đúng tận tâm can.

Rồi người đàn bà bỗng dựng bỏ bến sống đi biệt, không còn bao giờ trở lại bến xưa cắm sào mong ngóng nữa. Và cuối cùng người đàn ông chết trong mong đợi, thi thể vùi chôn ở vườn nhà. Người vợ cho dù có hờn ghen hừng hực cũng thấu hiểu được tấm tình khảng khít giữa ông chồng bền lòng và tình địch bền dạ của mình. *“Má tôi vẫn không ngừng tìm di, hỏi để làm gì, má tôi nói để cho di hay và nói với di, nếu sống mà không gần được, chừng nào chết, mời di lên nằm trên đất vườn tôi”* (tr. 57). Người đàn bà muốn giúp cho chồng mình chấm dứt dòng nhớ. Nhưng liệu được chăng khi dòng sông vẫn còn đó, con nước vẫn trôi hoài, vẫn trôi xa tấp về miền bất tận. *“Đó là nỗ lực cuối cùng má tôi làm để chấm dứt cái cảnh ba nằm bên má mà hồn vẫn hướng về những dòng sông miền man chảy”* (tr. 57).

Những dòng sông... Ôi! Những dòng sông... khiến chợt nhớ thơ Nguyễn Bính: *“Sông đục đầu sông, sông gặp sông, Thuyền xuôi theo nước, nước theo dòng, Người về người gặp quê người đó, Ta gặp ai đây giữa bụi hồng?”*

Và những dòng sông, những dòng nhớ của Tư vẫn cứ tuôn chảy miệt mài, len lỏi trong khắp cùng ngõ ngách Hậu Giang. Cuối cùng, dòng nhớ biến thành một nỗi nhớ mong khắc khoải: *“Nhớ sông”,* bài viết chót trong tập *Giao thừa*. Mà không nhớ sao được, khi cả cuộc đời ba, cả cuộc đời má, cả cuộc đời hai con mình đều gắn bó bền chặt với sông nước. *“Bây giờ hỏi lại, Giang nói không có con kính, con rạch nào mà ghe chưa đi qua, không có đường ngang ngõ tắt nào mà ông Chín không biết. Xuôi dòng, ngược dòng, con nước kém, con nước rong... Không ai nói với ai, nhưng cả nhà ông đều nghĩ, chắc là sống như vậy hoài, như vậy mãi thôi. Chị em Giang đùa nhau, sau này lấy chồng ra riêng, ba cho mỗi đứa một chiếc ghe”* (tr. 156).

Giang tự nó nghĩa là sông, cái tên như một định mạng trói buộc từ đời nào với rạch ngòi. *“Giang không hiểu sao mình nhớ hoài, nhớ rành rành cái ngày đó. Cho nên qua vàm lần nào, Giang đều kéo con Thủy ra, Giang chỉ, má chết chỗ này nè”* (tr. 156). Má trượt sào té đầu đập vào cái gờ sắt, đôi chân còn bấu vào ghe, rồi cả thân người hụp vào lòng sông, chìm lìm. Vợ chết, ông Chín vẫn tiếp tục chở hai đứa con gái đi bán hàng bông xuôi ngược trên khắp các ngã sông ngòi. Thủy mê đất từ hồi nhỏ, từ thuở còn bồng. *“Giang nhắc, ở phải em ham đất lắm, hồi nhỏ ghe đậu bến nào chế cũng coi em bắt mết, cứ xoay lưng là em chống mông cạp đất ăn ngon lành”* (tr. 159). Chế là tiếng Tiều châu để gọi chị mình.

Rồi cái mộng ước định cư trên đất liền của ba đã (hay gần như) trở thành sự thật: Giang lên bờ, lấy chồng tên Thuấn ở Đập Sậy, có đất làm ruộng. Những tưởng một khi đã lên bờ định cư rồi là quên được sông. Nhưng liệu quên được không? Thỉnh thoảng ông Chín ghé qua nhà Thuấn thăm con gái và nhậu tì tì với thằng rể tốt bụng. *“Ghé Đập Sậy, Giang đòi ông Chín ở lại một đêm, cho Giang xuống ghe ngủ với con Thủy. Giang than nức nở, “Trời ơi con nhớ ghe quá trời đất đi”. Xuống ghe, Giang đưa tay sờ rằm từng món hàng, từng miếng sạp”* (tr. 157). Rượu vô ngà ngà, Thuấn than thở với ông già vợ của mình: *“Thường thì cơm nước, quét dọn xong, để hở ra giờ nào Giang lấy xuống chèo đi giờ ấy. Trời đất, nó đi đâu? Thuấn cười chua chát, “Hổng biết, nó chèo khơi khơi vậy đó ba à, con cũng nghi bậy trong bụng, có bữa con rình đi theo, vợ con chèo đã đời rồi nó buông chèo lủi vô đám lá, lấy tay vịn, ngồi ở đó. Rồi chèo về, vậy à”* (tr. 158).

Trời ơi! Nhớ tới nước này thì phải gọi là *ghiền* mới phải. *Nhớ sông!* Hay là ghiền sông, ghiền nước, ghiền bơi, ghiền chèo, ghiền cái mũi ghe, ghiền cái sạp nằm, ghiền con sóng lăn tăn, ghiền dòng phù sa ngẫu đục, ghiền tiếng nước khua bì bõm? Mà một khi đã ghiền tới mức này là kể như hết thuốc chữa. Chỉ còn nước trả Giang lại cho sông nước mà thôi.

Xếp quyển *Giao thừa* lại, người đọc tự hỏi Giang có phải là người con gái thứ tư trong một gia

đình nào đó ở miệt Cà mau xa mút tí tè, nơi tận cùng đất nước: Cô Tư. Tư. Nguyễn Ngọc Tư, cô gái Hậu Giang có cái nhìn hiền hậu, có nụ cười thắm thiết và nước da bánh ít mặn mòi?

*Mưa Hậu Giang nắng Tiền Giang  
Cô em kẹp tóc bịt răng vàng  
Cần tim xanh đỏ càng què lấm  
Mắt liếc khua theo guốc rợn ràng...*

*Mưa Hậu Giang nắng Tiền Giang  
Bến sông san sát những nhà sàn  
Võng trưa kéo kẹt em tôi hát  
Gió đưa bông thắm nở về chàng*

“*Àu ơ... Gió đưa gió đẩy bông trang, Bông búp về nàng bông nở về anh... Àu ơ...*” Nhà sàn, loại nhà nửa trên bờ nửa dưới nước, dựng trên những chụm cột rần rỏi đóng chặt xuống lòng sông, sàn lót bằng ván. Nhà sàn rất phổ thông ở vùng sông nước đồng bằng Cửu Long, như Bạc Liêu, Cà Mau, Cần Thơ, Vĩnh Long, Mỹ Tho...

Mãi đến khi bước chân vào *Tạp văn* của Nguyễn Ngọc Tư, “Trăm năm bến cũ con đò” tôi mới bắt gặp lại được chiếc võng đưa và mái nhà sàn ở miệt phù sa của Tư. *“Cửa sau nhà tôi trông ra sông. Tôi thường ví đó là một khung tranh, có lúc nó hiện lên những chiếc tàu cao nghệu, hùng hục đi qua, che khuất cả dãy nhà sàn bên kia sông...”* (tr. 163)... *“Chỗ tôi ngồi có chiếc võng con giăng ngang căn chòi de ra mép nước”* (tr. 165). Nhà sàn còn đó, con đò còn đó, võng giăng còn đó, mà tiếng “*àu ơ*” ru em đã vỗ cánh bay đi mất biệt tự lúc nào. Có lẽ kể từ sau năm 75, kể từ lúc Tư chào đời và ngủ đưa trên võng, không còn ai nhớ hát ru con bằng những câu ca dao “*àu ơ ví dầu*” nữa.

Thời tản cư ở Bạc Liêu, lúc tôi 5 tuổi, ghe ba má tôi trôi dạt xuống tận vùng Đầm Chim, Đầm Dơi. Thỉnh thoảng ba tôi nhắc tới tên sông Trèm Trèm ở miệt Năm Căn, tôi không nhớ rõ mình đã có lần đi qua con sông đó hay chưa. Cho tới lúc Tư bơi xuống ba lá đưa tôi đi thăm chợ nổi ở Cà Mau, tôi mới biết chắc là mình đang thả trôi trên dòng sông Trèm. *“Giữa chợ nổi Cà Mau, cảm giác như gặp được những khu vườn của miệt sông Tiền, sông Hậu, như nhìn thấy những rẫy khóm, rẫy mía miên man dọc trên miền sông Trèm quê mình”* (tr. 136). Ở Bạc Liêu, Cà Mau, rất đông người Triều Châu chuyên nghề làm rẫy – với những tiếng gọi nhau rất là chệt “*Tiều*”: tia, hia, ché, số, tù củ, tù nưng... (Nói Quảng nói Triều!) Sông Trèm, dòng sông ngẫu đục đã chảy vào rẫy thơ của Lâm Hảo Dũng thời chinh chiến. *“Áy dòng sông Trèm xưa nay, Còn thương cây mắm rễ cài trên không. Lênh đênh em một chiếc xuống, Đòi tôi lính trận cỏ bông chân mây”*. Đòi trai thời loạn. Một cuộc binh đao. Một cơn máu lửa tơi bời. Bao nhiêu người đã vĩnh viễn nằm xuống trên xứ sở tang thương vì bom đạn? *“Hận người con muỗi vo ve, Nên trong cuộc chiến bạn bè giết nhau, Áy dòng sông Trèm trôi mau...”*

Hãy chậm dần bơi lại để đi vào cái chợ nổi của Tư và bắt gặp “Chút tình sông nước”. *Nằm giữa lòng thành phố Cà mau, quãng cuối sông Gành Hào, đứng trên cầu nhìn về phía mặt trời mọc, người ta có thể nhìn thấy một dãy ghe rập rờn xao động cả mặt sông, những cái chân vịt gác chống lên loang loáng dưới mặt trời”* (tr. 134). Tư thích nói về những cái chợ nhỏ nhỏ họp nhóm chum nhum ở miệt ruộng rẫy, những cái chợ chọn rộn đầy ắp tình nghĩa, thương mến, thân thuộc, nơi mà mọi người gần như đều biết hết mặt nhau. Chẳng hạn cái “*Chợ bên đường*” ở một làng quê hẻo lánh nào đó... *“Như người phụ nữ chân quê, chợ nhỏ nhoi, hiền hậu, trăm tính dịu dàng (...) Buổi sáng sao mà dậy mùi thơm nồng hăng của rau húng lủi, húng cây, rau cần nước, cần rùng”* (tr. 39). Nhưng gà vịt, cá tôm, rau củ trong vườn nhà bày ra đó chỉ để mong bán được, trả giá thấp cao, trông chừng, hoặc canh góc thoi sao? Không, không!

Đâu phải chỉ có bao nhiêu đó. “*Chị em chụm lại rôm rả với nhau chuyện chồng con, chuyện hàng xóm, ruộng lúa, vườn cây... (chuyện xóm quê mà, nói biết chừng nào cho hết)*” (tr. 39). Khách từ phương xa tới và có dịp qua ngang chợ, hãy để ý. Hãy để ý cho tận tường, hãy ngó cho thiệt kỹ, hãy hít thở cho thiệt nồng nàn đi rồi sẽ thấy...

*Nắng Tiền Giang mưa Hậu Giang  
Xe lam về tới miệt Ba Càng  
Ruộng khô thổi nóng lửa chụm tóc  
Tóc em thơm phức mùi dưa gang*

Nhưng liệu nói như vậy mà đã bày tỏ hết được tấm lòng của mình chưa? Chưa! Tư còn có thêm một cái chợ nữa: *Chợ của má. “Tôi gọi những cái chợ ruộng dân dã này là chợ của má. Bởi nó hiền lành, lam lũ như má. Bởi chợ nhỏ nhoi, khiêm tốn như má, nhưng nó mang một cái hồn sâu, ménh mông lắm nên người ta nhắc nhở hoài, thương hoài như thương... má vậy*” (tr. 151). Trong chợ của má, những người buôn thúng bán bưng là những ai? “*Họ là những người gán bó máu thịt với cảnh chợ quê này không chỉ vì mưu sinh mà là mối gán bó thiêng liêng. Không có rau, không đi chợ, đăm... buồn. Có người lặn lội đi bán từng trái bình bát chín, không đủ tiền xe thì đi bộ, “miễn sao đỡ ghiền chợ*” (tr. 153). Ở thành thị người ta ghiền quyền lực, ghiền tiền bạc, ghiền karaôkê, ghiền bia ôm, ghiền xăng nhớt, ghiền ma túy thì ở miệt ruộng rẫy này, người dân quê họ... *ghiền chợ!* Một loại ghiền rất tốt cho sức khỏe và càng thắt chặt thêm tình nghĩa xóm làng.

Đi vào thế giới *Tạp văn* của Nguyễn Ngọc Tư, người ta bắt gặp một trời một biển tình thương và gán bó. Và cũng chính vì bởi gán bó liền tay liền ruột với đất đai mà người dân quê phải gánh chịu biết bao là phũ phàng cay đắng, biết bao là nợ nần chồng chất, biết bao là thất vọng ê chề. Đôi ba người tự tử, rất nhiều người bắt buộc phải bán rế đất nhà mà ngậm ngùi bỏ xứ ra đi trong hờn tủi và nước mắt. Rồi sẽ thấy.

*Tạp văn* chia làm 35 tựa trải đều trên 186 trang. Cũng như trong ba tập truyện trước của Tư, trên trang nào của *Tạp văn* cũng bắt gặp thường trực chữ nghĩa và cách nói miền Nam, đặc biệt là miệt Hậu Giang của Tư. Đếm không xuể, kể không hết. Bút pháp cũng vẫn là giọng văn nói duyên dáng nhuần nhuyễn và tự nhiên của Tư. Lối viết này tạo cảm giác thân quen, gần gũi. Tuy nhiên, cũng nên cẩn thận, chọn lọc kỹ và dùng chữ cho chính xác. Vì nếu cứ viết phóng túng đầy dẫy theo hứng khởi, lối “*văn nói*” sẽ rơi vào sự dễ dãi, cẩu thả, làm mất đi phần đóng góp cần thiết và quý giá của người viết: sự *sáng tạo*. Một khi sáng tạo mất rồi thì tính cách *văn chương* của bài viết cũng sẽ mất luôn, không còn lối cuốn được người đọc nữa.

Hai thể loại Tư thường dùng nhứt là tùy bút và ký sự. Đề tài khá đa dạng: tiếc thương những vùng đất cũ, bàng hoàng trước những đổi thay sau “*giải phóng*”, lãng đãng những kỷ niệm về bạn bè ngày xưa, ám ảnh bởi cái nghèo xơ xác dai dẳng của người dân quê, phần uất trước thái độ tặc trách và nạn tham nhũng của cán bộ nhà nước. Cái tính chất *văn chương* ở các tập truyện *Giao thừa*, *Cánh đồng bất tận* đã phải tạm gác qua một bên. Cũng dễ hiểu thôi. Chạm trán từng giây từng phút với thực tế cam go, khắc nghiệt, gai góc, thử hỏi còn ai hơi sức đâu mà thần thơ vớ vẩn “*Hôm nay trời nhẹ lên cao, Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn.*” Trong thời khắc hiện tại, người dân quê bắt buộc phải đối đầu với những khó khăn sờ sờ trước mắt và bắt buộc phải nhận thức: “*Hôm nay trời nặng lên cao, Tôi buồn “tôi hiểu” vì sao tôi buồn!*” Đọc *Tạp văn* mới thấu hiểu được cái thực trạng thâm trầm của người dân quê miền Nam sau “*giải phóng*”.

Bắt đầu *Tạp văn* là một cuộc hành trình trở lui về dĩ vãng, khi trời “*Trở gió*”. “*Thoạt đầu, âm thanh ấy sẽ sàng từng giọt tinh tang, thoảng và e dè, như ai đó đứng xa ngoắc tay nhẹ một cái,*



*như đang ngại ngần không biết người xưa có nhớ ta không” (tr. 7). Cơn gió gì mà lạ vậy? Và cứ hiu hiu như vậy hoài sao? “(...) bây giờ (nó) lớn thành một dòng gió, xấp xỉ, cuống quýt xốc vào tằm tòn bên chái đông đã bị đứt đỉnh từ mùa trước. Cồn cao. Nồng nhiệt. Mà thiệt dịu dàng. Ôi! Gió chướng” (tr. 7). Cơn gió chướng mùa trước, cơn gió chướng năm ngoái đã trở về thổi vào cõi lòng xốn xang của Tư những niềm nhớ không nguôi.*

Tận cùng phương Nam đất nước, nơi mang địa danh Cà Mau, một mũi phù sa nồn nả lấn tràn ra biển Thái Bình, “Đất mũi mù xa”. “*Nơi ấy, những ngôi nhà đều không cửa, nhà mở toang cho gió nam vào, chướng tới, bắc qua, nhìn nhà là hiểu người, chân thật đến bầy cả gan ruột” (tr. 11). Làm nhớ những ngôi nhà không cửa do chính bàn tay thợ mộc của ba tôi và anh hai tôi chung sức dựng lên ở Bạc Liêu, ở Vĩnh Long. Một truyền thống Hậu Giang còn giữ được. “Người Đất Mũi sao mà hiền từ, mến khách thấu trời thấu đất vậy không biết, dường như sống giữa bao la trời, bao la biển này, người ta phải học cách thương nhau để khỏi cô độc” (tr. 14). Tuỳ bút “Đất mũi mù xa” của Tư là một bài viết vô cùng nồng nàn thấm thiết về phong tục và con người đất Cà Mau. Khiến nhớ muôn trùng.*

Gió chướng còn đem về thêm cho Tư một nỗi nhớ khác nữa. Nhớ cái đầm nước mênh mông thuở trước, bây giờ đã xa. “*Xa đầm thị Tường”*: “*Đầm Thị Tường là vùng đầm nước mênh mông với diện tích mặt nước hơn bảy trăm héc ta, quãng rộng nhất gần hai cây số, rộng tay mạnh dầm như dân xứ này, từ bờ nam sang bờ bắc mất hơn một ngàn lát dầm, từ bờ tây sang bờ đông nhìn mút mắt” (tr. 20). Người dân đầm Thị Tường chuyên sống bằng nghề đánh lú cá tôm. Mà cá tôm hồi thời trước thiếu gì, ê hề, ăn mệt nghỉ. Và một khi đã có mồi ngon rồi thì tất nhiên là phải có nhậu nhẹt. Cư ngụ chung quanh đầm là “những người hào sảng đậm đặc chất Nam bộ. Đàn ông nhậu một mâm thì đàn bà cũng một mâm. Đàn ông say thì ca vọng cổ, (...) đàn bà say chỉ nhảy múa cho vui hơi rượu đi” (tr. 24) Rất nhiều người từ đầm đã ra đi để thành lập những xóm nổi tiếng là kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ thời trước. “*Người dân mót ruột mình ra mà nuôi cán bộ, sống chết với cách mạng.” (tr. 24) Sống thì không biết sao, chết thì thấy rõ trước mắt. Chết để nuôi hy vọng cho những ngày mai tươi đẹp huy hoàng, chết trong niềm mơ ước một tương lai xán lạn rực rỡ cho con cháu mình mai sau, dĩ nhiên. Để rồi coi. Nhưng còn cái đầm? Đầm Thị Tường bây giờ ra sao? “Chuyện cá tôm nhiều vô kể quanh năm, chuyện một chiếc xuồng con với vài tay lưới có thể nuôi cả gia đình đã quá xa vời. Chuyện xuồng đi tới đâu cá nược đuổi theo đến đấy chỉ còn là cổ tích” (tr. 25). Phải. Cổ tích, nhưng mà là một cổ tích kết cuộc không có hậu. Buồn năm phút! Hay buồn năm ngày, năm tháng, năm năm? Buồn dài dài... Buồn mút mùa lẹ thủy!**

Nhưng khét tiếng chống Pháp và “*chống Mỹ cứu nước*” đâu phải chỉ có mỗi một mình cái đầm Thị Tường. Còn một cái xã oanh liệt khác nữa. Nó là một trong ba xã vây quanh đầm. Ở đó cũng có toàn là dũng sĩ cứu nước, và toàn là bà già giết giặc hết trơn chớ bộ. Thiếu gì. Đếm không hết. Ở đâu ? Thì ở Hưng Mỹ chớ đâu. Người dân Hưng Mỹ can trường và trung kiên số một. “*Nhớ những người dân áo vá, tay lấm chân bùn nhưng một lòng theo Đảng, theo cách mạng. Nhớ hàng ngàn cái hầm đào dưới những vườn dừa bạt ngàn mà người Pháp người Mỹ không tìm được lối vào vì miệng hầm nằm trong trái tim mỗi cụ già, em nhỏ” (tr. 43). Đó thấy chưa? Nói có trật chút nào đâu. Tới em nhỏ cũng là “con nít giết giặc” luôn nữa, huống hồ là mấy bà già và mấy ông già !*

Nhưng bây giờ thì sao? Xã Hưng Mỹ le lói tới mức nào sau cái ngày “giải phóng” năm 75? “*Ba mươi tháng tư này nữa là tròn 29 năm hoà bình. Con đường quốc lộ về ngang qua xã vẫn ca hoài bài “Đường chỉ đẹp những khi còn... dang dở”. Xã có 3911 hộ, đã ngót 251 hộ nghèo, 13 ấp thì một ấp rưởi chưa có lưới điện” (tr. 43). Chỉ tiêu mà đạt đến mức đó thì quả thực là cao cấp, còn thành tích thì hết sức là hoành tráng, vậy còn đòi hỏi gì nữa cơ chứ? “*Bây giờ đất này còn nghèo hơn trước, cái nghèo lừa mị người xứ xa, lừa mị những ông quan kinh lý ưa kiểm tra**

*lót lót*” (tr. 44). Kiểm tra lót lót là kiểm tra như thế nào cơ chứ? Này! Định xúc phạm và phá hoại Nhà nước đấy phỏng? Nhà nước đang bù đầu để xử lý một vấn đề lớn lao và trọng tâm vô cùng là vấn đề giáo dục. Vậy thì yêu cầu đường sá, điện nước lẻ tẻ làm chi mà lảm thế? *“Hỏi cô con gái tên Trang đã học tới lớp mấy rồi, cô cười, nghèo quá, mấy anh em em hông ai biết chữ”* (tr. 45). Không biết chữ thì phải đi học chữ lấy một mình. Nhà nước đâu thể học chữ giùm cho nhân dân được! Nhưng đâu phải chỉ có mỗi một cái “hông ai biết chữ”. Hưng Mỹ còn có rất nhiều cái “hông có” khác nữa. *“Hỏi đó Thị Tường có “ba không”:, không theo giặc, không bỏ Đảng, không bỏ cách mạng. Bây giờ thì “tùm lum không”. Không gạo, không tiền, không cá, không rau cỏ...”* (tr. 47) Này này! Hết phá hoại Nhà nước, bây giờ còn định bôi bác chế độ đấy phỏng?

Tới đây xin mở ngoặc nói về một hiện tượng đang xảy ra ở đất nước ta. Khi đi karaoke, kể từ Đà Lạt ra tới Huế, ở đâu các em nhỏ hậu phương cũng đều xô ra toàn là giọng miền nam. Ngay cả tiếng “Huệ” cũng lai giọng Nam kỳ. Tò mò “hỏi người em nhỏ lạc loài từ đâu?” Em thì nói từ Chợ Gạo, Mỏ Cày, Bến Tranh, Chương Thiện... Em thì “thành thật khai báo với cách mạng”, em là em nhỏ Bến Tre, Giồng Trôm, Đồng Tháp, Cái Nhum... Toàn là những vùng ủng hộ kháng chiến ngày trước. Và toàn là *gái miền Tây*. Bất ngờ! Và khi em Chợ Gạo cất giọng mũi nhão nhẹt dân dã để làm ly biểu diễn karaoke thì vẫn cứ nhứt định là “anh cầm tâm vòng vạt nhọn, em cầm dao phay sáng ngời, hai đứa mình phom phom chạy qua cầu khỉ quyết chí diệt thù, phất cao lá cờ cách mạng...” khí thế vô cùng hùng dũng. “Rằng quen mất nét đi rồi!” Cái “tiếng xấu” mà các cô gái miền Tây phải hứng chịu này, Tư cũng đã có dịp nói phớt qua trong “Kính thưa anh nhà báo!” Khi bạn bè hỏi em gái từ đâu đến, em gái đã chẳng đứng đờng, lí nhí, thẹn thò thưa thốt: *“Thưa, em ở Cà Mau” (và tôi làm sao tránh được ánh mắt cười cợt, nghi ngại của người thị thành khi biết tôi là gái miền Tây)* (tr. 105). Đóng ngoặc.

Trở lại Hưng Mỹ. Lần này, sau khi đọc kỹ “Ngậm ngùi Hưng Mỹ” lần nữa, thấy ở đoạn kết Tư cũng có nhen nhúm lên một chút hy vọng trong lòng bà con ta đó chớ. *“Nghe mấy ông thầy coi nước nói năm nay tôm tép khá lắm đây (...) Không biết có phải là những lời an ủi, vực nhau đứng dậy rồi bị đôn đại ra không, nhưng tôi biết ơn mấy ông lắm lắm, khi nhen lại cái khát vọng sống trong lòng người Hưng Mỹ. Ờ, sống để mà bước tới”* (tr. 50).

Từ xưa đến nay, hy vọng vẫn luôn luôn là liều thuốc trị được bá bệnh – trừ bệnh ỉa chảy dĩ nhiên! Chú Hai sặt nghiệp vì đổi qua nghề nuôi vịt, nhưng ác thay, lại trúng nhằm mùa dịch cúm gia cầm. Nợ ngân hàng lút đầu. Vậy mà trong nhà vẫn không ngớt tiếng cười rộn rã. *“Râu cũng nghèo mà cười cũng nghèo, sao mình hông cười, hông hy vọng cho đỡ khổ hả cô?”* (tr. 113). Chí lý! Thiểm Hai duy vật biện chứng Mác Lê như vậy rất là chí lý, nghe lọt lỗ tai hết cỡ nói. Dân Hậu Giang ta bao giờ cũng lạc quan... hết thuốc chữa. Vì có sao đâu? *“Lúa thất thì hy vọng trúng mùa sau, giá rẻ như bèo thì cứ đình ninh năm sau sẽ được giá. Lúa này tôm chết thì chờ lúa sau, lúc thả bọc tôm nhỏ như cây kim xuống đầm, vẫn mong mai này còn gặp lại chúng”* (tr. 113/114). Tư chợt bừng mắt trước một điều hết sức *hiển nhiên* – hiển nhiên tới mức người ta không để ý, như cái không khí mình đang thờ chẳng hạn. *“Tôi nhận ra rằng, nông dân mình xưa rày có món đặc sản “độc” lắm, nhờ món đó mà họ sống từ thế hệ này sang thế hệ khác, từ đời này sang đời khác. Đó là “hy vọng”* (tr. 113)

Hết vớt tôm chết thì tới chôn vịt sống. Hết cúm gia cầm thì có liền “bão tôm” thổi tới “tù tón, lạng lẽ, mà bào mòn sức chịu đựng của con người”. Lo gì! *“Vớt từng con tôm nhỏ bằng ngón tay út lên lòng rưng rức, đứt ruột (...) Có ai làm gì nó đâu mà nó chết, mình quý nó còn hơn mạng mình nữa mà? (...) Má tá hoả khi biết hầu hết tôm giống trên thị trường không hề được kiểm dịch”* (tr. 118). Này! Đùng có vu oan cho Nhà nước nhé cô Tư! Nhà nước ta ngày đêm không ngừng lo lắng đào sâu giải pháp cho nhân dân. Nhà nước không ngừng quy hoạch, không ngừng chuyển dịch cơ cấu sản xuất. Người khác chỉ rành có sáu câu, chứ Nhà nước ta

thì rành tới sáu câu... rươi. “*Người dân bao đời gắn bó với cây lúa bây giờ nỡ nả cho nước mặn vào đồng để nuôi tôm*” (tr. 99). Cũng hợp lý thôi. Cây lúa cần nhiều nước ngọt mà thu hoạch lại quá ít ỏi thì thay nước mặn vào! Còn chờ gì nữa? “*Chỉ mới một mùa tôm (đầu) thôi, bác à, nhưng đó là mùa tôm người nông dân vùng chuyển dịch vất kiệt mình ra trước bao nỗi cực nhọc, buồn vui*” (tr. 116). Vất kiệt? Cô đừng có quá nhời chứ cô Tư. Đã vất kiệt rồi thì làm sao vẫn cứ còn vất hoài được hoài? “*Chuyện tôm chết nông dân đã rành sáu câu rồi, chỉ khác, đây là năm thứ tư tôm chết, nghĩa là năm thứ tư nông dân Cà mau vất kiệt mình trong nỗi lo đói nghèo*” (tr. 108). Năm thứ tư? Tội nghiệp quá nhỉ? Nhưng ba bốn năm nay chịu đựng nỗi, chắc bà con nông dân ta vẫn hãy còn đủ hy vọng để mà lướt qua năm thứ năm. Và không chừng còn “*dư sức qua cầu*” luôn năm thứ sáu.

Mùa “bão tôm” từ tổn và nạn tôm chết hà rầm dần trải lê thê trên nhiều bài viết của Tư trong *Tạp văn*: “Ngâm ngùi Hưng Mỹ”, “Thư từ quê”, “Đi qua những cơn bão khô”, “Chờ đợi những mùa tôm”, “Gió mùa thao thức”... Trong cảnh cùng quẫn, người dân quê ngược nhìn lên “trên” để mong cứu giúp. “*Trên*” đây không phải là “trên Trời” hay “ơn Trên”, mà là “*ở trên*”. Rồi “*ở trên*” mới ra tay ban phép mầu ra làm sao? “*Mấy ông Nhà nước không nghĩ ra cách nào cứu tụi tui, để vậy hoài, hai năm nữa không chết đói cũng chết vì trộm cướp cho cô coi, bán cùng sanh đạo tặc, ông bà mình dạy vậy*” (tr. 108). Làm gì mà lo xa quá vậy? Mới chỉ có bấy nhiêu đấy thôi mà bà con đã kêu trời như bộng! Cũng tại bà con hết đấy chứ. “*Báo chí than bà con mình thiếu thông tin, thiếu hiểu biết rằm trời, các chú “ở trên” nhần, bà con mình nóng vội quá*” (tr. 118). Thì lỗi tại bà con rành rành đây này! “*Thuở đời nay, năm nào mấy ông cũng lên ti vi kêu năm này phấn đấu đạt năng suất cao hơn năm trước, khuyến khích giống mới này trúng hơn giống cũ, vậy mà làm ra hột lúa trần thân, bán không có giá, mấy ông đồ thừa tại nông dân làm cho cổ mạng nên bán không được*” (tr. 184). Nhưng đồ thừa như vậy cũng đâu có trật. Làm chi mà làm cho cổ sát, ai mà ăn động cho hết. Hơn nữa, bây giờ bà con ta lại còn bày đặt “phấn đấu” với lại “năng suất” năng siết rùm beng. Hồi xưa ở Cờ Đỏ, má tui cũng có một thời cày thuê cấy mướn, nhưng đâu có biết “phấn đấu” với “năng suất” là cái khí mốc gi! Vậy mà vẫn có gạo ăn hoài hoài.

Bà con cứ đòi hỏi Nhà nước phải có bổn phận đối với nhân dân. Chớ còn cái bổn phận của nhân dân đối với Nhà nước bà con để nó ở đâu? Bộ quặng nó cho chó ăn hết rồi hả? “*Khi đời bàn tay gầy guộc của tôi vượt lại những tờ bạc lẻ nhàu nát lem luốc mờ hôi, dầu nhớt... để nộp thuế cho đảng phường, nghĩ tới mấy vụ tham nhũng động trời ngay tại quê mình, nghĩ tới những bữa tiệc vung vinh tiền triệu, chắc cái mặt tôi buồn hết biết, mà tôi còn khóc, hồng chừng...*” (tr. 166) Thôi mà Tư! “*Lau mắt đi em, đêm đã khuya rồi, buồn chi nữa em?*” Tư hãy bắt chước cái lạc quan kinh niên của má mình. “*Ai biểu làm nông dân làm chi. Chỉ hy vọng mấy ông “ở trên” làm cách nào cho dân bớt khổ, má tôi nhấn mạnh, bằng cái giọng hết sức tin tưởng, “Mấy ông hứa rồi...”*” (tr. 185). Đó thấy chưa! Ngày nào mà mấy ông còn hứa thì bà con ta vẫn còn có “quyền” hy vọng. Hy vọng dưng cao, hy vọng miên man, hy vọng tràn trề, không biết để đâu cho hết. Vậy thì bà con còn than cái nỗi gì? “*Thôi thôi... Đủ lắm rồi! Xin đổi giùm cho tuồng khác. Thành thật cảm ơn đồng chí.*”

Khi bị vây kín bốn bề bởi những khó khăn của đời sống, người ta thường có một phản ứng rất tự nhiên để bảo tồn lấy mình: *chạy trốn!* Bỏ đi nhậu, đi karaoke, đi du lịch. Hoặc coi phim bộ, đi ăn tiệm, đi gặp gỡ bạn bè, nói chuyện tào lao, đàn đúm ca hát. Nếu không làm gì được hết thì người ta chạy trốn thực tại bằng cách lủi sâu vào cõi không thực. Thả hồn về những kỷ niệm đẹp ngày cũ. Về những ký ức có bóng mát cỏ cây, có tiếng nước vỗ lách tách, có tiếng lá khua tâm sự rì rào. Về những dòng sông thương nhớ, về những đò xưa bến cũ, về những cuộc tình dang dở bây giờ đã mây trôi...

*Nắng Tiền Giang mưa Hậu Giang*

Sông Mỹ đò đưa bến Vĩnh Tràng  
Bên chùa tôi đã ôm em siết  
Xa rồi còn tiếc chuyến đò ngang

Cái phản ứng đề tự vệ của Tư trước những bức bách của đời sống cũng vậy thôi. Trong đời Tư cũng đã từng có những dòng sông cũ, những bến đò xưa, những “Trăm năm bến cũ con đò”. “Trăm năm để lở hẹn hò, Cây đa bến cũ con đò khác đưa”. Một bến đò cũ nào đó để Tư thả hồn mình về đó nổi trôi, hầu dìm bớt đi những nỗi muộn phiền đang vây khốn tư bề. “Bến đò nằm cạnh nhà. Có thể nghe được tiếng bước chân người xòen xoẹt lại qua, nghe mũi đò chạm lịch kịch vào bến, và tiếng chèo chém ngọt vào mặt nước những lát cắt dày. Và nhiều khuya nghe tiếng gọi đò xao xác (...)” (tr. 163). Rồi tự hỏi biết đâu chừng mình đã nghe lộn tiếng gì thành tiếng gọi đò của ai đó. “Đêm nghe tiếng ếch bên tai, Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò”<sup>[2]</sup>. Khách đi đò cũng khác nhau lắm. Có khi là những người phụ nữ đi chợ sáng lấy đò trưa trở về bên kia sông. Có khi là đám học trò đứng ngồi lóc nhóc trên đò qua bờ bên này để tới trường. “Có người qua đò rồi quay về, có người không trở lại. Bến đò cũng là nơi nhiều đứa con gái qua sông lên thành phố rao bán mình trong những “chợ vợ”, để lại mấy thằng con trai chiều chiều ra bến đón đã đời mới ngơ ngác, trời ơi, mình đang chờ ai đây?” (tr. 166). “Chiều chiều chim vịt kêu chiều, Bâng khuâng nhớ bạn chín chiều ruột đau...” Dứt một cuộc tình. Tàn một đời trai. Rồi đời trinh nữ. Khóc đi em!

Dòng sông cũ, con đò xưa đã êm đềm đưa Tư lâng lâng vào “Đôi bờ thương nhớ”. Chiều qua, Tư nhận được thư của bạn mình báo sẽ cố thu xếp trở về cố hương thăm nhà. “Rồi bạn kể ra một dọc những cảnh moi từ ký ức cũ, nào là những tàn cây trướng cá đặng góc sân, hàng điệp đở gie mình ra mé nước che cái bến, mấy chiếc xuồng ba lá buộc dập dềnh vào chân cầu” (tr. 123). Bạn xa xứ vậy mà đã 12 năm rồi. Mười hai năm đã trôi qua, biết bao là vật đổi sao dời trên cái xứ sở nát tan này. Và cũng biết bao là đổi thay trong công cuộc vấp vúi lại đất nước. Vì vậy, khi thấy bạn mình nhắc nhở những cảnh xưa mà bạn còn nhớ, Tư đâm lo ngay ngáy cho bạn mình. “Nhà cũ của bạn tôi nằm đâu? Cái xóm nhỏ nhìn ra sông, đón nắng từ sông, uống gió từ sông đó bây giờ đâu? Thờ dài. Những ngôi nhà trống huơ, hoang tàn, tro tro gạch ngói, cái còn cái đã ngụp một nửa dưới nước...” (tr. 124). Khi thư bạn nhắc lại cảnh cũ người xưa, Tư cũng thảm tiếc và ước ao mình có được phép màu để dựng lại ngôi nhà cũ, trồng lại hàng điệp đở, trồng lại cây trướng cá lá mềm năm xưa, và còn nhiều thứ khác nữa... Nhưng rồi Tư bỗng giật mình chợt nghĩ lại. “Tỷ dụ như tôi làm được những điều phi thường ấy thì bạn của tôi ơi, cái hồn quê, hồn đất năm xưa đã không còn. Mà tánh bạn cũng như tôi, khẳng khẳng hoài: “Hoa nào đẹp bằng hoa tuổi nhỏ, Ôi nào ngon bằng ổi năm xưa”. Kỷ niệm của những ngày tuổi trẻ vô giá” (tr. 128). Chẳng những vô giá mà lại còn hết sức cần thiết nữa. Ôm vào lòng mình kỷ niệm dĩ vãng (và ôm luôn cả hy vọng tương lai) như cái phao nổi, hầu giữ cho mũi mình còn lé dề trên mặt nước trong hiện tại để mà thờ. Cũng được! Cũng tốt thôi!

May mắn thay! Trong lúc Tư còn lặn hụp chới với giữa dòng kỷ niệm ngoài khơi thì còn có được một người đứng trụ hai chun rất vững trên đất liền để mà... lạc quan. Phải! Có thiệt. Và Tư đã gặp con người lạc quan đó: nhỏ Bèo! “Má ơi! Con quạ nó đứng chuồng heo, Nó kêu bớ má bánh bèo chín chưa?” “Chín rồi! Đừng có kêu nữa, coi chừng tắt tiếng!” Bèo! Một nhỏ bạn lâu quá chừng không được giáp mặt. Mà giáp mặt rồi thì sao? “Bèo rồi rít mời tới nhà chơi, mà, cái giọng của con bạn, trời ơi, nó tươi rói, giòn tan, sung sướng, tự hào (...) Rồi nó cười hực hỡ, rạng rỡ, như thể nhà nó là một thiên đường” (tr. 60) Một thiên đường! Thiệt sao? Cái nhà của con nhỏ đó ra làm sao mà nó le lói quá cỡ thợ mộc vậy? “Ai dè nhà nó nằm tuốt trong con hẻm Cỏ sau lưng siêu thị. Đó là một con hẻm dài, hẹp te, tối tăm, sinh bùn ọp ọp, ngoa ngoắt (...) điệu này, tới cuối hẻm, chắc nhà chỉ còn bằng cái miếu Ông Tà” (tr. 60) “Hoàng hôn dần xuống, tiếng chuông chiều dần dần vắng xa, em Bèo xanh lướt nhẹ gót hồng từ từ trôi sâu vào hẻm Cỏ tím, để rơi lại sau lưng mình một mùi hương vương vấn của cỏ nội hoa đồng...” Tuyệt!

Thơ mộng ngất ngư. Lãng mạn thâu trời! Vậy mà chê con người ta là chê ra làm sao? Còn cái nhà của cô nó hoành tráng tới mức nào mà dám chê nhà con người ta một cách không có cơ sở và dấu ấn gì hết trời vậy? “Nhà tôi nằm ngang chợ phường, quay lưng với sông, ngửa mặt đón bụi đường, trong nhà không lúc nào ngót tiếng xe, tàu chạy (tôi ngồi viết văn ở đó, giữa tiếng động chói gắt khủng khiếp của tàu xe, tiếng nhạc nhùng nhằng từ xe kéo kéo, tiếng những người đàn bà bên chợ cá cựa cãi nhau)” (tr. 61/62). Có vậy thôi à? Vậy mà cứ tưởng đâu nhà cô là một thiên đường vô cùng cao cấp, đáp đúng tiêu chuẩn ISO và đầy đủ hết mọi chất lượng quốc tế chớ. Làm con người ta hết hồn, thiếu chút nữa té lăn cù dưới đất!

Con nhỏ Bèo có lời tha thiết như vậy, nhưng khi lò dò quanh co, quẹo mặt quẹo trái cho tới hết cái hẻm Cỏ để bước vô được thiên đường của con nhỏ Bèo rồi thì thấy nó ra làm sao? “Mái lợp bằng lá cũ mềm, ngửa cổ đã thấy lấp lánh trời sao. Nước bùng ra để cái cộp, khách chưa kịp uống lá mục đã rót vào, nên nước nghe thơm mùi lá lấm” (tr. 61). “Hà! Cái lầy mời ché dầm xà há!” Tuy nhiên, biết đâu nhờ uống được nước trà có pha mùi lá lợp nhà thâm niên của nhỏ Bèo mà Tư ngộ được thiên và ngộ được luôn cái “Tri túc tiện túc, đãi túc hà thời túc” của người xưa? “Tôi tới chơi một lần tự dung buồn, nghe thất vọng quá trời đất, nghe trong lòng có một chút ghen hờn. Con Bèo học hành lờ dờ, nghề nghiệp cũng chẳng cao sang, sao nó lại ngộ chữ “tri túc”, còn mình thì không?” (tr. 61). Phải nói “chưa” thì đúng hơn là “không”. Cần phải kiên cường học tập cách mạng thêm nhiều hơn nữa, cần phải khởi nghĩa thêm nhiều bận nữa, may ra. Bời lẽ, “biết đủ thì là đủ”, chớ biết tới mức nào mới là đủ bây giờ? Rồi nghĩ tới nghĩ lui gần nát óc, Tư mới gãi ra: “Tôi chân thành cảm ơn những cuộc đi xa, nó làm cho tôi biết nhớ nhà, ờ, miễn là nhà-của-mình, thôi thì, sao cũng được” (tr. 63). Trong thâm tâm mỗi người, ai cũng thiết tha có được “Một mái nhà”. Là cái chắc!

Bước ra đường gặp con nhỏ Bèo lúc nào cũng tích cực lạc quan và lúc nào cũng sẵn sàng cất tiếng cười tươi rói thì sức mấy mà buồn nổi! Mà Tư cũng hên lắm nghe. Ngoài con nhỏ Bèo vui vẻ kinh niên ra, Tư còn có thêm được “Một người bạn không biết viết văn”. Và cũng không bao giờ biết buồn luôn: Nguyệt! Bữa Tư đang uốn tóc ở tiệm cạnh nhà, cái đầu chơm bơm, tóc tai cuốn từng cuốn như chả giò thì bà tiên Nguyệt thình lình giáng thế. Bất ngờ gặp nhau, mừng thôi hết biết. Khi Tư “thành thật khai báo với cách mạng” là mình làm nghề viết văn, Nguyệt “à” lên một tiếng cảm thông rồi chia sẻ nỗi niềm với Tư bằng một cái giọng hết sức là tội nghiệp xót xa: “Vậy à, ờ, ráng đi, ai biểu hỏi nhỏ mày giỏi văn làm chi”. Lời của nó thiết tha đến nỗi làm tôi tin rằng mình tội nghiệp thiệt, thấy thương quá đi. Người không viết văn sướng hơn mình nhiều” (tr. 52) Vậy à? Nguyệt tỏ vẻ chê cái nghề viết văn, còn nó, nó có làm được chuyện gì “khá” không? “Nó giỏi giang, chu đáo, làm việc nào ra việc ấy (chắc là vì không biết viết văn như tôi?). Nấu món nào chồng cũng thích, bạn bè chồng tới nhà hai năm sau còn nhắc bữa ăn cá lóc luộc mỡ nghe ngon tới bây giờ” (tr. 52). Được lắm. Nấu nướng như vậy rất là đáng khen. Nhưng về mặt nghệ thuật, cái sở thích, cái “gu” của nó có “siêu” lắm không? “Nó nói nó không thích phim Mỹ, khó hiểu lắm, hồng giống phim Đài Loan, coi lần nào cũng khóc muốn chết” (tr. 53).

Tới nhà bạn chơi, đưa mắt ngó lên cái kệ sách lều hều thấy không có quyển nào mang tên tác giả Nguyễn Ngọc Tư, nhà văn “nhớ” bèn hỏi chớ bạn ta đọc sách gì? “Nguyệt kể ra nào là Tình như mây khói, Yêu mãi người ơi, Mai em theo chồng... loại sách vừa dễ hiểu vừa có chữ bự coi không mỏi mắt” (tr. 55). Dĩ nhiên! Tại sao phải kiếm chuyện khó mà làm? Tại sao phải kiếm chữ nhỏ mà đọc cho lòi con mắt? Rồi than mệt. Mệt cầm canh!

Nguyệt kiếm cách gặp gỡ bạn bè lu bù. Còn Tư thì bận viết văn (làm đại sự!) Khi bận viết thì đành gác chuyện đi chơi với bạn qua một bên. Khi rảnh rang tìm bạn để chơi và để nhậu (dồ! đồ!) thì chẳng có ma nào. Buồn năm phút! Và trong một phút hoang mang, nằng chọt ớn lạnh rùng mình ba cái rồi lắng nghe cô đơn chầm chậm lấn vô cái tâm hồn tội nghiệp nhỏ bé bằng

cỡ bàn tay năm ngón của mình. “*Nguyệt thì chẳng bao giờ cô đơn như thế. Nó để dành cả một tâm hồn không vướng bận để quan tâm, chia sẻ, chu toàn hết thủy chuyện lật vạt của cuộc đời. Còn tôi...*” (tr. 56). Còn tôi thì sao? Bộ tính xuống vọng cổ sao đây cô Tư? Nói trước đi cho người ta hòm sẵn để mà phụt đèn màu đúng bon cho nó ăn rập. “Còn ta... Ta phải chịu bấy nhiêu điều đau khổ cay đắng như dày vò như cẩu xé cho tan nát mảnh tơ (ơờ)... lòng!” (Phụt đèn!) Ủa, bộ tưởng vậy mà hồng phải vậy hả? “*Còn tôi thì đang đứng trên biển văn chương mệnh mang chưa thấy đâu là bờ bến, đường đời cũng dở sống dở chết, chưa đâu tới đâu, hai vai không trọn vai nào*” (tr. 56). “Chưa thấy đâu là bờ bến”? Bộ bỏ quên ông dòm ở nhà rồi hả Tư? Mà cũng nên coi chừng và bảo trọng lấy thân mình nghe Tư. Cứ đứng hoài trên biển văn chương thì bảo đảm sẽ bị dính mực tèm lem. Và hơn nữa sẽ còn bị ướt hết quần áo rồi cảm lạnh, ách xì nhảy mũi um sùm đó nghe.

Khi làm cái nghề đi biển hết sức phiêu lưu, thỉnh thoảng Tư cũng kiếm người thân để trút bớt bầu tâm sự, xả bớt ra một đôi lời cho nó nhẹ nhàng... (quá trời mây!) Đó là “*Lời cho má*” của Tư. Thỉnh thoảng về quê thăm má, Tư than thở “*làm cái nghề viết văn cô độc, cực khổ quá má ơi, má tôi lặng lẽ buồn hiu. Buồn vì không hiểu văn chương, không thể dịu dặt, nâng đỡ tôi trên con đường nhọc nhằn đó, nhưng má không hay rằng má giúp tôi nhiều lắm*” (tr. 155). Tư hằng tin như vậy. Và sẽ vẫn còn vững tin như vậy nữa, tin triền miên, tin dài dài, lòng tin không hề hao hót đi theo ngày tháng. Tư luôn luôn tin rằng: “*Vẫn còn những ngày dài phía trước, mai tôi sẽ về thưa với má, dù tôi nói câu này hơi trễ tràng nhưng có còn hơn không, rằng chưa có bao giờ má tôi dạy tôi viết văn, nhưng những gì tôi viết ra đều mang hơi thở cuộc sống mà má trao tặng*” (tr. 158).

Ai cũng có một bà mẹ để mà ôm ấp, để mà thương, để mà nhớ. Đối với tôi, tiếng “*má*” gợi hình ảnh những “*bà già quê hương*”, những bà già có làn da nhăn nheo thơm tho mùi đất, có bàn chân nứt nẻ phù sa, có trái tim từ bi vô lượng, trái tim đó đã bơm máu vào cuống rún tôi từ lúc tôi còn nhỏ xíu, lớn chưa bằng đầu ngón tay. Má tôi là một trong những bà già quê hương đó.

*Nắng Hậ Giang mưa Tiền Giang  
Nắng mưa mưa nắng chín mùa màng  
Vòm cao tre trúc nghiêng nghiêng bóng  
Trâu ghé lim dim núp nắng chang*

Đối với tôi thì là vậy. Nhưng đối với Tư, tiếng má gợi lên hình ảnh gì? “*Má tôi là nông dân, suốt quãng thời gian cầm bút, mỗi khi tôi viết về người nông dân tôi lại nghĩ tới má. Trong tôi hiện lên một khuôn mặt sạm đen nửa đêm thao thức, nghe gió về lo lúa đang trở ngoài đồng bị lép hạt*” (tr. 154). Mà đâu phải chỉ có lo sông vậy thôi. Má làm quần quật cả ngày. Làm từ sáng sớm tới trưa, từ trưa tới chiều, từ chiều tới sẩm tối. Có khi ban đêm cũng làm luôn. Làm ruộng, trồng rau, tưới rẫy, làm giàn cho dưa leo, mướp, đậu rồng, xớ đất, lên giò, xách nước... Bấy nhiêu công việc đó theo ngày tháng đã dần dần biến hai bàn tay má trở thành “*cục mịch, với những đốt xương thô mà sàng gạo như múa trong trưa vắng (...)* Kể tay má đầy những mảng nước ăn, đau nhức tới từng đốt xương sao má không than hả má ?” (tr. 154/155). Đã là dân quê mà lại còn làm ruộng thì tới mùa cày cấy, má phải lội bùn, lội nước vô cùng vất vả. Lội năm này qua tháng nọ. “*Đôi chân ấy từ mười tuổi đã biết khóc. Chân má ngắn, ngón ngắn, chỉ rộng bề ngang nên nhìn nó to bè bè*” (tr. 182). Ngó thấy bàn chùn má sần sùi nứt nẻ Tư cũng xót ruột lắm. Thỉnh thoảng Tư bỏ ra chút thời giờ để chăm sóc cho má. “*Lâu lâu, như buổi tối nay, tôi nơ chân má lên cắt móng cho má, lại thấy móng dày thêm sớ, phèn che bít cái phần hột gạo đục ở trong, vàng hoe hoe vàng. Dưới gan bàn chân, chai nhiều chỗ, phía gót thì nứt nẻ như đồng khô mùa hạn. Gió trở bắc, chỗ nứt tứa máu, lại nứt sâu hơn*” (tr. 182/183). Hồi nhỏ, tôi không để ý coi bàn chùn má tôi ra làm sao, nó có trần ai như vậy không. Chớ bàn tay đục đẽo của ba tôi thì kỳ lạ lắm! Ô dề kịch cợt thì chẳng nói gì. Đàng này, móng tay của ba tôi

nó dày mo, không có kèm đục nào mà cắt cho nổi. Chỉ còn nước lấy cưa thợ mộc ra mà cưa vòng vòng – như người ta cưa sừng nai vậy đó. Mạt cưa và móng tay rớt ra cả đồng. Chịu thua ông già!

Quanh năm suốt tháng loay hoay với lúa gạo nên má Tư gán bó cả cuộc đời mình vào cây lúa. Theo má tin, “*lúa có linh hồn. Không biết má trao cho đám lúa còn non nớt kia bao nhiêu tình thương yêu, bao nhiêu hy vọng (...)* Bà có tình thương yêu ruột ràng vào cây lúa, bà tin tưởng mạnh mẽ vào kinh nghiệm nắng sương mấy mươi mùa ròn rã của mình. Để coi, tình mùa này nữa, má tôi làm ruộng suốt 38 năm” (tr. 180). Ba mươi tám năm má gieo mạ, má trồng lúa, má chăm sóc lúa, má gặt lúa, má gánh lúa, má đập lúa, má tải lúa... Cực quá là cực! Bởi lẽ đó mà suốt nhiều năm qua, má chỉ mơ ước có mỗi một cái máy vừa gặt lúa vừa đập lúa. “*Khi mà đồng đất đã biền biệt bóng trâu, bạn chịu khó đẩy xuống trên ruộng cạn, tải từng bó lúa như bà má tôi dưới nắng hè. Má tôi đã bao nhiêu năm rồi đẩy voi voi trời biển*” (tr. 181). Làm nông dân cả một đời cực khổ, má sống chết với ruộng, với lúa, với từng hạt gạo. Bởi lẽ đó, khi nghe ông Y thâm lạm chục ngoài tỉ, má buồn khủng hoảng luôn. “*Quen nét nông dân, bà tính, được số tiền đó bà phải làm ruộng chắt mót suốt... đời. Lúa rẻ rẻ, một gạ vài chục ngàn, mấy ông “ở trên” làm mất tính ra hàng tỉ tỉ gạ chớ ít đâu*” (tr. 183). Hàng tỉ tỉ gạ bị thất thoát! Còn ai bụng dạ nào mà tiếp tục sống chết nhọc nhằn với lúa, tiếp tục nghèo xơ nghèo xác, tiếp tục lặn lội năm này qua năm khác, mùa này qua mùa khác, rốt cuộc nghèo vẫn hoàn nghèo.

Nhưng má chỉ nhọc nhằn có một mình ên má thôi sao? May mắn thay, má có một đứa con gái chí hiếu và đảm đang số một. Tư đã từng sát cánh theo má lặn lội vất vả, khổ “cực trần ai khoai củ” trên khắp các kinh rạch, để đi bán gạo bằng xuồng. Có khi kinh rút nước, lạch cạn teo chỉ còn lại bùn. Vô phương bơi xuồng. Bèn nghĩ ra cách tải gạo tải cám bằng xe đạp. Tư rành cái vụ này lắm! Đủ thứ sáng kiến. Nhưng “*ai khen tôi giỏi lòng má tôi cũng đau, vì đã để tôi dang dở con đường học tập*” (tr. 157). Rồi có lần Tư theo má đi mua so đũa về để bán lại ngoài chợ quê, cũng vẫn bằng xuồng. Khi về xuồng phải vượt qua một con đập. Nhằm lúc mưa nhiều, đập xả nước kinh tràn ra như thác, lăm le nhận chìm chiếc xuồng khảm lừ. “*Má chống chỏi đặng lái, tôi nhẩy ào xuống nước nắm mũi xuồng kéo đi, qua đập, ướt như con chuột, má khen tôi giỏi mà sao nước mắt má rơm rớm vậy?*” (tr. 156).

Thấy người ta đi theo chủ trương chuyển dịch sản xuất, nuôi tôm kiếm được nhiều tiền quá, má cũng muốn chuyển sang nghề nuôi tôm để thử thời vận. Nhưng rồi “bão tôm” thổi tới, tôm chết như rạ. Tuy nhiên, má cũng vẫn cứ thử nữa. Thử nữa, năm này qua năm khác, và “Chờ đợi những mùa tôm” tới. Bởi lẽ “*Má và con tin rằng, dù lần nữa rồi thì những mùa tôm sẽ tới. Nó sẽ tới để thay đổi số phận, cuộc đời mỗi người (...)* Những con người lam lũ cực nhọc cả đời xứng đáng được trả công” (tr. 122). Với tấm lòng ngay thẳng quê mùa chất phác suốt cả đời mình, má luôn luôn hằng tin như vậy. Vái trời cho niềm tin của má trở thành sự thật trong tương lai. Một tương lai thiệt gần, trong lúc má hãy còn sống. Còn sống để cho con kịp về thăm.

*Con cũng muốn về thăm lại má  
Thăm dòng sông Hậu nắng lụa thưa  
Có cây dừa lão thân gầy quá  
Đứng khóc theo mùa con nước đưa...<sup>[3]</sup>*

Cám ơn Tư đã ân cần dẫn dắt tôi về thăm lại miền đất Hậu Giang, nơi Tư và tôi đã sinh ra và lớn lên một thời. Cám ơn Tư đã đưa tôi tới thăm Ngọn đèn không tắt ở cái Xóm Rạch nhỏ nhất, đưa tôi đi đón Giao thừa trong một chợ Tết còn ngổn ngang dưa hấu và hoa xuân. Tư cũng đã dắt tôi lội bộ rã chun băng qua Cánh đồng bát tạn. Và cuối cùng Tư đã đưa tôi tới gặp gỡ bà con mình trong Tạp văn để thấu hiểu và cùng chia sẻ những nhọc nhằn, những khó khăn mà

người nông dân tay lấm chân bùn phải đối đầu trong cuộc vật lộn với những bất trắc của thời tiết, của đời sống, của mưa gió từng mùa, từng năm, từng tháng, từng ngày. Đi với Tư trong chuyến viễn du, tôi cũng đã có dịp khám phá lại những trận nắng Tiền Giang rát da, và những cơn mưa Hậu Giang rượi mát. Cám ơn Tư, cám ơn Tư.

Trong cuộc hành trình này, tôi chợt nhận ra giữa Tư và tôi có nhiều điểm tương đồng. Tư thương loài vật, tôi cũng thương loài vật. Tư có vịt xiêm Cộc, con vịt mù, và chim bìm bịp. Tôi có vịt xiêm Đại bàng, em vịt vàng nhỏ và một con chim sáo rất khôn, lần nào cũng bay xuống đậu lên vai lúc tôi đi học về. Tư có bà mẹ quê với bộ mặt sạm đen và bàn chân chai nứt. Tôi có bà già quê hương với nụ cười tre trúc và bàn chân nứt nẻ phù sa. Và còn nhiều thứ nữa, như viết văn, như lo chuyện trên trời dưới đất, như nhớ sông nhớ nước, như thương cây mấm tiếc cây bần chẳng hạn. Không thấy Tư nói về những mối tình đầu hay tình cuối của mình. Còn tôi, tôi có Hoa, nụ hôn đầu tiên bên bờ sông Định trường. Tôi có Tuyết, người tình quán nước Tiền Giang thuở học trò, người con gái đã cùng tôi chia sẻ những nhọc cảm đầu đời, hoan mê, chết giấc.

Nhờ Tư, thành linh tôi sực nhớ lại hết những người đã ân cần dìu dắt tôi đi suốt một quãng đường dài đầy bất ngờ, cho tôi nhận ra rằng, dù tôi có vấp ngã nhiều lần, cuộc đời này vẫn hết sức vốn vã, hết sức nồng nàn, hết sức đẹp đẽ. Những người thân, những cô gái đã cùng tôi chia sẻ một thời những cuộc tình hừng hực, những mái nhà ấm cúng, những bữa cơm đậm bạc, những vui buồn lớn nhỏ, giờ đây đã nằm sâu trong lòng đất. Lần nào về thăm quê hương, tôi cũng cố lặn lội đường sá trắc trở để được tới quỳ lạy và thắp một nén nhang tưởng niệm trên mộ ba má mình. Nhưng mộ của Tuyết, tôi không biết nó nằm nơi nào, và cũng chưa hề một lần tới thăm. Trải qua biết bao cuộc binh đao ngạt trời lửa sắt, biết bao cuộc tang thương vật đổi sao dời, ngôi mộ vùi chôn thân thể máu yêu một thời ôm ấp, giờ đây chắc chỉ còn là một nắm đất mòn lạng hoang tàn...

*Mưa Hậu Giang nắng Tiền Giang  
Nhiều đêm không ngủ dạ mơ màng  
Nhớ người nhớ đất mùi quê cũ  
Ôi nắng Tiền Giang mưa Hậu Giang!*

*Bagnolet, ngoại ô Paris, tháng Mười 2007 © 2007 talawas*

<sup>[1]</sup> Thơ Huy Cận

<sup>[2]</sup> Thơ Tú Xương

<sup>[3]</sup> Thơ Lâm Hảo Dũng

## Thương quá rau răm

Ông Tư Mốt chỉ cái dải xanh mù mù trong mưa, bảo cù lao Mút Cà Tha kia. Văn ờ, nói thấy xa quá chú ha. Ông cười, gạt ngang, xa gì, đây tới đó mấy hồi. Rồi chiếc xuồng máy nhỏ mong manh rập rờn đi trong giông gió. Người thành phố ngồi ngắm cái “mấy hồi” của ông già, mừng tủi thấy màu xanh cây cù lao đã thắm trước mắt (mà sau mới biết mình mừng hụt). Mưa dịu lại, hạt nhỏ rức nhưng gió mạnh lên, thổi xà quần, không biết đâu là chiều hướng. Ông Tư quăng cho Văn cái can nhựa còn ít xăng, bảo, tới khúc “mút” nghen, coi chừng lật xuồng. Mà, có kịp coi gì, Văn thấy mình ngã ập xuống nước, hành lý trôi mất, lên tới bờ anh chỉ còn trụ trơ bộ đồ đang mặc. Ông Tư kè chiếc xuồng vô sau, dậm chân dậm cẳng bút đầu gãi tóc như thể mình vừa lỡ tay làm nên cơn giông chiều nay. Bởi ông biết



rằng, mưa gió kia, sóng nước mênh mông kia và cả màu chiều đang lịm dần kia sẽ làm cho người bác sỹ trẻ này thất vọng. Bác sỹ thứ sáu về làm việc ở trạm xá cù lao. Năm người trước đã ra đi, đi vì không chịu nổi thiếu thốn. Và buồn.

Cù lao Mút Cà Tha nằm gần cuối sông Dài, trên nó một chút có một nhánh sông khác rẽ về phía mặt trời, rộn rịp được đoạn đó rồi thôi. Mút Cà Tha nằm hiu hắt, lâu lâu mới thấy bóng dáng một con tàu lớn ngược chạy vào rồi lại tèn tò quay ra vì lằm đường, vì không biết đàng sau cù lao, sông cạn. Ngó sông vắng vẻ quá trời buồn, nhìn cảnh cù lao còn buồn hơn. Buồn từ mùi ổi chín phảng phất trong vườn, từ giọng người ới lên một tiếng rồi bật, dư âm còn thâm u trên các ngọn cây, tiếng cạo côm cháy xa vắng trong nắng chiều... Từ mé rừng mấm chóng lở đất phía bên này, đi hết vườn cây này gặp được một căn nhà thì lại tiếp đến vườn cây trái khác. Cuối cùng là bãi bồi, dây khoai lang bò xùm xòa phủ kín đất. Bóng người ẩn hiện dọn cỏ dưới các gốc cây. Bên đường thấp thoáng nhiều nắm đất con con của những đứa trẻ kiệt sức vì bị đẹn mà chỉ được rơ miệng bằng cỏ mực, những đứa trẻ bệnh sốt xuất huyết chỉ chữa bằng cạo gió, uống nước mía lau, rễ tranh, những đứa trẻ mắc thương hàn bị thủng ruột vì tự do chạy ra vườn ăn ổi chua, ổi chát... Những gò đất ấy đã cũ mềm rồi, bây giờ người cù lao hiểu biết nhiều, nhưng vẫn còn chuyện rủi may, còn người bị rắn độc cắn, chết trên đường ra bệnh viện huyện. Hôm ấy, trưởng ấp Tư Mốt tuyệt vọng nắm chặt hơi thở cuối của ông bạn láng giềng trong tay, tuyệt vọng thấy nó tan đi, ông về nhà viết lên tường trạm xá “Cương quyết chỉ chết vì già”.

Nhân viên y tế nào mới về ngó câu khẩu hiệu ấy cũng cười, cũng thương. Nhưng rồi nửa khuya ngồi ăn mì gói, nghe cú kêu lẩn tiếng radio khọt khẹt (để chút âm thanh đầy cho đỡ quạnh), vạch đi vạch lại tờ báo cũ mềm, họ sực nhớ phải về quê lấy vợ, lấy chồng, sực nhớ vợ mình mới sinh, sực nhớ tội nghiệp ba má đã già... Và họ từ già cù lao. Ông Tư Mốt ở ở ra chiều thông cảm, về mặt cố tỏ ra không buồn nhưng hàm râu xuôi xị. Họ ngoắc đờ đi rồi chú còn đứng mãi trên bến, nghĩ giận đám trẻ cù lao đã được học hành nhưng chẳng đứa nào chịu quay về.

Nên chú bảo với bốn mươi ba nóc gia sống trên Mút Cà Tha, “Bất cứ người xứ lạ nào đến làm việc ở đất cù lao đều quý, mình phải đối xử cho tử tế, thiệt tử tế”. Gặp Văn lần đầu tiên, ông nghĩ ngay, phải giữ thằng nhỏ này ở lại cù lao, thấy cái mặt buồn buồn, ngó bộ đàng hoàng. Ông nghĩ là mình có cách, không có gì sâu nặng bằng tình cảm người với người. Thì ông đã rịt chân mấy thầy cô giáo cho đám trẻ cù lao đầy thôi. Hôm Văn đến, bà con ôm lại cho một đồng áo quần, góp gạo đồ vô thùng, câu cá đem rọng. Rồi mấy con cá óm nhom, trắng dờ con mắt, lội vọt vọt tới lui chờ hoá kiếp mà Văn vẫn còn ngộp trong mớ lời mời, hết nhà này đến nhà khác, bữa thì cháo vẹt, cháo rắn, bữa khác tôm nướng, lươn um...

Mà, trông Văn vẫn buồn, buồn chen giữa hai cái cười, nó tranh thủ cả khi Văn đưa ly rượu lên môi và để ly không xuống (còn lúc uống thì mặt Văn nhăn nhúm lại, vẻ buồn không rõ ràng). Hỏi làm sao buồn thì Văn cười, ủa, cháu có buồn gì đâu. Hỏi nhớ thành phố à, Văn cũng cười, không, thành phố có gì mà nhớ. Hỏi nghĩ sao mà tình nguyện về đất cù lao này, nghe tên Mút Cà Tha bộ không ón sao, Văn (lại) cười, không, có nghĩ gì đâu, cháu chọn nơi nào hẻo lánh ít người... Nghe cái giọng như đòi ta là lục bình, trôi đâu cũng được, càng xa càng tốt.

Nhưng trưởng ấp Tư Mốt phải làm cho anh chàng hiểu đời anh có ý nghĩa với đất này như thế nào, thiếu anh người cù lao sống không nổi chớ chơi à. Buổi sáng có người chạy lại than nhức đầu, sổ mũi, buổi chiều thêm chứng chóng mặt, đau mình. Vài ba chị phụ nữ đỏ mặt thập thò ngoài cửa, trong bụng rủa thầm ông già Tư Mốt, đau bụng kinh cũng bắt đi trạm xá, mắc cỡ gần chết. Trưởng ấp tà tà dài theo xóm, thấy ai rảnh rỗi là kêu, đứng đó làm gì, sao hồng lại trạm xá cho bác sỹ người ta khám. Trời đất, bệnh gì mà khám chú Tư. Ông nói tỉnh bơ, khều khều bộ râu, “Có chứ sao không, hể mầy nhậu xỉn là ói, để vậy không tốt, lại kiếm thằng Văn đi”. Mới đầu thì Văn không biết, nên thấy có bà cụ chống gậy lại bảo bác sỹ coi bệnh dùm, Văn hỏi bà bị gì, bà cười, tui suy nghĩ chưa ra. Thuốc hết, huyện chưa kịp gởi, Văn áy náy, tần ngần đưa mấy thứ B1, B6 cho con bệnh đau bao tử, uống xong, ông này

phờn phơ đứng dậy, tươi rói bảo, trời đất ơi, thuốc chú mày quá chừng hay. Văn đâm ra lạ. Cho tới bữa đám con nít khiêng một thằng bé ở trường lại, nhao nhác nói chim của thằng Út Chót bị còng kẹp rồi, nó sừng chù vù nè chú bác sỹ ơi. Văn mắc cười quá, hỏi sao tới nông nỗi vậy, thằng Út Chót khom rọm lấy tay bụm chỗ đau, phều phào nói trong nước mắt, “Tại bác Tư biểu ai cũng phải đi khám cho chú bác sỹ vui, chú không bỏ về thành phố. Con đâu có bệnh, tính bắt còng kẹp chơi...”. Văn chỉ kêu được hai tiếng trời ơi.

Và anh hiểu tại sao ông già ấy lại quan tâm tới mình. Chiều nào ông cũng lại chỗ Văn, rủ rỉ rừ rì. Ông biết giờ đó, bà mẹ Năm, nhân viên thứ hai của trạm xá đã về nhà, có thể Văn thấy cô đơn. Ông kêu đám thanh niên lại chỗ Văn đàn hát tăng tăng tăng, dẫn Văn đi câu cá hay soi ếch trong “mà”. Văn tham gia nhiệt tình nhưng không tha thiết như người đi đường thấy vật lạ thì cầm lên, rồi lại bỏ xuống, đi tiếp. Có lần ông Tư hỏi nhà Văn ở khúc nào, Văn bảo ở chỗ ấy chỗ ấy mà trong bụng buồn cười, nghĩ nói cho có chứ chắc gì ông biết, nghe cái giọng như thể thành phố nhỏ bằng cù lao. Không ngờ ông biết thật, nói hỏi giải phóng, trung đội ông đánh vô đường đó. Ban quân quản còn cấp cho ông căn nhà đằng trước có khoảng sân ngập tràn bông giấy rụng. Văn hỏi, rồi sao bác lại ra sống ở đây. Ông cười, vì cái đất này cần mình. Nói xong câu này, ông lén dò xét coi thằng nhỏ có bắt được cái ý nghĩa ngầm mà ông gởi gắm không, chỉ thấy Văn ngó lên trời, ngó xa xôi, hỏi nhìn gì, Văn ù ờ, bảo nhìn chim bay, không biết tụi nó bay tới đâu, về tận đâu. Trưởng ấp Tư Mốt thấy bất an, về nhà biểu con gái soát nửa nồi bí hầm dứa bưng qua trạm xá. Con Nga dạ rồi tong tả đi.

Nó thường được ông Tư sai bưng thức ăn đến trạm xá cho Văn. Nhiều nhất, thường nhất là món khoai luộc nóng hổi, thơm bưng. Bưng rổ khoai từ nhà đến chỗ Văn, khói mềm cả ống tay áo Nga. Trời trở chướng, gió ráo hanh nhưng nước lên, sân trước trạm xá ngập lênh láng, con Nga xoắn quần quá gối lội qua, thấy Văn, nó thưa thề thọt “Ba em gởi anh ít khoai” rồi về. Lần sau, nó xoắn quần thấp một chút, bảo ăn khoai đi anh. Sau nữa nó cứ để ống quần bết nước, lọng cọng đứng ngoài cửa, hai gò má rưng lên, gọi “Ăn khoai nè”. Lúc đấy thì nói ít, thẹn thò nhưng ở lại lâu, dọn dẹp lãng xãng, quét trên quét dưới, bắc nồi cơm lên bếp, làm cá nấu canh chua trái giác, sung sướng thấy mình bận rộn giống hệt mấy nhỏ bạn mới lấy chồng (tụi con gái thường hay điên vậy, tới khi xà quần chồng con thật, lại than số mình cực như trâu). Rồi sực nhớ bếp ở nhà lạnh tanh, nó chạy về. Ông Tư ngồi trước cửa, giấu sự thắc thỏm (Và một chút lưỡng lự, mình tạo điều kiện cho hai đứa gần gũi vậy có sao không ta). Cổ tươi tỉnh, ông hỏi ngay, “Con Nga lo cho anh bây xong chưa? Mặc gì mà mày cười suốt từ ngoài đường vào đây?”. Dạ, con Nga chối bay, con đâu có cười, tại ba má sanh cái miệng con vậy mà. Nói rồi nó chạy vô bếp, bâng khuâng cười thêm một hồi nữa...

Chủ nhật, Văn mượn xe đạp chở con Nga đi chơi lòng vòng cù lao. Nga ngồi đằng sau, khép nép, sượng trân, sợ ai đó thấy hai đứa vậy, một hồi lại sợ không ai thấy, nó tiếc nuốt chẹp miệng :

- Bữa nay người ta đi đâu hết trơn rồi cà, vắng dễ sợ.

Queo qua queo lại, nói đất nói trời (chỉ thiếu nói lời thương yêu), cuối cùng hai đứa ra bãi đào khoai. Văn hỏi má Nga đâu, nó cười, chết rồi, chết hồi sanh em, chết trên xuống. Văn về ngó cái khẩu hiệu ông Tư vẽ trên tường. Thấy nó đỏ như một lời thề.

Bữa nọ Nga đem mấy cần xé ổi ra chợ huyện cân cho vừa thì gặp đám bạn Văn xóc xếch đứng trên bến. Nga cho quá giang về Mút Cà Tha (mà không hiểu sao trong bụng muốn nhận chìm xuống cho tụi này bỏ ý định ra cù lao cho rồi). Ngồi dưới xuống, ba thằng trai cứ khen Nga đẹp, nhìn là muốn ở lại đất cù lao này hoài, hai đứa gái bịu môi, tùm tùm cười, nói bữa nay dê thả tùm lum ngoài đường. Nga không để ý, những lời nói ngọt ngào càng không để ý. Xuống cập bến, Nga xăm xăm đi trước dẫn đường, tong tả xóc vào phòng sau của trạm xá, cần nhân cử nhử, sao anh Văn bày tùm lum như vậy (cho tụi kia biết, ta đây đã thân thuộc với anh ấy đến mức nào).

Văn từ nhà tắm vào, nước trên tóc còn rỏ tong tong. Năm người họ sà vô ôm, nhảy tưng tưng, nói tui nhớ ông em nhớ anh quá chừng. Văn ngộp thở vì cái mùi thành thị quen thuộc của nước hoa, của son, của phấn, của khói thuốc lá, của những hơi thở gáp, của sự chen

chúc, xô đẩy nhau... Và những kỷ niệm ủa về, nhớ quán cà phê chỗ mình ngồi không, bây giờ đổi tên khác rồi. Văn sôi nổi hỏi, vậy con nhỏ phục vụ bốc lửa còn không. Còn, mà chi, tụi con gái ở Phố Xưa còn dữ dội hơn, nhớ bar đó không? Nhớ không, nhớ không... Đã vậy đã khác. Mà Hương của mầy có con rồi, mầy đã quên chưa. Không khí chùng xuống. Một đứa bạn cười, kín đáo liếc ra đằng sau, giọng xúng xoảng như ly chén bể, “Sao anh không chịu để em bù vô nhỏ Hương, ra đây trốn tình chi cho cực, em nhớ anh thấy mờ”. Đuôi mắt quét tận chỗ Nga, thấy con gái cù lao đứng thờ lừ. Nga nói thôi em về, lược khoai đem qua anh Văn đãi bạn.

Nga qua khoảng sân đầy nước thì có ông con trai chạy theo, lảng xảng nói trời ơi mát khủng khiếp, yên tĩnh tuyệt vời quá, cảnh thiết là thơ mộng rồi hỏi, ủa, sao không thấy em gái nói gì. Nói gì bây giờ, Nga đi lẹ lẹ đằng trước, nỗi sợ cuộn lên, mong manh, Văn dễ tin lắm, hôm trước con chồn chạy ngang Nga nói con mèo Văn cũng tin, Nga bảo cây cỏ trên cù lao này đều do chim ỉa mà mọc lên Văn tưởng thiết, bây giờ người ta nói yêu này yêu nọ, không biết Văn của mình có tin không. Nó cố kìm để khỏi kêu lên, trời ơi, sao người ta nói chuyện yêu thương dễ ợt, giòn rụm vậy cả.

Bạn quay lại trạm xá, Nga còn đi nhanh hơn, đầu nó có một mớ tro lá dừa đậu hồi thổi lửa. Anh chàng nọ rớt lại dọc đường. Bước vô cửa thấy ba bốn người nằm ngủ ngiêng ngủ ngửa, Nga nói ngay, “Ủa, anh kia chưa về hả, cha, ảnh ở đâu ta? Em hông có đi chung” (cho anh đừng suy diễn lung tung, rồi hiểu lầm lòng dạ em). Ngó bộ Văn không để ý, Nga nhẹ lòng, thở ra cái phù, hỏi, anh đang làm gì đó, Văn cười coi nằng cù lao. Trời, nằng có gì mà coi, anh?

Hôm ấy Văn không trả lời, hôm sau không kịp trả lời vì Văn đưa bạn ra về rồi không trở lại. Lặng lẽ, như trốn chạy. Trường áp Tư Một đứng ở trạm xá, thấy sau trước trống không, trong lòng nghe đau tiếc như vừa thua một ván bài lớn. Văn không từ giã ông một lời, để nói cháu về vì má cháu đang đau, hoặc cháu ra ngoài trung tâm y tế huyện một tí, rồi lên xe đi luôn cũng được, dù nhìn vào đôi mắt đang sụp xuống kia, biết người ta nói dối, dù trong tâm ông đã vấy tay để chào xa mãi.

Trong một thoáng, ông thấy mình chùng chình, vớ được khúc cây bình bát, ông chống vào đất. Bên ngoài cái đất Mút Cà Tha dường như đã có sự thay đổi lớn. Thí dụ như con cá, lá rau, hạt gạo mền thương của người cù lao không ràng buộc được một con người (như đã từng rịt chân ông lại), thì cái bóng nhỏ nhoi của đứa con gái đang tuyệt vọng đứng ngóng chờ dưới bến không có ý nghĩa gì sao? Tuyệt không đáng gì à?

## Nhà văn nữ Nguyễn Ngọc Tư Thế Uyên



Nhà văn nữ Nguyễn Ngọc Tư là một nhà văn trẻ thuộc thế hệ hậu chiến (sinh năm 1976) tại tỉnh miền cuối nước Việt là Cà Mau, lớn lên ở đây, đi làm và viết văn cũng ở đây. Cô có sách được xuất bản rất sớm vì có tài viết truyện loại đồng quê cho nhi đồng và thiếu niên, và thường được coi như một thứ Hồ Biểu Chánh mới. Cô có tài viết văn ly kỳ và hấp dẫn, và mặc dù dùng nhiều tiếng “đặc sản của Nam kỳ khởi nghĩa”, vẫn được cả độc giả lẫn Đảng Cộng Sản thích nên đã được trao một số giải thưởng văn chương loại tuổi xanh tuổi hồng tuổi mực tím. Mọi sự đang tốt đẹp bỗng nhiên sóng gió nổi lên, ầm ĩ cả nước và hải ngoại cũng nghe thấy, chỉ vì tập truyện ngắn sau cùng, nhan đề *Cánh đồng bất tận* của cô do nhà Tuổi Trẻ xuất bản năm 2005 tại Sài Gòn. Độc giả thì tìm đọc và thích thú, chính quyền ngược lại nhăn nhó, thậm chí có nguồn tin cho hay có cấp lãnh đạo tỉnh Cà Mau đòi trục xuất cô ra khỏi tỉnh (ngày xưa thời

bao cấp biện pháp này có thể làm nhà văn khốn khổ vì đói, mất hộ khẩu, mất hoàn toàn quyền công dân...)

Nguyễn Ngọc Tư viết gì trong “Cánh đồng bất tận” để sóng gió nổi lên dữ dội vậy?

Để cho dễ hiểu, người viết bài này xin kể một sự việc mới xảy ra cho cô ca sĩ của lớp trẻ Mỹ là Britney Spear. Cô ca sĩ này thuộc độ tuổi dưới 20, ăn mặc hở hênh hở bụng hở rốn vừa nhảy vừa hát rất là vui vẻ, kiếm tiền như gió. Cho đến khi chiếc đồng hồ sinh học quay đến chỗ cô chợt nhận thấy mình là một đàn bà rồi, cô thôi không nhảy như con chơi chơi nữa, mà như một người nữ đang thời xuân sắc. Khi cô đến trình diễn ở vùng Seattle, điệu nhảy của cô đã có những cử động mà mấy bà già trầu Mỹ viết báo chê là dâm tình. Nhưng các bà già trầu Mỹ biết thông cảm: Dĩ nhiên cô phải lớn lên thôi, nhưng giá cô báo trước kịp thời để chúng tôi để con nít ở nhà thì tốt hơn!... Trường hợp Nguyễn Ngọc Tư cũng có điểm tương tự như vậy: Cầm tập truyện ngắn mới xuất bản của cô lên đọc, suốt 13 truyện đầu, thấy cô vẫn dùng bút pháp cũ, vừa bỗ vừa lành, già trẻ lớn bé kể cả các đảng viên Cộng Sản lẫn đoàn viên Thanh Niên Cộng Sản HCM, đều thoải mái đọc được. Nói theo ngôn ngữ xếp loại phim ảnh và TV Mỹ, thì thuộc loại mang chữ G (*general audiences*).

Đùng một cái đến truyện cuối cùng, “Cánh đồng bất tận”, cô chuyển bút pháp từ loại G sang loại R (*restricted*, giới hạn người được coi), hay M (*mature*, dành cho người trưởng thành). Nghĩa là nội dung truyện vừa có V (*violence*, bạo lực), vừa có N (*nudity*, khoả thân), có S (*sex*), có R (*rape*, hiếp dâm)... đủ mục mà các nhà thanh giáo và đảng viên Cộng Sản rất ghét. Trong hơn nửa thế kỷ vừa qua, Đảng đã khai trừ hầu như toàn bộ văn chương đương đại Tây phương và văn học miền nam Việt Nam và hải ngoại, cũng chỉ vì chúng chứa chấp những yếu tố liệt kê trên. Nay “chúng” len lén chui vào ngay sân sau (Cà Mau), chịu gì nổi, phải trục xuất chúng ngay!

### **Vấn đề bạo lực**

“Cánh đồng bất tận” xoay quanh ba bố con chăn vịt, một con gái một con trai, chăn đàn vịt lưu động nhiều trăm con, một hình ảnh quen thuộc trên các đồng ruộng sông nước châu thổ Cửu Long. Ông bố và một đứa con đang lo cho đàn vịt tại một nơi nhiều nước và bùn, bỗng dưng được chứng kiến một màn bạo lực bạo hành một cô gái điếm, dữ dội đến độ chúa Jesus nếu có mặt cũng phải can thiệp, nữa là ba bố con ông chăn vịt:

Và những chân tóc trên đầu chị cũng đang tụ máu. Người ta đã lòn tay, ngoay chúng để kéo chị lê lét hết một quãng đường xóm, trước khi dừng chân một chút ở nhà máy chà gạo. Họ giằng ném, họ quăng quật chị trên cái nền vương vãi trấu. [...] Nhưng đám đồng rạo rục chung quanh [...] họ dùng chân đá vào cái thân xác tả tơi kia bằng vẻ hần học hã hê, quên phứt vụ lúa thất bát cháy khô trên đồng, quên nỗi lo đói no giữa mùa giáp hạt. Cuộc vui hẳn sẽ dài, nếu như không có một ý tưởng mới nảy ra trong cơn phấn khích. Họ dùng dao phay chặt mái tóc dày kia, đục đặc, hì hục như phạt một nắm cỏ cứng và khô. Khi đuôi tóc đứt lia, được tự do, chị vùng dậy, lao nhanh xuống ghe chúng tôi như một tiếng thét, lặn qua chân tôi, đến chỗ cha, làm đổ những bao trấu cha vừa mới xếp.

Đám người ngờ ngác mấy giây để chấp nhận việc con mồi bỏ chạy. Tôi [*cô chị*] mất mấy giây để háo hức thấy mình nghĩa hiệp như Lục Vân Tiên, tôi lồm cồm xô ghe dạt khỏi bờ, sợ hãi và sung sướng, tôi cầm sào chống thực mạng ra giữa sông, mắt không rời đám người đang tràn ra mé bờ chực lao xuống, nhẩy nhót điên cuồng. [...] Khói trôi về phía sau chúng tôi, mờ nhoè những bóng người đang tuyệt vọng ngó theo, bàn tay nào đó cầm nắm tóc của chị vẫy lên phơ phất phơ phất. [...] Tôi vào trong ghe, lấy áo đắp lên người chị, sao cho che được đôi vú rách bươm và khoảng đùi rướm máu. Chị cười méo mào, nói cảm ơn bằng mắt và thiếp đi.

Người đàn bà bị đám đông đánh tàn nhẫn đến chết này là ai vậy, ai mà bị *lynching* ban ngày công khai mà không một chức quyền nào hiện diện, không sheriff không Công An, can thiệp vậy? Đó chỉ là một cô gái điếm lưu động vùng quê sông nước đồng lầy:

Cứ mỗi mùa gặt, họ lại dập dìu trên đê, lượn lờ quanh lều của những thợ gặt, những người đàn ông giữ lúa và bọn nuôi vịt chạy đồng. Họ cố làm ra vẻ trẻ trung, tươi tắn nhưng mặt và cổ đã nhão, nhìn kỹ phát ứa nước mắt. Đêm đến, sau các đụn lúa, họ thả tiếng cười chút chút, tiếng thở mơn man... lên trời, làm nhiều người đàn bà đang cầm cúi nấu cơm, cho con bú trong lều thất lòng lại. [...]

Chị, cũng giống như họ, chớm tàn tạ, đói rã ruột ở thị thành mới chạy xuống quê, cất cái quán nhỏ, giả đồ buôn bán bánh kẹo lật vặt, thực chất là làm nghề [điếm].

### **S (sex) ở nông thôn**

Từ khi xuất hiện loại truyện đồng quê, thấy truyện tình thì nhiều, truyện tình dục thì ít, còn truyện về sex hầu như không có. Tôi cho rằng tả như thế là thiếu sót, nhất là vì miền châu thổ Đồng Nai Cửu Long, vùng đất mới của Việt Nam, mới khai hoang hay mới lấn chiếm được, là những nơi mà đàn bà phải lao động nặng và chiến đấu cạnh người nam, do đó bình đẳng hơn, và thoải mái về sex hơn những miền đất cũ phương bắc. Ngay trong văn chương của cụ đồ tân học Hồ Biểu Chánh sex cũng đã hiện diện đàng hoàng, tuy sự mô tả chưa kỹ, chưa rõ như văn chương đời sau.

Trong thời kỳ quân đội Mỹ tham chiến ở miền Nam, có lúc Công binh của họ nhận sửa lại cho to rộng hơn quốc lộ 22 dẫn lên Đà Lạt. Gái điếm Việt bám sát họ về nông thôn, lên đồi lên núi, mỗi cô thủ một áo mưa dù trời nắng chói chang, đứng ngay gần những lính da đen da trắng đương làm việc. Các sĩ quan có xua đuổi, họ chỉ lúi ra một chút, chỉ đợi một cậu lính nào nổi hứng lén sĩ quan lính ra sau bờ bụi, là các cô theo liền, mang theo một chai nước. Có 5 đô thôi một blowjob, rề rề, mại dâm. Dĩ nhiên vợ chồng người viết ngồi trên xe chứng kiến và nghe ông tài xế kể về các cô gái điếm này, thấy thật tội nghiệp, nhưng đầy thông cảm. Quí xuống bú một ông Mỹ đen mà có tiền về mua sữa cho con, mua ít gạo cho cả nhà ăn, ai đây là người có quyền phán xử mấy cô?

Nhưng đó là thời chiến tranh, còn bây giờ đất nước đã hoà bình và thống nhất được 30 năm hơn rồi... mà các cô gái điếm lưu động vẫn hiện diện nơi miền “cánh đồng bất tận” hay núi đèo, kể cả đèo Hải Vân (cuối thập niên chót thế kỷ 20, khi vượt đèo này, còn thấy các cô gái điếm leo trèo như khỉ ở một điểm có nước, hỏi mới biết bị Công an bố ráp quá, mấy cô trôi dạt ra kiếm khách nơi đây).

Trước khi làm nghề chăn vịt lưu động cùng bố, hai chị em ở với mẹ trong một căn nhà nghèo nàn ven một con sông vùng này. Mẹ chúng đẹp nên, mặc dầu hai con, vẫn làm đông một khúc sông những người ngưỡng mộ. Thành công trong việc tán người đàn bà hai con này là ông bán vải có đầy một ghe vải nhiều màu và một cái lựng có rất nhiều nốt ruồi. Một buổi trưa hai đứa trẻ ngủ quên trong kẹt bồ lúa, được chứng kiến cảnh: “*Đứa mười tuổi quay lưng lại, đứa chín tuổi úp mặt vô áo chị nó, nhưng cả hai vẫn như thấy rõ ràng, trên chiếc giường tre quen thuộc, má nó oằn uồn người dưới tấm lựng chom chồm những nốt ruồi. Họ cấu víu. Vặt vã. Rén xiết*”. Khi biết các con đã chứng kiến màn làm tình, người mẹ bỏ đi biệt tích. Ba bố con từ đó sống trên một chiếc thuyền nhỏ có gắn đuôi tôm, nay đây mai đó tuý theo đàn vịt.

Cay đắng vì bị vợ bỏ, ông bố có thân hình như anh Vội trong *Trống Mái* của Khải Hưng, đi từ đàn bà này sang đàn bà khác nhưng chẳng yêu ai. Một thứ Casanova nông thôn. Ngay cả cô gái điếm con gái ông đã cứu cũng mê ông mà ông chỉ xài vài lần rồi bỏ rơi tại một bến sông. Đứa con trai bỏ đi theo “nàng” vì nàng đã thủ dâm cho “chàng” sướng đầu đời. Còn lại hai bố con tiếp tục kiếp du mục, với đứa con gái đã dậy thì, xinh đẹp như mẹ nó, trong một bầu khí, môi trường của bạo lực, mê tín và nghèo đói thường xuyên tại nông thôn của một đất nước chậm tiến, như biểu lộ trong lời kể của một phụ nữ sau:

Nhưng chẳng tin vào bùa thì còn biết làm gì nữa, chị cũng đã lặn lội tới nhà tình địch, đã xé quần áo của cô ta, xõn tóc, lôi xềnh ra biêu riều giữa chợ rồi, chị kể. Bằng cái giọng rộn rã, giòn tan chỗ cao trào, rồi chị hết sức chậm rãi, tỉ mỉ, tả cái đoạn chị dùng dao rạch mặt cô ta và xát muối ớt vào (những người quê mình vẫn thường làm chuyện đó rất bình thường, sẽ buồn cười khi có ai đó nói làm vậy là vi phạm điều X chương Y luật hình sự, họ cãi ngay, "Ừa, nó cướp chồng tui thì tui phải đánh cho tòn chớ", với vẻ mặt tự hào ngút ngất, tỉnh bơ, ngây thơ, tựa như một người đi qua trận địa cũ và nói với ông bạn mình, hồi năm bảy hai tui bắn thằng lính cộng hòa ở chỗ này, óc nó nát như cháo, con mắt vắng ra xa cả thước. Ông bạn chẳng ón, nói tôi cũng cắt cổ thằng Mỹ ở đây chớ đâu)

Đánh ghen kiểu đó thì dĩ nhiên ông chồng bỏ con bỏ và, cũng sợ, bỏ con vợ luôn, chạy theo cô khác : *"Ba mùa lúa rồi chị ra đồng một mình. Một mình nuôi con. Một mình nhìn gương, tự ve vuốt và yêu lấy mình..."* Bởi thế buổi chiều tới *"[...] cha ra đó tắm. Nước chảy re rất trên khuôn mặt lạnh lùng, nước mỏng tang tràn qua các thớ thịt đỏ au của cha tôi. Chị chọt giạt thót người, cài vội cái nút áo bung ra vì không chịu nổi đôi vú căng tức.* Dĩ nhiên đến tình trạng đó rồi cái gì phải xảy ra đã xảy ra: thêm một người đàn bà trở thành tình nhân của ba tôi, và ba tôi lại mất công bỏ rơi một thời gian sau.

Ông bố nhiều người tình như vậy nên chuyện loạn luân đã không xảy ra mặc dù con gái càng lớn càng giống mẹ. Còn hai chị em cũng không loạn luân dù ban đêm thường ôm nhau ngủ và cô chị thường mân mê dái tai đứa em trai đã 16 tuổi. Rồi dịch cúm gia cầm xảy ra, khi Gió chướng trở ngọn, trên những cánh đồng ủ ê tin buồn. [...] Người ta dùng ý tưởng của Tào Tháo thời Tam Quốc, "thà giết làm còn hơn tha làm", dòn tất cả vịt trên cánh đồng lại và đào hố chôn. [...] Họ bắt đầu trùm kín mình bằng những bộ đồ đi mưa. Họ rải vôi trên những hố chôn lớn bằng mấy khẩu đĩa cộng lại. Họ tọng những con vịt còn sống, còn giã y dựa, còn gào thét vào bao tải, buộc miệng và quăng xuống đó.

Đám nuôi vịt chạy đồng tụm lại ở một chỗ, cúi mặt vào lưng nhau. Họ xót của, tiếc tiền, họ cảm nhận được sự kiệt quệ, đói nghèo đang vây bủa.

Đứa em trai bỏ đi rồi, cô gái xinh đẹp mất đi một vệ sĩ tự nhiên, do đó bọn cướp đồng bắt đầu rình rập hai bố con. Lợi dụng một lúc ông bố đi trước, *"Ba người họ ập tới từ phía sau, quây lấy tôi, quần áo vẫn đầm bùn, mặt mũi sưng sứa. [...] ròn rã trên khoé miệng. [...] [Tôi] bị ghi ngựa trên mặt ruộng bì bõm nước. Tôi ngạc nhiên thấy bầu trời im sấm. Mênh mông. [...] Ngoái nhìn về phía cha và thấy ông lằm lũi phía xa, tôi mong ông đừng quay lại. Sau đó thử chống cự một lần, rồi thôi, sự vùng vẫy chỉ kích thích lòng ham muốn. Tôi không muốn bị đè nghiền, bị vùi nghiền trong bùn."*

Nhưng ông bố nghe tiếng vật lộn, quay lại, lao vào đám cướp đồng, nhưng không địch lại số đông. Ông cũng đâm trúng mặt một tên... Tên này trả đũa bằng cách đè cứng ông xuống bùn, chỉ để nhô ra đôi mắt chứng kiến con gái bị hiếp như thế. Mới đầu cô khá bình thản vì quá biết cái gì phải xảy ra, nhưng là con gái còn trinh, thì phải đau thôi:

Đầu tiên là sự xé toạc, và từ rách nát, đau đớn như lũ kiến cánh được được giải thoát, chúng bò rân khắp thân thể, tôi thấy mình đang chết. Rồi ký ức ủa về kinh hãi, về mặt má tôi cái hôm bị người bán vải đo lên người hình như không phải là khoái lạc thăng hoa, nó giống như tôi bây giờ, đau rần rụa, nhói tận chân tóc. Trời ơi, tại sao không nhận ra điều đó, ngay lúc ấy... Mặt trời le lói ánh sáng trở lại khi trên đồng chỉ còn hai thân thể nhàu nhừ. [...] Người cha cởi áo trên người để đắp lên đứa con gái. Ông ta bò quanh nó, tìm bất cứ cái gì để có thể che cơ thể nó dưới mặt trời. Dường như đứa con gái đang chết, chỉ đôi mắt là rưng rưng chớp mở không thôi.

Đến đây "Cánh đồng bất tận" có vẻ như một thảm kịch hãn hoi. Nhưng nếu nghĩ như vậy thì bị quan quá. Cô gái Ý mười lăm tuổi bị một toán lính Maroc đè ra hiếp trong một nhà thờ bỏ hoang, bà mẹ sợ con bị sốc nặng, kêu khóc âm ỉ um sùm trong phim *The two women*, do

Sophia Loren đóng vai người mẹ, quay theo một truyện của Alberto Moravia. Đến chiều thì bà mẹ bốt lo lắng khi nhìn thấy con gái ngồi xoạc hai chân trên dòng suối, thản nhiên té nước lên rửa chỗ đó của mình. Hậu quả của vụ hiếp dâm tập thể chỉ làm cô gái về sau thích ngủ với nhiều đàn ông một lúc. Bà cô Tâm của nhân vật nữ trong *Thiên đường mù* của Dương Thu Hương, chính cái bà khi cô cháu đi du học Liên Xô về đến thăm, đã giơ tay xoa hai vú cháu rồi kêu lên: “Đi du học mà mất cả vú về như thế này, làm sao lấy chồng!” Bà cô già không chồng nuôi cháu thay con này đã có lúc tâm sự: Nếu đêm bị đè ra hiếp giữa đồng, cô đừng kháng cự thì bây giờ đã có con để nuôi không... Vậy cô gái chặn vịt trong “Cánh đồng bất tận” sau khi bị hiếp, câu đầu tiên thốt ra là hỏi bố :”*Không biết con bị có con không, hả cha?*”, cũng không có gì để ngạc nhiên nhiều.

Đoạn chót của truyện mang về “lạc quan cách mạng”, như một một thoáng nắng chiếu xuống đầm lầy, như sau: “*Đưa con gái thoáng nghĩ, rút nước mắt, trời ơi, có thể mình sẽ sinh con. Nhưng nó chấp nhận việc ấy, dù phủ phàng (với nó, chấp nhận cũng là một thói quen). [...] Đưa bé không cha nhưng chắc chắn được đến trường, sẽ tươi tỉnh và vui sống đến hết đời, vì được mẹ dạy, là trẻ con, đôi khi nên tha thứ lỗi lầm của người lớn*”.

“*Là trẻ con, đôi khi nên tha thứ lỗi lầm của người lớn*”, một tư tưởng nhân từ và nhân bản của Nguyễn Ngọc Tư cũng như nhiều nhà văn khác, nhưng đối với các cán bộ của Đảng Cộng Sản, nghĩ như vậy là sai bài bản của vô sản chuyên chính, là “nhân đạo chung chung”, không thể chấp nhận được. Theo đúng bài bản của Đảng, nông thôn bây giờ phải hoàn toàn thanh bình, ai ai đều được ăn ngon mặc đẹp, tất cả trẻ con đều được cấp sách đến trường... Chỉ có nông thôn của chế độ “ngụy”, của các nước tư bản Tây phương, nghĩa là tất cả các nước trên thế giới ngoại trừ ba nước Bắc Hàn, Lào và Cuba, mới tệ hại như Nguyễn Ngọc Tư đã mô tả. Duy trì một lập trường như thế nên Đảng Ủy tỉnh Cà Mau mới phản ứng mạnh với “Cánh đồng bất tận”.

Người viết bài này đang định cư ở Mỹ, ngoài tầm tác động của Đảng Cộng Sản và guồng máy Công An ghê gớm của họ, viết gì cũng dễ dàng, nhưng với tư cách người ngoài cuộc, đứng bên lề. Vậy xin nhường lời cho một phụ nữ cư ngụ tại Cần Thơ, không xa Cà Mau, lên tiếng bênh vực Nguyễn Ngọc Tư, hùng hồn hơn, đạt hơn, tới hơn:

*Muốn gọi đó là “Vũng lầy bất tận” cũng được thôi, không hề gì, nhưng điều quan trọng là phải nhận ra đó là sự thực chứ không hoàn toàn hư cấu như truyện Liêu Trai. Hiện thực Việt Nam còn mãnh liệt, đầy đau đớn bi thảm hơn cả truyện Liêu Trai.*

[Cán bộ] *Lực đã thăm đấm các huyện thoại, tượng đài, ông muốn các nhà văn cúi mặt xuống thì kính ngưỡng quá khứ, trời dậy thì hoan hô nhà nước hiện hành! Đó là việc của ông làm tuyên truyền lãnh lương. Ông cứ làm phần việc của ông. Còn nhà văn có thiên chức khác...*

*Ông Lực nhìn đời bằng lý trí, Ngọc Tư nhìn đời bằng cảm thức tâm hồn. Khung trời của ông Lực là khung trời ảo trong thau nước lạnh. Không một người dân nào chạm được tới bầu trời trong trong lặng lẽ êm đềm đó và chính ông cũng không. Ông hài lòng sống trong ưu ái của Đảng để làm công việc biện hộ, che chắn. Khung trời Ngọc Tư là khung trời có thật, có mưa tuôn nắng cháy, vùng trời hoang vắng nơi con người bị nuốt chửng và du dần vào hoang dại bởi thiếu hoàn toàn sự chăm lo của xã hội và quá nặng nợ áo cơm...*

*Nguyễn Ngọc Tư đã làm đúng thiên chức nhà văn. Các nhà xã hội các nhà quản lý nhà nước cần làm công việc tiếp theo cho các mảnh đời tương tự đi chứ! Đừng nói nữa, đừng chống đối nhà văn nữa, mà làm đi [...] để xứng đáng tiếp nối các huyện thoại cánh đồng cách mạng của các ông đi.*

## Hạt gửi mùa sau

Ông già như lật tung cái nhà lên. Ông chui xuống gầm giường, ông thò đầu vào lục lọi trong tủ chén. Đầu vương đầy mạng nhện, ông cần nhẩn cử nhử, rõ ràng, mình cất ở đây, sao bây giờ nó mất biệt rồi, kỳ quá, kỳ quá. Tụi nhỏ cũng chạy lại, nghiêng chỗ này, ngó chỗ kia, cũng nói lạ quá trời, tự nhiên mất vậy cả. Nói, mà sợ tím ruột bầm gan, vì cái vật mà ông già muốn tìm tụi nhỏ đã cương quyết giấu biệt rồi.

Ai mà biết ông già coi trọng mớ bông vụn thọ, mồng gà khô đó dữ vậy, tụi nhỏ chống chế. Nhưng rõ ràng, tụi nhỏ biết. Sống chung một nhà, làm gì mà không rõ mỗi lần chim én bay hấp háy, đậu trên đám chà dưới mé sông, ông già lại đi lật lịch thăm chừng. Một tháng trước tết, ông vác cuốc ra sân, tụi nhỏ dù muốn dù không cũng phải vác cuốc đi theo, xới như mảnh sân trước nhà, lụi hụi tưới nước cho mềm xốp lại. Ông già đi lục lọi mớ bông để giống từ tết năm ngoái, rải hạt. Kế Tết, lúc ông già đứng tựa lại hàng bông búp, bông lồng đèn thì bông vụn thọ, mồng gà, sao nhái đã nở rực cả vạt sân. Bông móng tay thấy thân phận nhợt nhạt của mình, nép thành một hàng dài dọc đường đi. Nghỉ tay, ông đứng chống nạnh, khoan khoái đứng ngắm bông, hết đứng gần rồi lại lùi ra, cười khà khà khà, khoái trá.

Với ông, Tết mà không trồng bông thì mất vui đi. Dù cực, dù ngày mấy lượt khệ nệ xách thùng đi tưới. Có cho đi, thì mới nhận lại, thử hỏi, ba ngày Tết, ngồi khề khà mấy ly trà, ngó ra cái sân vàng rực mênh mông, bông chật ních con mắt, có sướng không? Sướng! Vì vậy mà khi trời bắt đầu trở chướng, ông già thì trở... chừng, không chịu ở trong nhà. Suốt ngày tha thân ngoài sân, sửa sang, uốn lại mấy bụi chùm rùm, tỉa hai cây sộp, chăm sóc đám bông... Ông gọi là bông thì tụi nhỏ không được gọi hoa, ông nói hoa là hoa hồng hoa huệ gì đó, còn mồng gà, vụn thọ hay sao nhái thì phải kêu bằng bông, cũng như nùm mối mà cứ học đòi nắm mối, cái thứ dân dã, mọc vờn hoang phải kêu sao cho dân dã, dễ nghe (ông mà đọc được bài này, hẳn ông giãy nảy lên, cái gì mà gửi, gì mà hạt, sao không nói “gửi hạt...”).

Đám trẻ tịt ngòi. Tụi nó thấy đám bông đúng là mang rắc rối tới cho tụi nó. Mấy bữa ông đi đám giỗ xa, về nhà, thấy bông héo, ông rầy tụi nó cả buổi. Mà, tụi nhỏ thấy bông cũng có ích lợi gì lắm đâu, ừ, có bông thì nhà sẽ đẹp mấy ngày Tết, nhưng mắc công. Sau tết, bông tàn, lại phải chọn những bông lớn nhất, đẹp nhất, già nhất đem phơi khô, lại phải nhổ bỏ đám cây rụi lá, dọn dẹp cho sạch, chuẩn bị sân phơi lúa. Tụi nhỏ nghĩ, đẹp, mà không ăn được, thì cũng phí.

Một phần, tụi nhỏ thương ông già, cứ lụi hụi cho cực thân. Ba năm rồi, đất nhiễm mặn, tan hoang, trồng bông cũng không nước tưới. Ngày xưa còn bờ dứa còn liếp chuối, bông trên sân phối hợp với cảnh chung quanh, giờ cây cỏ điêu hiu, cái màu vàng rực lên của sao nhái, vụn thọ càng làm khó chịu, chói gắt con mắt. Một bữa dọn dẹp ổ mối trong tủ, tụi nhỏ lên đem cái gói bông khô giấu trên giàn củi. Và ông già tìm kiếm trong tuyết vụn.

Không thể tưởng tượng được, tết này lại không có bông, ông già râu rí, nằm gác tay lên trán. Ngày dài, nằm chán, ông già ra đằng trước, nhìn cái sân chang chang nắng, thờ dài ứ hự, mắt hoang vắng, thất thần. Tụi nhỏ đã dự tính trước, ông già sẽ buồn, nhưng nghĩ nỗi buồn qua mau, mai mốt ông quên tuốt. Nhưng ngó bộ dạng ông vẫn long đong tìm kiếm, tụi nó hoảng hồn, Tết sau, sau nữa, ông cũng sẽ nhớ hoài mùa bông cũ. Tụi nhỏ nhận ra, ông già trồng bông không hẳn vì chúng đẹp (bởi thật ra chúng đâu có đẹp, thậm chí, bông vụn thọ hôi rình), mà trồng để thấy tuổi xế bóng còn làm được việc thần kỳ, còn có thể vun đắp sự sống từ bàn tay cứng quèo, gân guốc, trồng bông để nhớ cái thời sạ lúa trên đồng, và bông như một món quà Tết duy nhất ông có thể làm cho con cháu.



Bữa sau, ông tìm được gói bông khô trên cái gióng cá khô treo đầu bếp. Ông mừng quýnh, nói kỳ quá, kỳ quá, tao kiếm ở đây nát hết mà không thấy, vậy mà bây giờ tự nhiên nằm chình ình, y như ma giấu. Tụi nhỏ ngó nhau cười cười, mếu mếu.

Lại phải phụ ông già cuốc đất, lại gieo, lại đeo cây nước bơm từng thùng đem tưới. Bông lại nở rực trước sân nhà. Và tết tàn, ông già lại nâng niu đi hái từng bông hoa héo khô, rũ cánh, giữ hạt cho mùa sau. Nghe như một người tàn và bông hoa tàn đang hát thầm bài ca cuộc sống.

Tụi nhỏ ngậm ngùi, ông già dường như làm điều gì lớn lao hơn là giữ hạt. Giữ cho tụi nhỏ không xuề xòa, lười biếng (bệnh này đang lan nhanh dữ dội từ hồi chuyển sang làm ruộng nuôi tôm). Giữ một nếp nhà, giữ phong tục cũ...

Giữ cho cái sân bông rực rỡ, lung linh trong ký ức của những đứa trẻ xa nhà...

\*\*\*

**Phụ đính :**

**Nhớ đất**

Nửa đời xiêu lạc, thím về. Hỏi thím đã đi đâu, thím đi nhiều lắm, tới biển, tới rừng, qua biết bao con sông, nhìn biết bao là cảnh đẹp... Nhưng sao lại về ? Nhớ đất. Trời, đất mà nhớ gì, ai để ý đâu mà nhớ.

Vậy thì con Tư mày có bao giờ lên đèn trên chợ nổi quê mình chưa? Những buổi chiều tà, chợ nổi đều hiu hắt đến hết một vạt áo nắng vàng hoe hoe, đỏ hoe hoe. Những người đàn bà cúi đầu ngó chăm chăm xới nồi cơm nghi ngút khói, những người đàn ông xếp bằng ngồi trên mũi ghe vắn những điều thuốc to đùng bằng đầu ngón chân cái, phì phà nhả khói lên trời. Những đứa trẻ con ngồi tênh hênh trên mũi ghe câu cá chót, cá mè.

Con Tư mày phải sống trên ghe thím vài năm mới được, sống trên chiếc ghe dài bảy thước ngang hai thước mới thấy buồn chán. Con Tư mày phải coi mấy đứa con nít dưới ghe, mỗi lần ghé bến tụi nó lại chạy te te lên bờ, cuống quýt rượt đuổi nhau, những đôi chân trần trượt thoăn thoắt nhảy trên cái bến gò ghề đất. Mày phải biết cái cảnh trồng nộm nịu ít bụi họ, ít cây rau thơm, vài cây ớt ốm nhom trong cái khạp bể mới hiểu thím nhớ đất cỡ nào.

Thím biết biển rồi, trời ơi, biển rộng hải hùng luôn. Thím cũng biết rừng, đâu phải đám dứa nước có chút tản này đâu, rừng đước, rừng tràm kia con ơi, ở trong đó có khỉ nè, có cọp nè, có chim về làm tổ sát dưới đất. Nhưng thím lại thèm nhiều thứ lắm, thèm cái hơi ấm khi đi ngang qua bờ lúa (cái thời thím nhỏ xíu, thím chuyên chui vô kẹt bờ lúa ngủ trốn đòn), thím thèm cái mùi nước đá của con kiến vàng mỗi lần ra mé ao hái chanh, hái tắc, rồi đám mừng tôi bò rọp trên mái lá lợp che hàng lơn nước, khoảng sân cá rô lóc lảng lừ khi bắt đầu mùa mưa tới, bấy con nít nhà thím đọc sinh lắm đấm đi bắt cá lên, và những hạt lúa còn sót lại hồi mùa trước âm ỉ nứt mầm, chen đất lên xanh nhuốt ? Con Tư mày nói thím sướng là đứng núi này trông núi nọ, là mơ thấy đang chèo mũi trên một chiếc ghe đi trong đầm địa sương sớm. Còn thím, hồi ở dưới ghe thím lúc nào cũng chiêm bao thấy lớn tồng ngồng rồi mà còn chạy xấp xấp trên cánh đồng tay kéo con điều lộng gió.

Con không biết sao, những ai sinh ra lớn lên, lấy vợ, lấy chồng trên ghe mới quen, mới không nhớ đất, chớ thím từ đất ra đi mà, thím không thềm, không nhớ sao được.

Nhưng sống trên chợ nổi lâu vậy lên bờ cũng nhớ, con người ta kỳ cục thiệt. Những âm thanh ồn ả buổi sớm, đều hiu buổi chiều. Tiếng ti vi ghe này đờn "bông hoa nhỏ", trên chiếc ghe khác, ai đó dò cái đài khọt khẹt tìm chương trình ca cải lương. Vợ chồng cãi nhau, trẻ nít xúm lại đánh bài tiến lên, đứa ngồi đứa quỳ, mặt đầy lọ nghẹ. Gia đình này gia đình kia sao gần gũi như ở chung nhà vậy. Bên này ăn cơm với mắm chưng nghe rõ ràng ghe bên kia mùi cá chột kho sả ớt, bữa cơm tự nhiên ngon kỳ cục. Đám đàn ông bên những bữa rượu sương sương tụm trên mũi ghe ca vọng cổ. Gió đàn lời ca vừa buồn vừa mát, trong lao động có nghĩ ngơi, trong nổi cơ cực cũng có khi vui sướng, nhưng không hiểu làm sao thím vẫn nghĩ về đất, con à.

Bây giờ thím lên bờ thiệt, thím làm gì hả, thím vét lục bình dưới mấy cái đĩa để cho cá vô ở, thím vừa đào thêm mấy cái hòng ao để mưa xập xoài vậy, cá từ ruộng lóc vô cho dễ. Thím xin rơm về trồng rau, đó, mấy luống bạc hà vừa bắt rễ, coi ngon lành hôn ? Bạc hà bắt phân rơm như thím bắt vô đất, tươi tốt bắt ham. Thím vừa ngâm giống xong, cha, hôm rồi nghe mưa đầu mùa gõ tinh tang xuống cái máng xối, thím không ngủ được, lòng nó bồi hồi làm sao đâu á, như hồi xưa, thím nằm tính coi khoảng mấy trận mưa nữa thì giúc giống cho kịp xuống đồng đất vừa chớm dềo. Chỉ chừng năm bảy ngày nữa, ra sau vườn thím coi, lúa nó lên nhu nhú xanh cái màu đẹp dễ sợ luôn cho mà thấy. Rồi tự nhiên trong thím có lại cái cảm giác tim đập thậ thậ thịch mỗi lần nghe giá lúa lên xuống, vậy là dì quen được rồi, quen với đất được rồi. Thím còn tính lên giồng trồng đu đủ với gừng, tết tới sẵn cửa nhà thím chia cho hàng xóm ngào mút dềo ăn lấy thảo...

Coi con Tư bây kìa, sao thím nói cái gì con cũng nhăn nhớ vậy.

Con nghe thím nói con ngán quá trời. Có đất cực thân thềm chớ sướng gì thím ?

Trời, nói tới cỡ đó mà con còn chưa hiểu, thím bình mà, bình "mê đất", hiểu hông? Không hiểu hả, vậy thì thím nói câu này cho gọn, cả đời thím chỉ thềm cái hồi nằm xuống, thím được nhắm mắt bình yên trong mảnh - đất - của - mình.

## Bến đò xóm Miếu

Lương chèo đò mướn năm 12 tuổi. Nhà Lương nghèo, chỉ là cái chòi rách tả tơi, từ ngày đi chèo đò, Lương ăn, ngủ trên bến đò nên nhà đã bỏ hoang hẳn. Suốt ngày quần quật trên sông mà bộ mình khăng khiu chỉ độc cái quần tà lỏn dính đầy nhựa trong của thời làm sai vật ở các trại xuống. Lương không cha, má chết sớm nên cái quần dây thun không ai may lại, nó tuột luột mỗi lần Lương thót bụng rướn người trên đôi chèo.

Bây giờ cũng còn nhiều người nhớ dai nhắc hoài bộ dạng Lương hồi đó. Bây giờ Lương ba mươi mốt tuổi. Anh đã chèo hết thầy chín xác đò. Bến đò Đậu Đỏ qua xóm Miếu sang đi nhượng lại qua tay bốn người chủ. Mà, Lương vẫn còn nghèo. Lương khỏe, nghèo, cực nhưng vui lắm. Ngày trăm lượt chèo nát mặt sông từ bến xóm Miếu qua bến chợ, anh chứng kiến biết bao nhiêu thay đổi, cuộc đời, những dòng người xóm Miếu già đi, những thằng con trai, đứa con gái lấy nhau sinh ra nhiều thiệt nhiều đứa trẻ. Và những đứa trẻ lớn lên... Chỉ Lương là già càng già các, già cóc thủng thiếc rồi mà chưa lấy vợ. Hỏi Lương, Lương cười hì hích: "Tui xấu muốn chết, ai mà thềm ưng...". Lương xấu trai thật. Tướng Lương nhỏ xíu,

teo héo. Đầu to, tóc dày, cứng, cháy nắng. Một bên mắt lé xệ. Ai cũng cười: “Cái thằng, mày chèo mà không ngó đằng trước, ngó đâu trật lất vậy?”. Lương không giận, cái thân nhỏ mỗ còi mỗ cút, nghèo xác xơ mà bày đặt giận cuộc đời thì làm sao sống nổi. Suốt ngày anh hệch miệng ra cười, làm như vui, làm như không, khó nắm bắt. Lương khoái cặp mắt mắt đoàn kết của mình lắm, người ta nhìn anh biết, chứ anh mà nhìn lại, người ta tưởng anh ngó đâu đâu.

Bông cũng bị Lương nhìn như vậy. Nhà Bông cũng ở bên xóm Miếu, gần chòm mã Tiều. Lương biết Bông từ hồi Bông còn đi học. Bông mê đi sông, lần nào nó cũng nặn nỉ Lương lên bà chủ bến cho nó ăn gian thêm mấy bận nữa. Nó ngồi đằng mũi, thò chân xuống nước quậy quậy chơi. Ngày nào, Bông cũng mặc chỉ một cái áo trắng bằng vải soa lông vịt, chiếc áo hơi ố vàng, rộng thùng thình. Tan học, Bông cùng một bày em lít chít đi mót cây vụn ở các trại xuồng về nấu cơm. Má nó có một chiếc xuồng cũ, hai bên be bẽ như cá chốt rửa, bà bơi đi vớt chai nhựa dưới sông. Ba nó đi nhậu, nhậu xong về đánh má con nó. Lớn lên, mỗi lần qua đò, Bông thổi vọc nước, nó ngồi nhìn đăm đăm xa xa. Con sông Thủ đến ngã ba Vàm bồng cuộn cuộn quận đầu khi hòa dòng Gành Hào ra biển.

Bông lớn mau lắm. Chuyện đó không biết có mắc mớ gì mà tự nhiên Lương khoái soi mình xuống sông, những khi vắng khách, Lương ngồi mần mần lấy còi mấy mọt mọt trên mặt. Lương than với bà Tư, chủ bến “Sao lúc rày tui đen quá chừng, làm gì cho trắng, dì Tư?” Bà Tư cười, “Chà, biết điệu rồi hả con? Muốn vợ hả? Mày ráng dành dụm tiền, mai mốt có vợ rồi tao sang lại bến đò cho mà làm ăn”. Con mắt lé giả đò thờ ơ nhìn chỗ khác nhưng con mắt còn lại nhấp nháy thấp lửa lên. Mắc mớ gì Lương lại nghĩ tới Bông.

Bông thôi học. Bữa cuối, tan trường, qua tới bờ xóm Miếu, Bông không chịu lên bến, nó biểu Lương cho nó đi thêm bận nữa, từ mai nó đã thôi học rồi. Từ mai, nó vẫn qua đò, nhưng nó đã khác, con Bông đã khác.

Con Bông đã khác. Buổi sáng, nó mặc áo rách qua chợ, nom xơ xác. Buổi chiều Bông về, trên mình là chiếc váy ngắn, áo yếm, vai quàng hồ hững hai cái dây nhỏ xíu vịn hồ cái áo khỏi tuột xuống. Lương hệch miệng ra cười, khen đẹp quá ta. Bông chù ụ, lờm một cái rồi hất mặt đi, “Đẹp khỉ khô gì, tui đâu có ham”. Bông bước lên bờ, đập giạt mũi đò ra.

Đám em Bông mặc áo mới tới trường. Má Bông sắm được chiếc xe đẩy bán bánh mì thịt dài dài qua các hẻm. Ba Bông đi nhậu về, đã ngủ rất say.

Người xóm qua đò bảo nhau Bông đi bán bia bên cầu, quán “Đêm sâu”. Bốn giờ chiều, Lương đưa Bông qua chợ. Bông nói giờ đó quán chưa có khách đâu, nhưng con mẹ chủ bắt phải mặc quần lửng ngồi ngoài băng đá đằng trước quán. Một bày con gái ra đó giả đò ngắm mây trôi gió thổi, coi xe cộ qua lại chơi nhưng thật ra là để chào hàng. Bông trở về lúc hai ba giờ sáng, quần áo xốc xếch, tóc mai dính bết vào khuôn mặt dày son phấn. Đôi mắt dại đi vì say, vì mất ngủ, người sênh sệch mùi bia, đến nỗi Bông ngồi gằn, Lương hít hơi men muốn xỉn luôn. Lương ăn trên sông, ngủ trên sông nên không biết ở phía bờ, người ta đưa đẩy cuộc đời Bông như thế nào. Nhưng thế nào thì Bông chắc cũng giãy dụa, quận đầu như nước ở ngã ba Vàm vậy.

Một bữa, Bông lặn trong áo lót ra một nắm tiền, xòe tròn trên tay, quạt phơ phát mát mặt Lương, Bông cười cay đắng, “tui giàu rồi nè”. Nó bảo Lương chèo đi, chèo hết đêm nay. Lương chèo trong những ánh đèn hắt ra từ hai bên bờ xóm chợ. Bông nhìn ra sông, cái nhìn vẫn buồn như lúc trước nhưng nó đã đanh đi, chai lì đi. Lương hỏi Bông bộ tính làm như vậy hoài sao. Bông cười, chừng nào có người cưới tui. Lương hỏi, “Xấu xấu Bông chịu hông?”. Bông cười, “Thân tui còn gì kén chọn nữa, đồ khùng?”.

Lương khôn thấy mồ chử khủng đầu. Bữa sau, Lương ngồi gãi tai, gãi đầu hỏi bà Tư coi bà còn nhớ lời hứa nhượng lại bến đò hồi trước không, bà cười, “Nhớ, nhớ chớ sao không? Tiền mày gởi tao, dư sức qua cầu rồi”. Nhưng bà không biết đâu, Lương còn nhiều dự tính nữa... Lương đi xin cây vụn về để sẵn dưới sạp, rảnh rảnh, anh lấy ra cưa đẽo đóng một cái hộp đựng tiền nho nhỏ, nhiều ngăn. Ngăn đựng giấy bạc hai trăm, năm trăm, ngăn đựng giấy bạc một ngàn. Lương mua giấy nhám về đánh cho nó bóng lên, rờ tay cho mát rượi. Lương giấu nó đi để khỏi ai trông thấy, sợ người ta hỏi tới. Mắc cỡ lắm. Mà, anh còn chưa nói với Bông.

Nhưng Bông đã nói trước, Bông khoe, “Chắc tui bỏ nghề, tui lấy chồng”. Lương rà mái chèo cho đò cặp bến, Lương hỏi Bông lấy ai? Bông cười: “Cái ông hồi nãy đưa tui về”. Lương chết lặng, muốn sụm giò, mà miệng vẫn cười hịch hạc, “Sướng nghen!”.

Ông già vẫn thường đưa Bông về xóm Miếu. Người ta nói, con Bông ham giàu nên ráng kêu ông ngoại đó bằng anh. Bông giã cái cười của cuộc đời lên đôi giày cao hai tấc. Bông chờ ngày lấy chồng.

Nhưng bà già, vợ ông già không chịu, bà lừa bầy con qua nhà, rọc nham nhờ mái tóc dài của Bông, xé quần áo, lột sạch những món đồ trang sức Bông đang đeo. Chuyển về, đám người đó qua sông. Lương trừ trừ chờ tàu cao tốc chạy qua rồi nương theo sóng lớn nhận chìm đò luôn. Bà già suýt chết đuối, may nhờ Lương ngoi ngóp kéo lên bờ. Bà vừa níu Lương vừa chửi: “Đồ không có văn hóa, đồ thất học”. Lương cười hề hề, sao bà chửi câu nào trúng câu đó vậy.

Bông biết chuyện, Bông nói trong ngân ngân nước mắt “Làm chuyện đó chi vậy, Lương? Của người ta thì trả lại cho người ta đi. Tại tui dễ tin người...”. Lần đầu tiên, Bông gọi Lương theo đúng tên của anh chứ không kêu “khùng”, kêu “đò” nữa. Lương sướng tê người đi. Bông ngồi chỏi tay ra ngoài sau, ngẩng mặt lên nhìn Lương như chị Hai nhìn thằng Út, như con chó Vá nhìn đồng thóc.

- Anh thương tui hả, Lương?

Lương cười. Khuya đó về, sông vắng. Lâu lâu mới có một chiếc ghe chở cát, chở dầu tạch tạch đi qua, ánh đèn đỏ lờ mờ xa xa như ánh nến. Bông biểu có thương Bông thì ngồi gần Bông đi. Nước đứng rồi, đò có trôi đi đâu mà sợ. Hai đứa ngồi một bên be xuống, nó nghiêng nghiêng lơ lửng. Bông biểu Lương nắm tay nó đi, Lương không dám, hai đứa cách nhau chừng bốn gang rưỡi. Lương nín khe hỏi lâu rồi thở ra:

- Gió mát thiệt, hen?

- Lương!

- Gì?

- Ôm tui đi.

- Ý trời, người ta dòm.

- Thây kệ họ. Ôm tui đi.

- Thôi, kỳ lắm...

Bất thần, Bông xô Lương té ngựa xuống nước. Đợi Lương vệt đám rác trôi lều bều, trôi đầu lên, Bông nói:

- Mắc cười quá, mắc cười thiệt. Tới xấu xí khủng khiếp như anh mà còn chê tui nhớ nhớt đến nỗi không dám rờ. Trời ơi, mắc cười quá...

Lương vịn một tay vô be xuống, tay kia vuốt nước trên mặt. Trong lòng anh nghĩ rất nhiều mà không nói được lời nào. Anh khờ khạo không có năng khiếu nói, lâu rày anh chỉ biết cười.

Lương không muốn mình giống như bao thằng đàn ông khác, đối với Bông như với một món đồ chơi. Bông là Bông, là con gái, là người.

Sau này, Bông dừng dưng qua đò như chưa hề có cái đêm hôm đó. Bông đi với một thằng con trai mới. Thằng này để tóc năm năm nên Lương kêu nó bằng “Năm-năm”. “Năm-năm” trẻ măng, quần áo thơm, đầu tóc thơm, chiếc xe phân khối lớn nổ tè tè ra đám khói cũng thơm. Bốn giờ, “Năm-năm” đón Bông ở bến đò. Nó hát mặt hỏi Lương có biết Hồng không? Lương

nói Lương chỉ biết Bông thôi. Lòng anh nghĩ, dù là Hồng, là Mai, là Cúc thì vẫn là Bông. “Năm-năm” cười sùi sụt: “Ông nội này cù lần thiệt”. Bông qua sông đi rồi, mấy bà già đi chợ về nguyệt muốn rách đuôi con mắt:

- Con gái con đưa gì mà ngồi vênh phao câu, thấy ứa gan.

Lương lặng lẽ cười. Anh đưa Bông đi rồi chờ Bông về. Kỳ cục, Lương không biết rằng mỗi lần thấy Lương đại miệng kéo răng ra cười là lòng Bông quặn đau. Bông muốn nhìn thấy anh buồn, thấy trong mắt anh lộ ra một cái nhìn ghen tức. Nhưng Lương không được thông minh lắm, anh không hiểu.

Một chiều anh đưa Bông tươi hồng qua sông, sáng hôm sau má Bông với đám em qua đò, mếu máo:

- Con Bông nó bị nạn.

Nghe nói một vụ tai nạn giao thông thảm khốc xảy ra trong cuộc đua xe. Nghe nói Bông không còn có thể đi được trên đôi chân của mình.

Lương chỉ nghe người xóm Miếu qua đò nói lại. Lương không bỏ đi đâu khỏi đôi chèo. Lương không rành gì ngoài cái bến, dòng sông, đất đai xóm Miếu. Lương chờ Bông về.

Bến đò xóm Miếu thay đổi chủ. Lương vẫn mãi miết chèo qua chèo lại, càn lên dòng chảy, sóng nước mà đi. Bông ngồi trên bến thu tiền. Nó vuốt phẳng phiu những tờ bạc lẻ cũ mèm vào từng ô của chiếc hộp Lương đóng ngày xưa. Người lạ qua bến nhìn Bông xinh đẹp tươi hồng rồi đọ với vẻ mặt già hóp của Lương mà tiếc hùi hụi, tiếc đôi đũa mốc gác lên mâm son, tiếc bông lài thơm mà cấm nhằm bãi cứt trâu... Người xóm Miếu cự, nói Lương mới thấy thương, mới thiệt thòi, đã cựu mang đứa con gái đã lỡ làm còn tàn tật.

Chớ biết làm sao, lỡ thương quá chừng rồi...

## Huệ lấy chồng

Vẫn còn tiếng lụp cụp rộn ràng của mấy cây dao chặt vào mặt thớt mù u. Vẫn tiếng nói cười xao động từng chòm nhóm của các chị, các dì trong nhà bếp.

Tiếng máy đèn chạy tạch tề. Đàng trước rạp, nhóm ca cải lương dạo đờn lững ta lững từng rồi ai đó vô câu vọng cổ ngọt xót. Không biết vô tình hay cố ý, anh chàng nọ kê micro gần miệng mà uống rượu. Nghe đánh cái chóc giòn thiệt giòn rồi khà ra tuồng như cay đắng lắm, chua xót lắm, bắt thèm.

Huệ với Diễm ngồi xếp quần áo trong buồng. Diễm bò lại cửa sổ mở chốt, đẩy hai cánh cửa lá sách sơn xanh ra, trời khuya sâu hun hút, nó la lên:

- Trời, gió mát ghê hen.

Huệ gật đầu, ừ, mát, gió chạy nghe thông thoáng trong lòng. Nghe rõ ràng mùi xoài cát trái mùa chín son ngoài song cửa. Tự dưng Huệ thấy nhớ nhà ghê lắm. Ngồi ngay ở nhà mà cũng nhớ thiếu điều rót nước mát cái độp xuống mặt chiếu bông. Lúc này, ăn cháo khuya xong, ba Huệ biểu cả nhà ra đàng trước, ông đốt nhang khấn trước bàn thờ làm lễ xuất giá cho con gái út. Chưa đủ lễ thì má Huệ đã khóc òa. Mấy ché, mấy dì ở nhà dưới chạy lên, bắt khóc theo, nước mắt nước mũi lòng thông. Thành ra ai cũng xúm lại khóc nên không có màn dạn dò như mấy những lễ xuất giá khác. Huệ nghĩ vậy mà tốt, nó đỡ buồn tủi. Diễm dặn: "Bây giờ mày khóc cho đã đi, để mai lúc rước dâu thì ráng nhịn, cô dâu mà khóc, son phấn trôi tèm lem, thấy rầu lắm". Trời đất, buồn thương ở trong lòng, lúc nào tràn đầy thì phải khóc cho vui chứ có phải rót nước ra từ cái ắm, lúc nào muốn rót thì rót, lúc nào không muốn thì thôi. Con gái lấy chồng, hỏi ai không tủi?

- Hồi sáng này, lúc đi chợ mua đồ về tao thấy ông Thi đi ngang nhà mình.

Điềm rũ cái áo bà ba hường làm cái đèn chao ngọn, nó lên tiếng. Huệ ra bộ đứng đưng:

- Ủ!

- Thấy cái mặt ổng buồn, đứt ruột lắm.

- Ủ!

Điềm trở giọng quạu quọ:

- Ủ, ừ hoài. Phải chuyện mầy với ổng mà thành, đám này vui biết bao nhiêu không.

Huệ cười, biểu Điềm nói nhỏ nhỏ thôi rồi cái giọng lại nửa đứng đưng nửa phân trần:

- Thành gì mà thành, người ta đã nói là không có tiền sắm trâu cau.

- Sạo, trâu cau rẻ rẻ, mà, sao lại có tiền đi cưới người khác.

Huệ cười, người ta vậy, mầy còn nhắc làm chi. Mà, sao bữa nay gió lạnh quá chừng, gió te tái đưa tới một tiếng gà đang gáy, nghe từng giọt, từng tiếng buồn thiu. Cái vali da mới màu với đã đầy quần áo. Đồ của Huệ không có bao nhiêu, cũ hết rồi, đồ bên chồng cho mới nhiều, tới mười hai bộ. Điềm nhắc:

- Còn tập chép bài ca, mầy đem theo không?

- Ủ, đem theo, chút nữa tao quên rồi.

Mà, đem theo chắc cũng không làm gì hết. Về bên nhà chồng không biết còn rảnh rỗi vừa đưa võng vừa nghe ngao hát. Nhà Thuấn vườn rộng, ruộng cũng nhiều, công chuyện chắc vô số. Thuấn kể, chỉ tính bẹ dứa khô rụng xuống, má Thuấn đã đi chặt mần một năm còn chưa giáp vườn. "Nhưng em đừng sợ, về bên, ba má với anh không cho em làm gì nặng nề đâu", Thuấn nói thêm. Huệ cười, cực khổ nó không sợ, chỉ sợ không được vui. Nghĩ lại, có chồng vừa hiền vừa giỏi như Thuấn, lại thương mình như vậy làm gì mà không vui.

Huệ lại chỗ đầu nằm, giờ gối lên, nâng niu áp trong tay tập chép bài ca đã cũ. Nhắm mắt, nó vẫn lật ra ngay cái trang có nét chữ nắn nót của Thi, dưới bài hát "Nhấn cỏ", Thi ghi thêm hai câu thơ "Trăm năm ai chớ bỏ ai. Chỉ thêu nên gấm, sắt mài nên kim". Con Điềm thường bảo, người ta lấy thơ để thay lời thề hẹn đó.

- Tao tội nghiệp ông Thi quá, mà tao cũng tội nghiệp mầy nữa. - Điềm vừa nằm xuống, vừa thở dài cái thượt. Huệ kêu Điềm ngủ đi rồi lui hụi xuống giường, nó nói nó còn quên sợi dây nịt. Điềm xi một cái, "mầy có tật tiếc đồ cũ". Huệ gắt, "Kệ tao. Ngủ đi". Huệ bò lại chỗ cửa sổ và ngồi đó, đưa mắt nhìn xa thẳm màu đêm. Huệ ngồi đó thật lâu, đến má ghé vô buồng biểu Huệ nhắm mắt một chút đi, ngày mai rước dâu mệt lắm. Huệ dạ, thổi phũ cho tắt đèn. Con Điềm vốn mê ngủ, đặt lưng xuống chưa bao lâu đã thở sâu. Huệ lại thắp đèn coi bây giờ là mấy giờ rồi giờ vali ra, nói thảm trong bụng: "Không biết mình có quên gì không ta?".

Nó làm như lỡ quên món gì sau này không có dịp về lấy nữa. Mà, từ Đất Cháy qua nhà Thuấn có bao xa, chạy xuống băng tắt qua Đầm, rẽ theo kinh Thợ Rèn chừng mười lăm phút là tới. Nhưng với đứa con gái theo chồng, quãng đường đó cũng chờ thương, chờ nhớ. Ché Lê, ché thứ ba của Huệ lấy chồng sát bên nhà, chỉ cách một hào ranh mà còn khóc lu bù. Hồi đó, Huệ cười, ché cú cái cóc lên đầu nó, "Sau này có chồng rồi biết, chừng". Huệ không tin, nó biết mình rần rỗi lắm, sức mầy mới khóc. Té ra không phải vậy, nó cũng là một đứa lạc lòng. Sáng mai thôi nó sẽ xuống võ rồi về ở miết nhà người ta. Nhớ cái cối xây bột dựa hàng kệ đựng tiêu tỏi, dầu ăn, nước mắm... Con mèo ngủ thiu thiu trên đầu bộ ngựa, mấy cái võng giăng quây quần quanh bồ lúa. Lối vô nhà trái đất đỏ, người đi ra đi vô đã mòn mấy hòn tròn tròn trọc lóc. Lối này đổ ra con đường xóm xáng múc hôn hang chạy dài tới Vịnh Dừa. Đi chút nữa là tới đám trâm bầu, chỗ con đập vào xóm Kinh Cụt, bẹ dứa kéo xuống nằm vĩnh cửu, có bẹ đã khô quắt, có bẹ còn tươi thơm. Xóm kinh ăn sâu vô đồng. từ vườn nhà Huệ dòm xéo về phía tây, bỏ cánh đồng lúa lơ thơ gốc rạ là một vệt xanh rờn của dừa, của chuối.

Và nhà Thi ở đó. Huệ với Thi quen nhau hồi nhỏ. Thi có tật khoái đi tắt đường đồng đâm thẳng vô vườn nhà Huệ để đến trường. Tan học về, nó có thể nhẩn nha, lang thang đồng khơi thả diều cho tới chạng vạng. Có bữa tan trường, Thi về cùng Huệ, Thi hỏi, "tao thấy con gà mái nhà mầy để bậy đồng rơm sau hè, sao mầy không làm ổ?" Huệ xụ mặt xuống, môi trề ra "Gà nhà tao, kệ tao". Thi mắt hứng, càu nhàu: "Con gái gì... vô duyên".

Đó là chuyện hồi nhỏ, chớ khi hai đứa lớn lên, Thi nhận ra Huệ có duyên, đã có duyên mà còn

đẹp nữa. Thi học lớp trung cấp sư phạm xong về dạy trường cấp II Ấp Chín. Thi dạy lớp sáu, ngay lớp con bé Mến con anh Hai Mận học. Huệ đi học phụ huynh hoài. Vô đó, không phát biểu gì, thẹn thò ngồi cuối dãy bàn, cũng không để ý coi Thi nói gì, chỉ nhìn Thi cười. Trời đất quỷ thần ơi, người gì cười hiền thấy thương quá. Hồi xưa, lúc còn con nít đứa nào cũng hôi nắng, cũng lùì bùn sinh, đâu phải như bây giờ. Ở chợ hay ở quê gì rồi người ta cũng lớn lên. Ở xóm này, người biết tụi nó thương nhau đầu tiên là con Điềm, nhỏ bạn thân nhất của Huệ, người thứ nhì, thứ ba biết là chú thím Mười Ba. Chú Mười Ba bán quán cà phê cặp bờ kinh xáng. Quán chú buổi sáng toàn đàn ông, buổi trưa của mấy thím đàn bà, ôm đứa con nọ một bên vú nói chuyện làng trên xóm dưới. Buổi chiều, tụi con nít tụ lại quán chạy lòng vòng trong sân chơi. Riêng buổi tối, quán chạy máy đèn chiếu phim bộ Hong Kong phục vụ cho đám thanh niên. Có lần coi bộ phim kiếm hiệp "Thiên Long Bát Bộ", tới đoạn A Châu chết, con Huệ nước mắt rịn rịn, chắc lưỡi như nói với con Điềm: "Ước gì trên đời này có ai thương tao như ông Kiều Phong thương A Châu, chắc tao sướng tới chết luôn quá". Con Điềm cười, ngó ra sau lưng, nói xa xôi, "Có chớ, sao mà không?". Thi ở đằng sau, kể dầy ghé Huệ ngồi, hít đầm đĩa hương tóc thơm của cô bạn gái, mỉm cười. Ra về, Thi thả chậm chậm theo tới chỗ quẹo vô nhà Huệ, Thi mới níu tay Huệ lại, Thi nói rằng: "Ông Kiều Phong đó mà nhằm gì, có người còn thương Huệ hơn...". Tay Huệ áp vào giữa tay Thi lú lú. Sáng ra Bà Hai, má Huệ nói với thím Mười Ba: "Làm gì hồi đầu hôm này mấy con chó nhà tôi sủa ong ồng hoài vậy không biết?". Thím cười, chó sủa chuyện vui.

Rồi con Điềm làm nhân chứng cho mối tình của Huệ. Gặp Thi ở đâu, Thi nói cái gì Huệ đều kể cho Điềm nghe. Nhiều lúc Điềm phải nạt, "Trời ơi, mầy kể cho tao nghe hoài, tao phát ghen luôn đây nè". Mai một đây, hai đứa phải lấy chồng (con gái ở quê nuôi lớn không để lấy chồng thì làm gì?), Điềm ước gì mình gặp được một người tử tế, hiền hậu, có học thức như Thi, lấy được người chồng mà tự mình tìm hiểu, yêu thương như Huệ. Huệ cười, chưa gì hết mà chồng chồng vợ vợ, nghe kỳ. Nói vậy, nhưng lòng Huệ nghe ám ran, nó mơ tới một mái nhà sớm chiều khói tỏa, buổi sáng nó rang cơm cho Thi lót lòng đi dạy, trưa đón Thi về chăm chút nồi canh chua bông súng ăn với cá sặc kho khô.

Thương thì thương vậy, nhưng nhắc chuyện cưới, thấy không gấp gáp được. Nhà Thi đã nghèo mà anh em lại đông. Má Thi giao, đứa nào nấy làm để cưới vợ riêng. Lương Thi thì ít lắm, dư dả bao nhiêu. Vì vậy mà Thi xin đổi ra Rạch Ráng dạy trường huyện. Thi tính, ra ngoài đó Thi dạy thêm giờ, chắc lương lên được hai trăm mấy, để dành không bao lâu nữa đủ tiền lễ để cưới Huệ rồi. Huệ cười, cưới vợ chớ đâu phải mua vợ đâu mà phải tốn nhiều tiền. Thi bảo, không cần rình rang nhưng cũng phải có năm sáu bộ đồ, đôi bông, sợi dây chuyền cho Huệ không phải tủi chừ. Những lúc nhớ Thi, Huệ ngồi mơ về đám cưới, bữa đó, chắc là vui lắm. Hết học kỳ đầu, tự nhiên bật cả tháng Thi không về, có về cũng chui nhủi trong nhà, ốm như ma đói. Huệ hỏi hoài, nhưng Thi cúi đầu, tìm được ánh mắt Thi đã khó, mong gì Thi nói ra. Chuyện Thi thế là thôi rồi, mấy thím buổi trưa ngồi quán chú Mười Ba cong miệng nói với nhau, nghe phong thanh Thi đi lại với con gái trưởng phòng giáo dục huyện, cô nọ mang thai, chuẩn bị cưới. Đâu nè, thầy Thi đâu có tệ như vậy. Ủ, nhưng nghe nói thầy Thi bị "gài" như trong Lan và Điệp. Tội nghiệp. Tội nghiệp ai?

Thì Thi chớ ai, ở đời ngược ngạo vậy đó. Thi cưới vợ xong rồi nhưng vẫn thường tha thểu về ở lì trong này. Huệ gặp Thi giữa đường muốn cười nhưng Thi làm lúi cúi mặt. Huệ lấy chồng. Thím Mười Ba chép miệng, giọng không biết khen hay chê: "Con Huệ nó dứt tình lẹ quá ha, dứt cái "rụp". Huệ cười, thấy đâu có chê Thuấn được cái gì, Thuấn biết Huệ từng thương Thi mà anh cũng bước tới. Huệ bây giờ, còn chờ ai nữa?

Huệ chuẩn bị cho đám gả mình từ mấy tháng trước. Suốt ngày nó cặm cụi ngoài vườn. Lá dứa khô bó lóng vo, tề đầu tề đít chất đầy giàn bếp, dựng qua tới bờ lúa. Củi phơi từ lúc chớm hết mưa, lỏn nhỏ ngoài sân. Mớ cọng dứa đã róc lá dựng ngoài giàn, chưa khô hẳn thì đám bìm bìm đã leo xanh rờn, nó cũng đỡ xuống, chặt phơi. Chuyện gì nó cũng giành làm một mình, làm từ sáng sớm tới chạng vạng, không đi coi phim nữa mà tối tối nằm nhà nghe cải lương hoặc đưa võng cò kẹt, hát "Thương nhớ nhớ mãi không thôi. Chàng mới ra về chị em tôi

thương nhớ...". Điềm tới chơi thường, như giữ Huệ, sợ Huệ vì Thi mà làm chuyện dại. Sợ vậy thôi, chớ Huệ vẫn roi rói, người ta thấy nó không thềm rót một giọt nước mắt nào như nó với Thi chưa từng có duyên dẽ gì nhau. Điềm hỏi "Sao tao không thấy mày buồn gì hết?". Huệ cười, "Tao quên ông Thi mất tiêu rồi, tẻ quá, nhớ làm chi?" Hồi đám cưới Thi, Huệ chếp miệng tiếc, phải chi Thi mời... Không được mời nên mới nằm nhà, gió đưa tiếng hát ngang qua đồng lúc gần. lúc xa thăm thẳm.

Hôm gần đám, Thuấn chạy xuống qua chờ Huệ đi chợ. Hai đứa mua nhiều thứ, cuối cùng dắt nhau tới tiệm tạp hóa lựa bốn trái tim bằng giấy đỏ lớn bằng cái thúng để Huệ dán bên nhà hai trái, buông cưới nhà Thuấn hai trái. Lúc Huệ giở mấy trái tim coi kỹ coi có thủng lỗ không thì thấy Thi đằng cuối chợ đứng nhìn. Huệ cười ráo hoảnh. Tưởng Huệ không thấy, Thuấn quay qua, nhắc nhỏ, "Thi kìa, em!". Huệ cười, ừ, Thi đó, Thi chớ ai, rồi biểu người bán hàng lựa thêm cho hai chữ Song Hỷ. Lúc đó Thi mới lại gần chào, Huệ biểu, "Thi đừng có nhìn tui trôn trối vậy, tui cũng phải lấy chồng chớ, phải hôn. Mà anh nhớ đối xử với người ta tốt như đối xử với tui vậy nghen". Thi gượng gạo cười rồi cắn môi quay đi. Thuấn nhìn theo, nắm tay Huệ, nắm rất chặt, nửa như để an ủi, nửa lại giống như rịt lấy, như sợ Huệ bỏ chạy đi mất. Huệ mỉm cười, đó là lần đầu tiên từ lúc xuống mối, tới ăn trầu uống rượu rồi chuẩn bị cưới Thuấn mới nắm tay cô. Thì phải vậy thôi, mai mốt là vợ chồng rồi...

... Huệ ngồi chỗ cửa sổ cho tới lúc gà gáy rộ. Bà Hai lúi thủ đốt cây đèn cóc ngồi lệt tọt, không biết có phải tởn nùng hay không mà mũi bà sụt sịt, nước mắt kèm nhèm. Bà con cô bác cũng trở dậy râm ran. Thức ăn đãi buổi mai đã làm sẵn từ hôm qua một mớ nhưng thịt kho tàu vẫn chưa thấm lấm, lớp mỡ chưa trong. Than bắt lửa cháy lép lép. Huệ kêu Điềm dậy, sửa soạn ra chợ xã đánh tóc, làm mặt. Điềm ngồi dậy, tay lò mò kiếm cây kẹp tóc, giọng tỉnh queo nhưng hơi bàng hoàng:

- Trờ! Sáng rồi sao? Mau vậy?

Đám thanh niên đằng trước quét qua nền rạp, xếp bàn ghế ra. Nhóm ca cải lương đã mỗi mồn ngoẹo vào nhau ngủ mê mệt, thay vô đó là băng nhạc đám cưới xập xình "Ồ vui quá xá là vui...".

Xuống xuống, Huệ giành lái máy. Điềm ngồi co ro đằng trước mũi, than lạnh quá chùng đi. Gió này mà không lạnh sao được. Một tháng mười ba ngày nữa là Tết rồi còn gì. Và sau tết này, mấy thím ngồi quán trưa bảo nhau, "Vợ chồng con Huệ có về". Trong tiếng máy Koler 4 nổ lừng bùng, tự dưng Huệ bảo:

- Ừ, lạnh quá, Điềm ha?

Xuống từ từ chạy tới đập nhỏ đầu xóm Kinh Cụt. Đám trâm bầu đứng im lặng, xơ rơ. Huệ bắt ngò xuống máy chạy chậm, chiếc xuống khật khùng. Nó ngờ ngẩn ngó lên bờ, trong lòng chao chát một nỗi thềm muốn. Nó muốn chạy vô xóm, tới nhà Thi, gặp anh và nói cho anh hay rằng nó hết thương Thi rồi, nó quên anh, quên thiệt.

Nhưng nói để làm gì, ta?

Bắc về. Như thể trong đời này chỉ còn gió. Gió lạnh căm căm mà khô nẻ môi người ta. Da tôi mốc cời. Tàu chạy lừ lừ dọc theo sông, những quãng không có nhà, sậy mọc thành rừng. Những bông sậy chín mềm, trắng phau phau. Đã nhiều bông lìa cành, trùng trùng bay. Nước mặn rịn rít da. Nghe gió này là mùa cưới đến.

Nét chữ không bay bướm trong tấm thiệp mộc của út Thà mang cho tôi một cảm giác lạ lùng. Vui, buồn, chua xót lẫn lộn. Má tôi bảo: "Con về sớm mấy ngày cho thằng Phi đỡ buồn". Tôi lật lịch khế cười, má à, có những nỗi buồn không ai trị được đâu. Nó day dứt tháng năm, nó dài dằng dặc. Người yêu đi lấy chồng mà, biết bao người tự tử.

Cái lần gần đây nhất tôi đi Tân Thuận có ghé qua nhà, Phi đang lui cui đóng giường, Thà cũng qua chơi, vo gạo ngoài sànlãn, dì Tư - má Phi lệt bông sụng nấu canh chua, Phi nói nửa đùa



nửa thật: "Đóng giường mới cưới vợ chơi". "Cưới ai?". "Út Thà". Nghe tiếng kêu cùng tiếng cười giòn trong bếp. Tôi ở lại ăn cơm chiều. Một bữa cơm ắp tiếng cười rộn rã. Khói ấm bùng nổ trên những tia nắng xuyên qua khe lá. Họ làm tôi vui quá.

Vậy thì làm sao đến nông nỗi này?

Phi cười cười, từ từ rồi nói. Nhưng dì Tư thì chất lưỡi hít hà lúc tôi bước chân vô nhà. Dì có vẻ giận Thà lắm. Phi nhún vai thì thầm: "Má tao cần nhân nhứt mình muốn chết".

Tôi hiểu dì Tư như hiểu má tôi. Trong lòng mọi người thằng Phi tội nghiệp lẽ ra phải được hạnh phúc. Nó hy sinh quá nhiều rồi. Với má tôi, bà thương Phi như con ruột. Phi từng trọ học ở nhà tôi gần tròn năm. Có lần nó về thăm nhà, rồi không trở lên học nữa. Dì Tư kể, lần đó nó đem cây cúp móng tay về, nâng nặc đòi cắt cho ba má. Khi nâng cái chân của dượng lên, nó rớt nước mắt. Những móng chân thúi sạm, kẽ chân nước ăn lở đến tận xương. "Con thấy ba má con cực khổ con chịu không nổi, dì Hai à", Phi trở lên lấy đồ, từ giã bạn học, từ giã cả nhà chúng tôi, má tôi khóc.

Rồi dượng Tư chết, thằng Phi là trụ cột trong nhà chống đỡ cho người mẹ với hai đứa em gái. Mùa mưa nó xoay trần với mười tám công ruộng. Trờ bắc là nó lang bạt kỳ hồ. Nó sắm dàn nhạc cũ đi hát phục vụ đám tiệc. Ban nhạc nhỏ, gồm sáu bảy người trong xóm, già có, trẻ có, vừa đờn vừa ca. Phi có giọng ca hay nức tiếng nên ban nhạc của nó khá đắt khách. Nói Phi ai cũng buột miệng khen "Thằng đó ca mùi rưng rún". Trăm ngã sông, ngàn ngõ xóm, Phi rành đất này như ông thổ địa. Có lần nó rủ tôi đi chơi cho biết, dặn "về đừng viết báo nghe cha nội!" nhưng tôi không kìm được, viết ngay về loại hình sinh hoạt văn hóa nông thôn này. Lần ấy, tôi phát hiện ra, Phi càng uống say càng ca thần sầu. Lời ca rõ tiếng vánh vánh, làn hơi ấm áp. Giọng ca của nó không giống út Trà Ôn, Minh Cảnh hay Minh Vương, chỉ là của Phi thôi. Nó thuộc nhiều bài nhạc, bài cải lương, nhiều vô kể. Tôi ngạc nhiên về một thằng Phi mặc áo phên đi cắm câu với một thằng Phi nghệ sĩ mặc cái quần kaki mười hai túi trên sân khấu lót bằng bộ ván ngựa. Khuya, Phi rủ tôi xuống ghe nó nằm, nó gác chân lên bụng tôi, kê tay làm đầu gối.

Mày hát hay vậy sao không kiếm dịp đi thi?

Nó cười:

Thôi, giọng ca tao, thiếu sông, thiếu nước, coi như hết hay rồi.

Tôi ngó sao trời, lan man một nỗi sợ hãi mơ hồ, có người thợ xây không xây nổi cho mình ngôi nhà, có người thợ mộc nằm đất ngủ lạnh, Phi chuyên hát phục vụ đám cưới cho người ta, bao giờ mới hát cưới mình đây?

Chừng nào mày cưới út Thà? Quen người ta ba năm rồi, ngâm tới chừng nào?

Không biết, lo cho con Minh, con Thúy trước đã. Ba năm nữa tụi nó mới ra trường. Tụi nó học ở thành phố mới một năm mà về chề dàn nhạc tao là đồ dỏm, đồ cũ. Tao giận tụi nó, thì nhờ mấy món đồ cổ đó mà tao mới nuôi nổi tụi nó học đại học. Cũng tội nghiệp, hai đứa nó biết lẽ rồi nên buồn hiu. Tao thương tụi nó quá.

Vậy không thương út Thà sao?

Thương. Thương thiệt.

Thương mà sao không biết tính làm sao.

Nhà út Thà ngó xéo bên sông. Hôm nay là nhóm họ, qua đám dừa nước thưa, thấy đằng trước rạp đã lùm xùm những tàu dừa bẻ vòng nguyệt, lá đùng đình vắt xòa quanh mấy cây cột rạp ộp bẹ chuối non. Phi ngượng ngịu:

Lẽ ra tao phải qua bến phụ một tay.

Sao vậy?

Bữa trước gặp ngoài chợ huyện tao lỡ nói dóc là kẹt không về. Lúc đó tao tưởng là không chịu nổi?

Bây giờ chịu nổi rồi à.

Ừ!

Phi nói có vẻ nhẹ nhàng như thể nó đã chuẩn bị điều này từ lâu lắm rồi. Hai đứa nằm trên cái võng giăng ngoài chái dựa hàng lu nước. Tôi nghe rất rõ gió cuộn thành lọn, lăn miết trên da mình. Có nỗi buồn nào đó đang thổi rất mạnh. Dì Tư buồn tình chèo xuống về bên ngoài chắc chiều mới về. Một chút ai ngờ út Thà qua. Cô mang cho chúng tôi một tiếng cười giòn.

Em biết anh Kiên bữa nay về mà.

Phi nạt:

ở bên nhà đang lu bu...

Thiếu gì người làm. Còn em, qua đây lâu lắm mới qua nữa. Mà, biết đâu là... lần cuối.

Chữ "lần cuối" Thà buông xuống, lạnh như bắc cuộn gai ốc trên tay tôi. Thà chột cười (lại cười... giòn):

Hai người nằm làm gì, đi nhậu đi.

Tôi với Phi trợn mắt nhìn nhau, nghe tiếng chân Thà lẹp xẹp vào bếp. Thà rành từng góc ngách nhà Phi nên không lâu lòi ra từ bộ vạc tre chai rượu trắng với đĩa mắm lóc xé trộn gừng. Một chút bổ sung thêm chén khế chua xắt lát. Chúng tôi kéo lại ngồi với nhau. Và với gió. Thà là con gái nhưng uống rượu khá mạnh. Phi này giờ không nói gì, ngó Thà lom lom:

Làm gì ngộ vậy Thà...?

Uống rượu cho dễ nói chuyện.

Chuyện gì?

Chuyện anh Phi nói gạt, ảnh tránh em. Đám em mà ảnh còn không qua vậy mà nói thương em. Tụi mình là bạn bè, anh Kiên coi phải không?

Tôi cười cười, chịu Thà thôi. Khi chúng tôi còn nhỏ, thật tình có dạo tôi tranh Thà với Phi. Bởi

vì Thà có đôi mắt một mí nhưng đen, mái tóc đen, khuôn mặt xinh xinh duyên dáng và cũng bởi vì cô nói chuyện rất cuốn hút, thuyết phục người ta, điều này với các cô gái quê là rất hiếm hoi.

Nghe nói Thà lấy chồng về Cái Nước?

Dạ, xa lắm, chắc lâu nữa mới về một lần. Anh Kiên đi công tác ngang chợ Rau Dừa, nhớ ghé nhà máy Phú Phong thăm em. Anh Phi cũng vậy nghen!

Phi "ừ", nâng ly uống "chóc".

Sanh con cứ lấy tên anh mà đặt.

Dạ. Nhưng vái trời cho nó đừng ca hay như anh. Có nhiều cô mê lắm.

Thà cười. Tôi ngờ ngác giữa đôi bạn thân. Họ đang đứng ở bên bờ chia xa mà thanh thản vậy sao? Tôi đùa:

Uống công anh nhường em cho thằng Phi, nghe tin Thà lấy chồng như trời sập. Quả tình anh giận em lắm...

Thà bảo không uống nữa, trở bộ duỗi chân.

Em biết, ai không hiểu chuyện thì giận em lắm. Lần đó, bên chồng em qua hỏi, ba má em hẹn ba ngày trả lời. Trước đó em đã từ chối bốn mối rồi. Một mimnhf em chạy máy đi lòng vòng kiếm anh Phi. Cực khổ lắm. Kiếm được rồi hỏi ảnh tính sao? ảnh kêu em về. Song ảnh chạy xuống tắt qua Rau Dừa, dò hỏi kỹ bên chồng em. Hỏi từ ông già, bà già cho tới đứa con nít xong ảnh về kêu em ra nói một câu: "Em lấy chồng đi". Hai đứa ngồi ngoài bực tính kỹ lắm. Em thấy chắc không chờ được nữa rồi. Con gái xóm em mười bảy, mười tám tuổi có chồng, em đã hai bốn rồi, ba má em như ngồi trên đồng lửa. Nói cho kỹ chuyện này là anh Phi gả em. ảnh nói bên chồng em khá giả, lại đàng hoàng, xừ đó ai cũng biết tiếng chịu khó làm ăn. Xét cho cùng, em cũng có lỗi, em không chắc lòng chắc dạ với anh Phi. Mỗi khi ảnh đi, em nhớ ảnh lắm, em nhớ giọng ca của ảnh. Rồi tưởng tượng ra biết bao cô cũng ngồi nhớ ảnh như em. ảnh đi hoài, mai một biết ả có về cưới em không? Có câu "Bậu lỡ thời như giấy trôi sông..." anh Kiên nghe chưa? Đó, lỗi của em là nhiều đó đó. Nghĩ lại cuối cùng em không xứng với cái tình của anh Phi. Tụi em thương nhau không lấy được nhau thì không có thù hận đâm chém đâu anh Kiên à. Khổ cái, đám em ảnh trốn không qua coi như không tha thứ cho em rồi.

Phì phì cười:

Thôi mà, anh lỡ lần này thôi, Thà ơi.

Thà nói xong, má đã ửng hồng. Đôi mắt cô đen và trong lắm. Đôi mắt Phi cũng đen và trong lắm. Trong lòng tôi tự nhiên muốn ôm choàng hai đứa bạn vào lòng. Ba chúng tôi ngồi với nhau như ngày xưa, lúc nhà tôi còn ở đây, chưa ngập mặt dưới dòng sông lở. Trước nhà tôi có giàn mướp vàng hoa. Những đứa trẻ lấy đó làm nhà, sống đầm ấm, và chúng yêu thương nhau cho tới bây giờ. Phi giục:

Thôi nói bao nhiêu đó đủ rồi, Thà về đi...

Dạ.

Đừng buồn anh.

Không buồn đâu. Mai mốt em có con, tối ngày nựng nịu nó, thời gian đâu mà buồn. Em mê con nít lắm.

Nhớ sanh hai đứa thôi, đúng chính sách. Sanh nhiều mau già, dễ chết - Phi dặn thêm.

Chúng tôi đều cười. Cái mắt mắt rồi, cái còn hình như vẫn còn đó. Tôi cảm thấy hơi ấm từ lòng mình ấm phừng đến mặt. Chắc tại rượu ngon. Thà về, xuống tới bển còn quay lại phân trần:

Sao tự nhiên em qua đây lãng xẹt vậy không biết?

Cô cười giòn. Tôi có cảm giác cái cười níu chặt vật làn nước mắt chực rơi ra. Thì là người mà, có phải cây cỏ đâu. Phi không tiễn Thà mà ngồi trên nhà gỗ chén ca, giọng ca thêm rượu thần sầu.

"Ở ở... Ai xui mà con sáo nó sang sông cái nó sang sông. Cho nên mà con sáo ở ở sổ lồng cái kia bay xa cái kia bay xa, cái lý em ở, cái lý chàng đi..."

Tôi xin thề với thiên thần thổ địa rằng chưa bao giờ được một bài Lý con sáo sang sông điệu Bạc Liêu đứt ruột như vậy. Nó mênh mang, sâu rút những nỗi nhớ thương từ tim, từ máu. Tôi buột miệng: "Thì mày đưa con sáo của mày sang sông chứ ai". Phi ngưng há, miệng làm bậm: "Chớ bắt người ta chờ mình tới chừng nào".

Dì Tư về. Có vẻ như dì về đã lâu. Bà hỏi: "Sao tự nhiên tụi bây nhậu vậy?" mà không đợi chúng tôi trả lời, ngồi thừ rất lâu. Rồi bà kể chuyện thằng em họ xa của Phi vì ghen tuông đâm chết người bị bắt lên trên huyện. Bà chắt lưỡi: "Sao tụi trẻ bây giờ coi trọng chuyện trai gái vậy không biết". Phi quạt mạnh tay cho những bụi than hồng trong bàn ủi bay lên, tủm tủm cười: "Bà già muốn nhắn gởi tao đó".

Chạng vạng, chúng tôi xuống xuống qua sông. Dì Tư biết chúng tôi đi đâu nhưng hỏi cho có:

Con đi đâu vậy Phi?

Phi trả lời, giọng cố nghiêm túc:

Con đi ca, má à!

## Mối tình xưa

Đoàn làm phim tài liệu về nhà báo liệt sỹ Nguyễn Thọ tạm trú ở trụ sở áp văn hóa. Họ đã ở lại Mỹ Hưng thêm năm ngày, nhưng vẫn chưa mời được dì Thắm tham gia. Trần Hưng, tác giả kiêm đạo diễn phim, vốn là người kỹ tính, cầu toàn, anh bảo, làm phim Nguyễn Thọ mà không quay được chân dung người yêu ông, mối tình năm cũ của ông thì thà ở nhà chần heo cho vợ còn sướng hơn. Nên cả đoàn phải nán chờ trong căn nhà bỏ phế bấy lâu, đất nền bị heo ủi lức cục lòn hòn, bìm bìm leo xanh rờn một bên rèm cửa.

Mấy ông già trong xóm lại thấy cảnh tình nheo nhóc, thờ dài, tụi bây ở lì vậy không biết có ăn thua gì hôn đây, thằng Mười, chồng con Thắm tính tình khó khăn, ngang ngược, hồng giống

ai.

Nên chỉ con người này thản nhiên khi thấy đài truyền hình Xê Tê tới, thản nhiên biểu vợ từ chối. Ngoài ông Mười ra, ở đây, ai cũng muốn được vô phim để kể về một Nguyễn Thọ anh dũng, tài hoa, đưa con thương nhớ của vùng đất Mỹ Hưng này, cho nói chút xíu thôi cũng được. Với Nguyễn Thọ thì làm phim nhiều tập mới xứng, nhóc chuyện. Hai mươi sáu năm rồi, nhưng mỗi ông già bà già đều nhớ thằng Thọ về lần nào cũng chui vô bếp lục cơm nguội ăn với mắm sống, có bộ đồ nhuộm pin đèn mặc chết bỏ luôn. Đám bạn đồng lứa nhớ Nguyễn Thọ hồi nhỏ đen thui, mặt mũi lúc nào cũng đóng rong rêu vì mới lặn lội dưới địa lên, hiền mà cộc dễ sợ. Mấy ông bạn cùng tổ công tác vừa đọc truyện Mối tình nhỏ nhỏ của Nguyễn Thọ vừa khóc, “Hồng có nhà văn nào được như nó, viết truyện ngắn mà ai cũng mê, thuộc lòng như bài ca cải lương, đám cưới, đám giỗ, đám ma đều đem ra làm văn nghệ được hết”. Có ông khóc tồ tồ, “Cuống rún thằng Thọ còn chôn ở đất này mà tụi ác ôn không biết đã thủ tiêu xương cốt nó ở đâu?”. Trần Hưng rất hài lòng với những đoạn phim vừa thu được, nó nổi bật lên phần đời của người chiến sỹ này, giản dị mà cao quý, bình thường mà phi thường. Và chỉ thiếu một câu chuyện tình nữa thôi, một chân dung nữa thôi, bộ phim sẽ sâu sắc, xúc động lắm. Chỉ cần dì Thắm thôi.

Nhưng đã cầu cứu chính quyền, thằng Thảo từ bên ngoại dong về năn nỉ má nó, lớp trưởng bối ở xóm cũng lại bảo: “Thằng Mười mày cho con Thắm lén vói qu, khờ sao?) vạ cùng vạ c, ch «ng d'ly th»ng Th¶o (®,ng lí con cña NguyŔn Th¶ ph¶i ®ic nŔng niu, chiŔu chuŔng). MÆt mụy th× thŔm s×, kh nó đi một lần nữa thôi. Chuyện làm phim phiêu này nọ coi vậy cũng là làm việc nước” nhưng ông Mười vẫn nín thinh, ngồi vẩn thuốc, uống trà, nhìn xa xôi. Mấy ông già đội ra, chóng gậy te te về, bụng chửi, cái thằng, coi mặt chữ điền bự vậy, cái miệng rộng vậy mà ích kỷ, hẹp hòi. Nó không cho con Thắm đi chắc tại ghen chớ gì. Thằng Thọ chết ngắc rồi mà còn ghen.

Bảy năm trước, lúc ông Mười gom hết thầy bốn chín cái thư của Nguyễn Thọ gửi dì Thắm đem đốt hết, cũng không ai can được. Mấy ông viết sử của tỉnh kêu trời, đồng đội đồng chí của Nguyễn Thọ cũng kêu trời, phải chi còn, đem in vô tập những bức thư tình hay nhất mặc dù chưa ai được xem Nguyễn Thọ viết ra làm sao). Nhưng thư đã thành tro rồi, ông Mười nói ông không cần biết chuyện giữ gìn bút tích của Nguyễn Thọ để làm tư liệu lịch sử, lưu lại cho thế hệ mai sau gì hết, ông thấy chướng mắt nên đốt, có bậy thì đem ông bỏ tù đi.

Nhưng có ai bị bỏ tù với lý do lãng xẹt như vậy đâu. Chỉ thằng Thảo, con của dì Thắm và Nguyễn Thọ là buồn lòng, bỏ về ngoại ở. Dì út Thía không chòng ôm đứa cháu nhỏ vô lòng, biểu mai mốt lớn rồi cháu hiểu. Có gì mà phải đợi lớn, hồi đó tới giờ, thằng Thảo có chọi chết gà nhà nào, có bẻ trộm trái ở vườn ai, bà con đều xuề xòa bỏ qua, nó là con Nguyễn Thọ mà, tội nghiệp. Họ còn bảo ở ngoài tỉnh nhiều đứa cậu ông cha mình có công còn làm chuyện bậy dữ hơn nữa kia. Chỉ có ông Mười là rắn đe, dạy dỗ, ghim nó như ghim con ngựa bắt kham. Thằng Thảo dần trở thành một đứa đàn hoàng, tử tế, nhưng gặp bất cứ chuyện gì, trong lòng nó cũng có vết tì, tại mình hồng phải là con ruột của ông. Lâu ngày, ý nghĩ ấy đầy như nước lên trộm trộm trên mặt đập. Và khi ông Mười ngồi dựa cái cà ràng đốt xấp thơ của ba Thọ, nước đã vỡ bờ, nó làm lì xếp hai cái quần cụt với mấy cái áo bỏ xuống bến đón tàu. Dì Thắm không thể giữ nó lại. Ông Mười lặng lẽ ngồi đốt thuốc, ngó cái lưng tôm của thằng Thảo dưới bến, lòng trĩu như đeo đá. Ông mà không thương nó à, không thương nó sao? Ông thương nó bằng chang con ruột ông đó chớ. Bây giờ nó không hiểu, chừng nào nó lớn, yêu thương ai đó, nó sẽ biết mà. Thằng Thảo đi rồi, nhà thành ra nặng nề, dì Thắm, người hiểu ông Mười nhất cũng giận, không thèm nói chuyện, có gọi thì cũng trống không, “Coi nhà giùm cái”, “Còn thuốc gò hút hôn? Đi chợ nè”, “Cơm chín rồi nghen”, ông Mười buồn cười quá, hỏi “Cơm ai nấu?”, dì trả lời “... nấu chớ ai”.

Chuyện nguôi nguôi đi, nhà vẫn buồn, nhưng ông Mười không đau lòng như những bữa từ ngoài ruộng về, ông nhìn thấy vợ cầm xấp thư ở góc nhà, ngồi khóc lặng. Ông thương vợ, cứ như hoài vậy thì đời được mấy ngày vui. Ông đem thư đi giấu trong kẹt bỏ lúa, dì vẫn tìm ra, vẫn những bữa đi đâu xa về, dựng thấy đôi mắt vợ mình sưng húp. Buộc lòng ông đem thư

đi đốt. Chỉ còn cách đó mới tìm lại nụ cười nhẹ nhõm đậu trên khuôn mặt nhẹ nhõm, vô tư lự như những ngày dì Thắm mới mười tám, hai mươi.

Cả đời, ông chỉ mong người trong nhà hiểu mình chứ trông gì người thiên hạ. Với cái tánh lầm lì, lạnh lùng, ít nói, có nói cũng chậm rãi, hững hờ, thật khó để bộc bạch mình trước người. Về Mỹ Hưng với dì Thắm từ sau giải phóng, ông chưa cãi cọ, méch lòng ai, suốt ngày chăm chút cho mảnh ruộng miếng vườn, cho bốn đứa con vừa chung vừa riêng nhưng đất quê vợ mãi mãi không yêu ông như một đứa con ruột thịt. Vì ông lấy người yêu duy nhất của Nguyễn Thọ làm vợ (đáng lẽ phải để dành), rồi sau đó không cho vợ đi dự những cuộc họp mặt, hội thảo về Nguyễn Thọ (làm vậy không phải là quay ông biết vui hay buồn, già đầu rồi chưa nói câu nào nghe ngọt ngào với vợ. Ông Mười nghe, buồn quá mà cười).

Ngày bữa đầu Hưng đến, vừa bảo làm phim về Nguyễn Thọ, ông Mười đã chụp cái nón lá lên đầu, bảo phải đi cửa củi. Hưng nấn ná lại với dì Thắm, hỏi dì có ngại không khi kể một chút về Nguyễn Thọ, đoạn ông với dì yêu nhau ấy mà. Dì cười, ngẩng lên, khoe miệng nhẹ tênh, lác đầu. Dì không ngại, với làng xóm láng giềng và cả với chồng. Thương người tử tế như anh Thọ thì ngại gì với bà con, lấy ngay thẳng ác ôn nào mới mắc cỡ chớ, còn với ông Mười, dì kể rồi, bộc bạch hết chuyện xưa rồi, từ hồi hai người gặp nhau ở nhà máy chà Xả Chọt. Dì thuật tường tận những chỗ hai người gặp nhau, cả những lời thề hẹn. Dì rót trà mời Hưng, rồi bần thần nhìn ra sân, chỗ ông Mười hì hụi kéo cửa một mình, lưng đăm mồ hôi, dì bảo, thiệt tình tui hông có gì giấu ông đâu, nhưng chuyện hồi đó với anh Thọ tui nhớ hông hết. Già rồi... Khách ra về thì trời đổ mưa to, mưa mà nắng vẫn chang chang trên đầu, trời hầm hập nóng, dì Thắm đi te ra chỗ đóng củi, tần ngần nhìn chồng một chút rồi đặng háng. Ông Mười không ngẩng lên. Dì lại e hèm, ngoảnh nhìn quanh quất kiếm chuyện để nói:

- Củi bằng cườm tay để tui bữa cũng được, ông cửa chi mắc công hôn?

Ông không ngẩng lên:

- Mắc công gì mới bình bát này khô quá, tui có bữa thử, nghe dội búa, sức tui còn vậy, ốm yếu như bà sao chịu nổi.

Dì không nói nữa, ngồi dưới gốc ô môi, bới lại cái bới tóc nhỏ teo ngắt như trái cau. Ông Mười chọt ngẩng lên, đưa khuỷu tay lau mồ hôi chảy tràn trên mặt, hỏi:

- Tính đi không?

- Không. Đi gì mà đi, lu bu muốn chết. Lên phim hông biết nói cái gì, hư truyền hình của người ta.

Giọng dì tỉnh rụi, như để bảo chồng đừng lo, chuyện phim gì đó dì không để bụng, không thềm quan tâm đâu.

Tối sau, Trần Hưng rủ thêm vài người tới nhà dì Thắm, anh không quên xách theo chai rượu với mớ khô cá kèo mua đặng đầu xóm. Anh nghĩ con người này không dễ thuyết phục đâu, đem rượu lại coi có mở lòng ông ra được không. Nhưng anh lầm, càng uống ông Mười càng im lặng, chỉ có đôi mắt là dữ tợn lên, đổ ngầu ngầu dưới hai đám lông mày rậm rì chớm bạc phát ra những tia nhìn như xoáy thấu người khác. Nhậu đã đời cả đám cà xình cà xang về chỗ trụ sở ấp văn hóa mà không nói được gì hết, không thể nói. Trần Hưng nằm ngẫm nghĩ, thấy vừa rồi mình giống như con điều hâu ngồi nhậu với một con gà trống đang xù lông thủ thế bảo vệ vợ con nó.

Lần thứ ba Trần Hưng lại nhà dì Thắm, anh đi một mình. Và thêm một chai rượu nữa. Anh thôi làm điều hâu mà là một con gà trống hiểu biết khác, anh nói anh tới để từ giã, ngày mai đoàn phim về để làm hậu kỳ cho kịp ra mắt Ngày báo chí Việt Nam. Anh cười xòa, bị trác trở như vậy cũng buồn, nhưng không sao đâu, có lần đi làm phim tui còn bị người ta vác đá rượt. Làm công việc này có lúc cũng đi moi móc nỗi đau của người khác ra, dày đi dày lại... Tui cũng thương vợ như anh Mười đây, nhìn thấy vợ nó đau khổ, buồn bực chuyện gì, tui cũng xót ruột lắm. Đôi mắt ông Mười dịu lại, ông xoay mãi ly rượu trong tay, rồi hớp từng hớp một, từ tốn như uống trà. Một hồi Hưng khật khùng đứng dậy từ giã, ông Mười mới lên tiếng, "Mai vợ chồng tui lại". Hưng nghe mừng như đánh lô tô trong bụng, thì ra trên đời này, ai cũng khao khát gặp được tri âm, gặp được người hiểu lòng mình.

Sáng sau, ông Mươi lấy xuống đưa dì Thắm theo kinh Cỏ Chát ra Gò Cây Quao. Nghe chồng biểu thì đi vậy chớ lòng dì Thắm cũng bần thần. Cuối vòm con kinh này là nhà ngoại dì Thắm, nhưng lần nào qua cúng giỗ, dì đều chèo vòng qua kinh Nhà Lầu để về. Bởi vì mỗi lần đi ngang, dì đều không nén được nỗi đau. Dưới kinh ngó lên, có thể thấy chòm cây xanh rì giữa đồng khời. ở đó, hồi xưa là chỗ hẹn hò, dì quen thuộc từng bụi cây ngọn cỏ, từng bờ đất. Nguyễn Thọ cũng đã hy sinh ở đó, chỗ mé đĩa lục bình, bên cây quao cụt ngọn.

Vì vậy mà Trần Hưng mới dắt mọi người ra Gò Cây Quao để quay cánh kết, anh còn chu đáo rước cả thằng Thảo về. Đất đồng mùa này đã cày, bờ mầu chơ vơ những bụi cỏ ống, bụi rạ bị đốt cháy nham nhở. Một đoàn người lặc lè đi dưới cái nắng tháng ba như chớ le lười. Ông Mươi ngồi lại dưới xuống, đốt thuốc, dăm dăm ngó khói lên trời.

Tới chỗ chòm quao lớn giữa đồng, họ dừng lại. Trong khi đoàn làm phim đang chỉnh trang máy, chọn góc quay, mọi người xúm lại cái cây có nhiều vết đạn nát, kéo thằng Thảo lại, nhắc chuyện cũ mèm, “Hồi đó ba mày núp ở đây nè, một mình nó ở lại chặn cho tụi thằng Ninh dẫn đám thanh niên rút. Để coi hồi đó là là tháng năm hen, anh Tám, cả xóm lúc đó cà núp cà ló vừa dòm chừng máy bay vừa cấy lúa”. Dì Thắm cứ lựng bựng không biết đứng đâu, ngồi đâu. Thằng Thảo kéo tay dì, tí ta tí tòn: “Ba Thọ chết ở đây nè má, lại coi đi”. Dì rầy, có gì mà coi, chuyện ba nó hy sinh mà. Trần Hưng lôi ra trong túi áo xấp hình Nguyễn Thọ đưa dì Thắm, đây là tư liệu quý giá nằm trong mớ hồ sơ bên Mỹ mới gửi ngược về. Trên những tấm hình trắng đen cũ kỹ hiện lên một mình người nằm cạnh cây súng đã gãy (nghe nói chính anh đập gãy sau khi bắn đến viên đạn cuối cùng). Một vuông ngực vỡ toác. Đôi mắt và đôi tay bị bọn ác ôn băm nát. Cái lồng ngực từng chứa một trái tim đỏ thắm, đôi mắt đã từng nhìn người yêu chan chứa, đôi tay đã từng iu áp một đôi tay... Dì Thắm run rẩy nhìn những bức hình, hức lên một tiếng rồi rủ xuống như tàu chuối héo.

Trần Hưng chỉ chờ có vậy, anh là tay trùm trong việc dẫn dắt cảm xúc, anh hỏi người quay phim hướng vào khuôn mặt của dì Thắm đang dầm đĩa nước. Trời ơi, cảnh này xúc động lắm, chân thực lắm, mấy nhỏ diễn viên chuyên nghiệp nhìn đây mà học. Trong một tích tắc, thằng Thảo lặng đi, nó nhìn không ra, không hiểu được người mẹ hồn hậu mũ mĩ hay cười của nó mới đây bỗng biến mất đâu rồi, chỉ còn lại một người đang quay quắt đau thương, vất kiệt mình như cọng rạ cuối nắng.

Mãi dì Thắm không mở lời nói được, chỉ khóc là khóc, nước nở ồ ồ, nhìn cảnh mọi người xúc động, hỉ mũi rột rẹt nhưng không ai bước ra đỡ cho dì nín. Cho đến khi ông Mươi xuất hiện, ông bảo: “Mấy chú làm ơn dừng lại một chút” rồi cầm cái khăn rằn lau nước mắt cho dì Thắm, dì như trẻ con, lau khô rồi nước mắt lại trào ra. Ông Mươi vẫn nhẫn nại chậm chiếc khăn lên khuôn mặt chớm già của dì, không nói gì hết, khuôn mặt bì sì của ông hơi dúm lại, dường như ông cũng đau lắm, xót lắm.

Cậu quay phim hỏi, quay nữa hôn, Hưng gật, xong lại lắc đầu, bảo thôi, cảm thấy mình hơi có một chút nhẫn tâm.

Cuối tháng sáu, phim được chiếu trên truyền hình, phim thiệt là hay, thiệt xúc động, chân thực, đúng với phong cách Trần Hưng. Tất nhiên, phim không có cảnh ông Mươi lau nước mắt cho vợ, nhưng những người có mặt chứng kiến buổi quay phim hôm ấy, cả thằng Thảo, là nhớ, cứ mỗi lần màn hình lướt qua vẻ mặt đau đớn, dầm nước mắt của dì Thắm, họ lại nhớ tới một chiếc khăn, một bàn tay thô, một tấm lưng rộng.../.

*(Tạp chí Nhà văn)*

## Trăm năm bên cũ con đò

Cửa sau nhà tôi trông ra sông. Tôi thường ví đó là một khung tranh, và bức tranh biến đổi không ngừng, có lúc nó hiện lên những chiếc tàu cao ngệu, hùng hục đi qua, che khuất cả dãy

nhà sàn bên kia sông, có lúc hình ảnh lại xa vắng với vài chiếc vỏ lãi dài nhằng, bé teo mong manh chờ đầy nhóc dứa, chuối... Nhiều khi bức tranh như bị trĩu xuống khi buộc phải vẽ mấy chiếc xà lan ngược nước ạch khảm lừ, gằm gừ... Nhưng cảnh có chuyển động thế nào, trong bức tranh cửa sau của tôi, vẫn luôn có hình ảnh một chiếc đò thăm lặng chờn vờn trên sóng nước.

Bến đò nằm cạnh nhà. Có thể nghe được tiếng bước chân người xoèn xoẹt lại qua, nghe mũi đò chạm lịch kịch vào bến, và tiếng chèo chém ngọt vào mặt nước những lát cắt dày. Và nhiều khuya nghe tiếng gọi đò xao xác, tôi đã nghĩ, phải mình là đạo diễn, thế nào cũng làm phim về cái bến, con đò.

Trong hình dung, đó là bộ phim giàu hình ảnh hết biết.

Trèo lên một chỗ thật cao, tôi sẽ bắt đầu "bộ phim tưởng tượng" của mình bằng cảnh các con sông giao nhau cắt thành phố bằng năm ba mảnh, gập chút đó rồi lại thao thiết chảy đi. Nằm rải rác dọc theo những khúc sông, khúc kinh có hàng trăm bến đò ngang dọc. Mỗi bến có một cái tên khác nhau như Đâu Đò, Cầu Chùa, Rạch Rập, Công Chánh... nhưng giống hệt ở lối đi xuống hẹp và hơi tối. Bậc lên xuống bằng bê tông bị sóng mài mòn phủ lớp đá nhỏ bên trong, nhờ vậy mà đỡ trượt chân. Những người phụ nữ đi chợ sáng về, rôm rả chuyện trò trong lúc chờ qua sông, tôm cá quẫy trong giỏ lách tách.

Và con đò, nó tới kia. Một đám trẻ con vai quàng khăn đỏ đứng ngồi lóc nhóc đang qua bờ bên này. Những chiếc đò đóng theo kiểu tam bản vững chãi, ít chao lắc. Hai bên be, đằng mũi đều được bọc vỏ xe để khỏi sờn khi va vào bến. Có chiếc còn đồ au lớp dầu trong, có chiếc đã nhiều năm dầm mưa nắng sạm đi, khô róc, nứt nẻ. Chiếc đò cũng già đi như người chèo nó. Cũng buồn, cũng mệt mỏi, cũng làm công việc nặng nhọc, chờ người đi, về.

Nhưng dòng chảy của sông đã làm công việc người chèo đò bớt đơn điệu. Sông quê tôi không rộng nhưng sâu, đôi khi nước đứng lờ đờ, lúc rùng lại nôn nao chảy xiết. Khéo lèo lái, chỉ cần khẽ nhẹ vài lát chèo là đã qua bờ, nên ngoài sức mạnh của đôi tay còn phải nương theo nước, theo gió. Cái "nghệ thuật" chèo đò cũng lắm công phu, đừng có ai đại dột cậy mình biết chút đỉnh chèo chống hỏi còn ở quê rồi xưng phong chèo đò thử, coi chừng quê độ à ghen.

Đôi lần, thử gồng mình thót lên đôi chèo dưới cái nắng Cà Mau rát, gió Cà Mau khô, tôi lại thương người chèo thêm một chút. Và hình ảnh họ trong "phim" tôi luôn mạnh mẽ, tươi tắn, dù khuôn mặt có đen sạm, dù đôi tay vòng lên những đường gân guốc, dù họ chỉ khoác một manh áo bạc, và lai quần xoắn tít vì không được ủi, lâu ngày.

Trong cái phim tưởng tượng đó, tôi ao ước được vào vai người ngồi trên bến thu tiền, một bà cụ còng queo, như hầu hết người làm công việc này đều già (nhận xét này cần được kiểm chứng lại, cả câu hỏi trước tôi hay nói là tất cả cây cỏ đại mộc trên đất quê nhà đều trở hoa màu tím biếc, tôi cũng không chắc đâu à ghen). Chỗ tôi ngồi có một chiếc võng con giăng ngang căn chòi de ra mép nước. Cái thùng đựng tiền đã lên nước bóng ngời đặt trước mặt, thùng ngăn làm nhiều ngăn nhỏ, mỗi ngăn đựng một loại giấy bạc hai trăm, hoặc năm trăm...

Không khó để tôi vào vai nhỏ đó, bởi buổi chiều nào giữa đời, tôi cũng nhìn thấy bà cụ ngồi thu tiền đò bên kia sông. Quen thuộc, đến nỗi nhắm mắt lại, tôi vẫn thấy rõ cái cười móm mém và ánh mắt hóm hỉnh, tinh quái của bà. Hai mươi năm đưa đò, cái ngày không còn quạt nổi mái chèo, bà lên bến (chứ làm sao xa được khúc sông này). Ngày ngày, bà ngồi nhìn cuộc đời cuộn cuộn đi qua, chứng kiến biết bao nhiêu thay đổi cuộc đời, người già già đi, bọn nhỏ lấy nhau sinh ra nhiều thiệt nhiều đứa trẻ. Và những đứa trẻ lớn lên ... Có người qua đò rồi quay



về, có người không trở lại. Bến đò, cũng là nơi nhiều đứa con gái qua sông lên thành phố rao bán mình trong những "chợ vợ", để lại mấy thằng con trai chiều chiều ra bến đón đã đời mới ngơ ngác, trời ơi, mình đang chờ ai đây. Bến đò, cũng là nơi anh cán bộ phường ngày xưa thường qua, rồi anh lên thị xã, ai đó mừng, "thằng chả mà làm lớn thế nào cũng bắc cây cầu qua xóm mình. Thì kinh nghiệm, ông lớn nào đường vô nhà cũng ngon hết". Ai dè, lúc anh "lên" tới tỉnh, anh qua đò rồi đi luôn một nước. Xóm bên sông nghèo vẫn hoàn nghèo, ọp ẹp và buồn hiu.

Mới lấy ví dụ có vài khuôn mặt người mà đã thấy cái bến đò sinh động biết bao. Và vai bà cụ tóc trắng ngồi miên viễn trên bến đáng cho tôi hoá thân vào biết bao (dù có một chút thiệt thòi là sẽ rất... xấu xí). Tôi mà được ngồi ngay cái vũng đó, không cần diễn, sẽ ngắm ngay nỗi vui của một người lương thiện, vui vì không làm gánh nặng cho cháu con, vui vì được làm nhân chứng cho đời... Khi đôi bàn tay gầy guộc của tôi vuốt lại những tờ bạc lẻ nhàu nát lem luốc mồ hôi, dầu nhớt.. để nộp thuế cho đảng phường, nghĩ tới mấy vụ tham nhũng động trời ngay tại quê mình, nghĩ tới những bữa tiệc vung vỉnh tiền triệu, chắc cái mặt tôi buồn hết biết, mà tôi còn khóc, hồng chừng...

Cửa sau nhà tôi vẫn ngó ra sông, tôi vẫn ngày ngày ghi vào lòng mình bộ phim tưởng xong mà hoá ra dang dở mãi. Người qua đò mỗi ngày mỗi khác, có người tốt lên, có người xấu đi. Làm sao ghi hết những hình ảnh đó ?

"Phim" chưa xong, vì bến đò vẫn còn, vì cầu xây lâu mà vẫn chưa xong. Để đêm đêm tiếng gọi đò lại cất lên, những âm thanh ồn ào của đô thị lập tức ngưng phắc, chết ngắc, dường như một nửa thành phố - mấy rẻo đất buồn bên kia những dòng sông vừa lên tiếng...

9/2005

## Giao thừa

Đã thấy mấy vạt hoa vàng lờ lờ, đã thấy những trái dưa hấu bóng mẩy thẫm xanh chất tầng tầng trên chợ. Thế là Tết thật rồi. Tết cứ làm người ta nao lên nôn nóng ngóng chờ, rồi lại nuối tiếc cho tuổi xuân qua Chợ Tết chạy dọc theo các vỉa hè quanh ngã năm, bán toàn dưa với hoa. Vô tình chỗ Đậm bán đối diện với khu nhà đẹp nhất, cao nhất và sầm uất nhất thị xã. Sau lưng, cách một lớp chì gai oặt queo là một bãi cát trống, cỏ xanh theo gió chạy líu ríu từng triền, từng triền mãi miết. Cánh bán dưa ra chợ từ 20 tháng chạp, chờ từ sáng tới khuya, hịch hụi. Lúc nghỉ mệt tay chống hông ngó qua Những ngôi nhà cao. Những bảng hiệu sặc sỡ. Đèn đủ thứ màu. Sang quá. Người ta đợi tết để trang hoàng cho thật đẹp, mà càng đẹp thì cánh bán dưa trong ruộng ra càng buồn. " Biết chừng nào mình xây được cái nhà cỡ đó hen?" . " Bán dưa, làm ruộng cỡ 40 năm" . " Giỡn hoài, cỡ đó thì xuống lỗ rồi còn gì" . " ừ" ...

Chỗ Đậm ngồi dưới tán cây còng bị tia nhánh chông chơ như bàn tay cụt. Bên trái là vạt bông của ông Chín từ miệt Sa Đéc xuống. Và chỉ Đậm là ngồi bán một mình chứ người ta chồng vợ đùm đề, xoong nồi lủ khủ. Ngày đầu cô chất dưa chưa khéo, dưa cứ ý mình tròn, lăn long lóc ra đường. Dưa lăn, người hì hục đuổi theo. Xe cộ giáp Tết đông nghẹt, người ta cười, người ta cản nần. Tủi cực trào lên như người ta nhận cái thùng vô lu nước đầy. Đậm lầm lũi khóc nghẹn. Đậm 29 tuổi, hơi đen, trên khuôn mặt lam lũ còn sót lại chút duyên ngầm. Chưa thấy chanh chua như đã từng quen chợ. Lúc chờ dưa ra, có anh chàng trẻ tuổi cao lẳng không, nước da đen lù, lúc cười chỉ thấy hơi hơi hàm răng, chạy tới làm giúp. Kéo tám ni-lông che nắng, chặt mấy cây chuối đem ra bao lại cho dưa khỏi lán, anh chàng cũng giúp. Đậm nặng

nặc bảo thôi đi, anh chàng cái cổ: " Tôi tiếp cho, có sao đâu" . Quần anh chàng lấm nhót, tóc bù xù đỏ quạch như rễ vú sữa. Già Chín bán bông thối mốc:

- Con gái ơi! Bác thấy thằng đó hiền khô hà, ai vậy?

Đậm bảo:

- Tên Quí, chạy xe lam, ở xóm thối, bác à.

- Chà, giỏi, tốt thiệt. Làm hãng vậy tính kiếm tiền để cưới vợ hả?

Anh chàng nghe lóm, cười chéo mắt:

- Có ai đâu mà cưới, bác.

Ông Chín cười khà khà, vuốt chòm râu cụt ngắn.

Cái nắng xuân kỳ lạ, không gay gắt đỏ, không nhàn nhạt như nắng chiều hè mà vàng thắm thiết như màu bông sao nhái. Bác lồng lộng lầy qua từng ngọn cỏ sau chợ, mang theo mù mịt cát. Mặt mũi đầu tóc Đậm lúc nào cũng nham nhám như hột me rang cát. Người ta quần là áo lượt kìn kìn chạy qua mà chợ dừa với hoa vẫn chưa sôi động. Năm nay dừa trúng mùa cả núi vầy ăn gì cho hết. Người ta nán đợi tới ngày rước ông bà, lúc đó coi dừa có rẻ hơn bây giờ không. Những người bán ngồi chéo queo, buồn teo. Bông vụn thọt, bông cúc trái nứt nở bung từng khóm, lái bông than như bông: " Năm nay chắc thua rồi" .

Đậm bắt chước cánh lái dừa xóm Vàm Xáng, đi chợ mua xấp liễn dán dừa cho bắt mắt khách, tiện thể mua cho bé Lý bộ đồ. Mứt gừng, mứt dừa ở nhà má làm rồi để coi mua gì thêm. Má thì thích bánh ngọt. Con út thích cắn hột dừa, Đậm mua mỗi thứ vài trăm gam. Về khui ra thấy bộ đồ bé Lý hơi lớn, nhưng không sao, lớn thì mặc tới năm sau. Già Chín hỏi: " Đồ ai mà bây ôm ấp vậy?" . Đậm bảo của con gái con. Hỏi thêm một chút về ba của dừa nhỏ, Đậm cúi mặt thưa: " Không có" . Nghĩa là không có. Ông Chín không phăng tới nữa. Ông già rồi, lăn lộn trên đời, ông biết chắc có chi làm lỡ. " Con làm lỡ tới mức phải bỏ nhà đi luôn đó, bác Chín à. Tới lúc ba con buồn rồi chết, má mới rước con về. Bây giờ, có cực khổ thể nào con cũng ráng chịu, miễn sao năm tháng cuối đời má con vui. Mà, chắc bù bi nhiêu cũng không đủ" . Sau này, Đậm mở lời. Giọng Đậm khao khao. Cô thấy mình giống như cỏ ven đường, người ta đi qua đạp, đi lại đạp vẫn ngoi lên sống, sống cố cần.

Những mùa lam lũ. Những mùa cực nhọc. Một mình chống chợ. Đàn ông con trai coi được một chút mới lòng vòng ở ngoài đã nghe thiên hạ rần lên: " Thứ gái hư đâm đầu vô làm gì" . Ai mà muốn, chỉ tại còn nhỏ, thấy gió yêu gió, thấy hoa yêu hoa, đam mê bông bột. Nghĩ mình học chưa tới đâu nhưng là học những bài học bực nhất, đắng nhất. Đêm đi đếm lại chỉ còn Quí, khi biết được còn mỗi Quí thì Đậm đã sắp 30. Nhà Quí ở Lung Giữa, Quí gửi xe sân nhà cô Làm một vài chuyện nhỏ như chở Đậm đi chợ không lấy tiền, tiếp Đậm cất cái nhà củi... thì cho là có qua có lại đi. Nhưng ánh mắt Quí ngày càng nồng nàn trối buộc, bắt Đậm phải day dứt giữa nỗi khát khao và tủi hổ. Quí trai tơ, chưa vợ, lại nhỏ hơn Đậm gần 4 tuổi. Nhưng Quí tốt quá, rất tốt. Má Quí già rồi, than với Đậm hoài, có một mối trong Nhà Phấn Ngọn, coi được lắm, vậy mà biểu thằng Quí cưới vợ mà nó hổng nghe, làm như nó còn chờ ai đâu.

Thời gian bị người ta chờ kịt đi. Khiếp, mới đó đã 29 Tết. Bánh mứt, dưa hành, quần mới, áo mới như nước tràn lên phố. Đây là một thời điểm rộn rịp nhất, phơi phơi nhất trong năm. Tết này không có 30, 29 rồi tới mừng một, như người ta bước hụt, thấy thiếu một ngày. Những khóm vàng hoa của ông Chín nở sớm từ 24, 25 đã ngả màu vàng sậm. 4 giờ sáng, ông đi qua bên kia đường gánh nước về tưới, than: " Thời tiết năm nay kỳ cục quá" ông vắn điều thuốc, phà khói bảo: " Con biết không, nghề bán bông tết cũng như bán lồng đèn Trung thu, qua rằm tháng 8 có cho người ta cũng không thêm lấy. Buôn bán kiểu vậy như con gái có thì, qua rồi, khó lắm..." Ông nói tới đây, thấy Đậm ngẩng đầu ngó sao muộn, ông thôi không nói nữa. Đậm nhớ con gái quá. Nghe Quí đem đồ về lại đem tin ra bảo: " Bộ đồ bé Lý mặc vừa lắm, nó đòi ra

với Đậm. Buôn bán như vậy cực quá, chở nó ra đây, tội nghiệp... ". Rồi Quý bảo mớ bông mỏng gà Đậm gieo sao mà khéo quá, bông đỏ bông vàng trở ngay Tết.

Đó là lúc chờ sáng, còn rối rĩ xẻ dưa mời nhau, chứ ngày 29 là một ngày tất bật, nói theo dân đá banh là thắng với thua Người mua xúm xa xúm xít. Mới một buổi đã lử lả, Đậm một mình phải coi trước coi sau. Tường dưa hầu đắp đập ngăn sông mà đã vội đi quá nửa. Nhưng chắc phải đợi cho tới giao thừa. Người ta chờ tới đó sẽ rẻ nữa. Chạy xong mấy chuyến xe buổi sáng, chiều Quý lại giúp. Từ bến xe lam lại đằng chợ chừng 100 m. Quý kêu: " Có ai mua nhiều, Đậm hứa đi, tôi chở tới nhà cho ". Đậm thấy vui, phần thì bớt lo dưa ế, phần thấy nao nao trong lòng. Cái không khí đẹp thế này, ấm thế này, không vui sao được. Quý hỏi: " Nhà Đậm có gói bánh tét không? ". Đậm hỏi lại: " Có, mà chỉ ". " Tôi cho, má tôi gói nhiều lắm ". Quý mặc áo đứt mắt tiêu cái nút trên, lồ lộ ra mảng ngực rấp rấp. Trong Đậm nhiều khi dậy lên một cái gì rưng rức khó tả, chỉ mong nép đầu vào đó để quên nhọc nhằn, để quên nỗi cô độc lùi lùi trong đời.

Lúc ngẩng lên được đã năm mới mất rồi. Nghe được tiếng trống giao thừa vọng về từ trung tâm thị xã. Ở đó có một lễ hội thật tưng bừng. Ông Chín đốt 6 nén nhang, chia cho Đậm nửa, biểu: " Con cúng giao thừa đi. Cầu an khang, sức khỏe, cầu năm tới giàu hơn năm nay ". Mùi nhang thơm trong gió sục lên mũi Đậm một nỗi nhớ nhà. Dù đây về đây chưa tới một tiếng đi xe. Ở chợ, người muốn về trước giao thừa thì đã bán thốc tháo để về. Những người còn lại cũng cố dọn dẹp làm sao mừng một có mặt ở nhà, pha bình trà cúng tổ tiên. Ông Chín đứng chỉ huy cho con trai ông bung mười chậu hoa còn lại lên xe hàng, quỵn luyến: " Hồi nãy con tặng bác dưa ăn, giờ bác tặng lại cho con với cậu nhỏ hai chậu cúc đại đóa này. Năm tới, bác có xuống không biết được ngồi gần cháu như vậy không. Cha, đây về Sa Đéc chắc phải nhâm nhi dài dài cho đỡ buồn quá " .

- Dạ, bác về mạnh giỏi, ăn Tết cho thiệt vui.

Đậm vén tóc, cười, thấy thương ông quá. Ông Chín leo lên xe còn ngoắc Quý lại nói thì thào: " Ê cậu nhỏ, tôi nói cậu nghe, ông bà mình có câu: Ra đường thấy cánh hoa rơi. Hai tay nâng lấy, cũ người mới tạ Mạnh dặn lên, cậu thương con gái người ta mà cà lơ phất phơ thấy rầu quá. Cháu Đậm, thấy vậy mà như trái dưa, xanh vỏ đỏ lòng ". Nói rồi xe vọt đi, mấy người nữa lên xe vỗ vào thùng xe thùm thùm như gửi lại lời chào tạm biệt. Khói xe xoắn ra từng ngọn tròn tròn như con cúi. Đậm lui cui quét dọn chỗ của mình, hỏi:

- Ông Chín nói gì vậy?

- Đâu có gì - Quý cười bối rối.

- Về nghen, chạy xe chất đồ chở về. Biểu Quý đứng chờ mà không nghe, vì tôi mà ngày nay Quý bỏ mấy mớ xe, uổng quá.

- Đâu có gì còn 31 trái dưa...

- Tôi tặng Quý chục trái ăn dài dài.

Quý cười :

- Nhà tôi đơn chiếc, có mấy người đâu, ăn gì nhiều vậy.

Những chiếc xe vẫn nối đuôi nhau chạy về phía đại lộ. Lễ hội giao thừa vẫn chưa tan, chưa muốn tan. Người ta vẫn muốn cùng nhau đi hết Tết này. Một vài anh bạn trẻ chạy xe qua, gọi Đậm: " Nhanh lên chế ơi, trễ rồi. Tết đâu có đợi ". Lúc Đậm lên xe thì đã qua lâu giao thừa, Đậm ngồi đằng trước ngang với Quý. Xe ra khỏi thị xã, con đường nhỏ lại, vắng hoẹ Đậm ngoái lại nơi cô từng ném sương, ném nắng, nghe gió. Những đóa cúc sau sàn xe rung rinh những sắc màu rực rỡ. Quý bảo:

- Đậm biết cúc đẹp gì không?

Đậm lắc đầu. Quý cười:

- Lòng chung thủy. " Diệp bất ly chi, hoa bất ly đài" .

- Ai nói với Quý vậy?

- Bác Chín. Năm tới, tôi trông cúc đi bán với Đậm nghen.

Đậm muốn cười, rất muốn cười mà sao nghẹn lại. Làm sao vượt qua những trở ngại trong lòng người. Hai bên đường rập rờn hoa dại. Những đồng lúa rơm còn nghi ngút khói, bọn trẻ coi lên khoe áo mới rồi mỗi mồn đi ngủ.

Quý cho xe chạy thật chậm, nghe gió thổi qua lỗ tai lạnh quánh. Lạnh như khoảng chiều nửa đêm Quý chạm

tay vào, tượng lên một nỗi nhớ rờn rờn lúc mờ lúc tỏ. Những nỗi nhớ phơ phất mái tóc một người, đôi mắt một người, dáng dấp một người. Đến tỉnh dậy vẫn còn bồng bênh như khói. Quý nhìn Đậm, ánh nhìn rất lạ. Anh không biết vì một nỗi gì mà tới bây giờ anh chưa nói lời thương với người tạ Anh không ngại đưa con, anh không ngại chuyện lỡ làm xưa cũ, tuổi tác cũng không thêm nghĩ đến. Cô luống cuống khi thấy chiếc xe chạy chậm dần:

- à... Ờ... Tết này nữa, Quý bao nhiêu tuổi rồi ha?

Quý im lặng, dừng xe hẳn. Lúc này anh thấy cần nắm lấy bàn tay lạnh tái của Đậm, rất cần. Khi ấy giao thừa đã đi qua lâu, lâu lắm rồi nhưng rõ ràng vẫn chưa hết Tết. Mai là mừng một.

## Dòng nhớ

Sáng nay, má tôi lại ra đứng tần ngần ở chợ Ba Bảy Chín, nghiêng nghiêng ngó ngó một hồi, biểu con nhỏ chèo đò chèo dài dài chợ nổi Chợ rao bán rau trái dậy động cả một khúc sông, má tôi thấy ghe nào cũng lần xuống lại, dòm mặt chủ rồi đi Con nhỏ chèo đò chắc là chèo mồi, nó biết bà già định đi đâu, định làm cái gì nên nó biểu:

- Hồng hỏi thăm thì vô phương kiếm ra, ngoại ơ!

Má tôi ngẩn ngơ. Hỏi chớ, chú ơ, thím ơ, tôi muốn hỏi thăm một người quen. Tên gì? Ghe bán gì? Hai Giang. Ghe bán hàng bông. Trời đất, ở xứ này có tỷ tỷ ghe bán hàng bông, cũng có biết bao nhiêu người tên Giang, vậy tướng tá người đó ra làm sao Bây giờ đâu có biết ra làm sao, gặp được một lần mười sáu năm trước, nhớ sao tả vậy nghen. Đàn bà, chừng sáu mươi, trạc tuổi tôi, tóc dài, da ngăm ngăm, không đẹp không xấu Mới đầu đi với chồng, sau chồng bỏ lên bờ vì cơ cực quá trời, hồi trẻ có đưa con gái đầu lòng chừng bảy tháng tuổi thì rớt xuống sông chết.

- Vậy thì đông lắm, người sống trên chợ này hể mười thì có năm người y chang hoàn cảnh vậy, dân Ba Bảy Chín mà, "ba chìm, bảy nổi, chín lênh đênh", chị hồng nghe sao

Má tôi chẳng hằng:

- Vậy

- Ừ, người đó quen sao mà tìm coi bộ cực dữ?

- Quen. Chà, hồng biết nói sao bây giờ, dài dòng lắm, vợ của chồng tôi

Nếu vậy thì dài dòng thiệt, chuyện tình tay ba mà phim dính vô chuyện này cũng năm bảy tập trở lên, còn cải lương lâm ly không biết bao nhiêu là nước mắt.

Má tôi cũng khóc nhiều rồi

Má tôi nói hoài, ba mươi tám năm bà về làm dâu nhà chồng, cực có, sướng có, chưa bao giờ nội tôi khát khe, nhỏ nhất, khó chịu với dâu, nhưng má tôi vẫn hận nội tới chết mới thôi. Hỏi sao kỳ vậy, má tôi kéo chéo khăn lên chậm chậm vô đôi mắt, "Bộ hết người rồi sao mà nội bây giờ cưới tao cho ông, đó - bà chỉ tay ra bến - gần hết đời rồi tao có được vui đâu".

Đó là lúc "ông", tức ba tôi chống cây gậy khật khùng lang thang xuống bến. Ông dừng lại chỗ mấy cây tra, lấy tay sờ rầm, sờ soi từng cái lá, cái bông như tay bắt mạt mừng thằng bạn lâu năm mới gặp. Rồi ông lần ra tới đầu bến, đứng dưới hàng mắm già ngày xưa ông trồng để giữ đất cho khỏi lở, để mặc cho mấy cái hoa nắng vàng xơ rơ đậu xuống cái đầu húi cua, bạc trắng của mình, ông già tha thiết nhìn ra sông. Chỉ vậy thôi rồi khật khùng quay lên, cái chân trái yếu ớt như tựa hẳn vô cây gậy, cứ mỗi lần chân bước, đầu gậy lại xoáy sâu vô đất một lỗ tròn tròn.

Cảnh thì quen lắm, thì ngày nào, buổi nào ba tôi chẳng làm vậy nhưng cứ tùm cả nhà lại, rồi ngồi lặng lẽ dòm, ai cũng nghe đau đau xót xót như ai lấy cật tre cứa tới cứa lui trong lòng. Bởi cái lúc này là lúc sum họp đây, vậy mà sao vẫn thấy thiếu một người, mà thiếu đúng cái người đang lững thững đi dưới nắng kia mới chết.

Sau đợt tai biến mạch máu não lần thứ nhất, nửa người bên trái ba tôi yếu hẳn đi, tường chỉ vậy thôi, đến lần thứ hai bỗng dưng tâm trí ông già nhớ quên, ít nói, lẩn thẩn. Nhưng còn sống, còn tự mình đi đứng được là may lắm rồi, ai cũng nói vậy. Lúc đó cả nhà đang ở chợ, ba tôi càng lúc càng buồn, hay chống gậy đi, mấy lần cả nhà bỏ tiệm may đi kiếm ông. Sau này chỉ cần một mình tôi, vắng ông, tôi chạy xe dọc theo con đường về vườn cũ là gặp. Thấy tôi, ông già khựng lại, không nói gì, nhưng cặp mắt khẩn cầu, da diết, tôi làm như không biết, cầm gậy, đỡ ông lên xe chở về, có lần ba tôi khóc, ông khóc rưng rức, nước mắt nước mũi nhễ nhào, lòng thông.

Sau lần ấy, cả nhà quyết định đưa ông về sống trong vườn nhà nội. Vườn bỏ lâu nay, nhưng nhờ cô dưỡng Ba ở kế bên nhà trồng trọt, trông coi nên chỉ cần dựng căn nhà lên là ở được. Chuyện cắt cử người ở lại với ba tôi thì khỏi phải bàn bởi chừng nào mà má tôi bỏ ông được, "làm gì má cũng phải giữ ba", tôi đùa má tôi xua tay:

- Ông còn nguyên đó chớ có đi đâu, trước không mất giờ còn sợ mất mát gì nữa, giọng má chọt cay đắng, hỏi đó giờ ông có phải của tao đâu mà giữ.

Nói rồi má tôi trùm cái khăn lên đầu bước xuống xuống, đưa tôi qua sông, tới bờ bên kia, ngó lại, ba tôi đứng chênh vênh trên bến, đôi mắt như đang nhìn da diết mà không biết nhìn ai, chỉ thấy mông mênh vậy thôi. Chờ vợ, cô độc. Má biểu tôi đi đường cẩn thận rồi bơi xuống trở về, còn nói với theo:

- Sao má lo quá, má sợ ba này, ông mà chết ông cũng xuống sông để chết.

Lo cũng phải, không phải ba tôi nhớ vườn xưa mà chống gậy về, ông nhớ sông, một ngày ba bốn lượt lội thủi chống gậy ra bến, cặp mắt như ngó mong, như hờn giận. Ba tôi vốn là người

của sông mà. Ông đang ở đây nhưng tâm hồn ông, trái tim ông, tấm lòng ông chảy tan vào dòng nước tự lâu rồi

Và cũng y như má tôi, ba cũng không sống được mấy ngày vui, vui thật, vui đúng nghĩa Hồi tôi còn nhỏ, còn sống chung với bà nội, đêm đêm cả nhà đi ngủ, ba tôi ngồi hút thuốc trên bộ vạc kê trước nhà, chống rèm lên, ngó ra sông. Kiểu ngồi một chân xếp bằng, chân kia dựng lên, rồi tì cái tay cầm điếu thuốc lên cái đầu gối, đêm này qua đêm khác, kiểu ngồi không đổi. Nửa đêm, má tôi đi ém mùng lại, tôi thức giấc, ngó ra chỉ thấy đóm lửa lập lòe, lúc đỏ rực, lúc lại tắt thiêu tụi. Má tôi ngồi trong mùng lặng lẽ nhìn ba, còn ba thì nhìn ra sông. Sông cách nhà một cái bến dài chẻ ngang đám dừa nước, đám ô rô mọc lờm chờm chòm từ mé lá lên. Những đêm trăng sáng, nếu không vướng mấy bụi ráng, bụi lúc dại có thể thấy một dòng chảy lúu rúu, sáng loáng, lồng lộng. Ban đêm, con sông trước nhà tôi không ngủ, nó thức theo những chiếc tàu rầm rì chảy qua, theo tiếng mái chèo quấy chách bục rất đều. Dài từ ngã ba Vàm đến đây, nước chảy êm, khuất gió, những chiếc ghe đi đêm hay đậu lại, nghỉ ngơi. Lâu lâu, có chiếc ghe hàng bông lặng lẽ neo lại ngoài bến nhà tôi, treo ngọn đèn chong lên cây đước chom chòm những cái nhánh con, mỗi nhánh lủng lẳng trái khóm, trái bầu dầm nắng mưa đã teo héo. Không thấy bóng người, chỉ nghe tiếng gàu tát nước cộ vô xuống xao xác. Hừng đông chạy xuống bến thì ghe đã đi rồi. Những đêm đó, ba tôi hút thuốc dừ, cứ nhìn chong chong ra ngọn đèn đỏ ối, nhỏ nhoi, buồn hiu ngoài kia. Ba tôi thờ dài. Má tôi thờ dài, chạy qua buồng bên khóc với bà nội tôi, không biết nói cái gì, chỉ nghe lồm bồm, tiếng nội làu bàu: "Vậy ra má đã làm sai cái gì?" và má tôi tuyệt vọng: "Kiểu này biết chừng nào ảnh mới quên chuyện xưa hả má?".

Ngày xưa ba tôi cũng yêu thương một người. Nội tôi dứt khoát không chịu (nội có tỷ tỷ lý do để không chịu), ba tôi mới dắt díu người ta bỏ nhà đi, sống kiếp thương hồ. Hai người trải qua biết bao nhiêu cơ cực, nào là gạt mướn, làm cỏ lúa, đắp bờ... mới có được một ít vốn, ba tôi sắm cái máy Koler xuống rẫy bán hàng bông. Họ sống nghèo lắm. Mỗi lần đi ghe đi ngang qua nhà, ba tôi khắc khoải ngó lên, vừa nhớ, vừa đau vì cái nội. Rồi hai người có với nhau đứa con, nhưng chị bạc mệnh chết đuối, tận cùng đau khổ, ba tôi bỏ về nhà, được về, ba tôi cũng phải đáp ứng vài điều kiện của nội, vậy là ba tôi bỏ người ta giữa dòng bơ vơ. Tôi biết được có bao nhiêu đó thôi, kể ra cũng mấy dòng vậ thôi. Mà, cũng phải đợi tới năm mười lăm tuổi, cả nhà mới cho tôi biết. Tôi bật ngửa, chuyện xảy ra lâu rồi, nhưng người ta vẫn còn nhớ, vẫn còn cấm sào trước bến nhớ ba tôi, vậy mà biểu ba tôi quên cái rụp thì làm sao quên được.

Mà, cũng vì ba tôi quên không được má tôi mới thương ông nhiều, sau này, lớn lên, biết yêu thương rồi, tôi mới ngộ ra. Con người ta, nhất là đàn ông thương ai mà vì nỗi gì đó quay lưng lại quên mất tiêu thì đúng là không tử tế, không đáng tin chút nào. Với tôi, ba tôi thì quên hay không cũng được, ba đã sống tốt với cả nhà tôi lắm rồi. Ông sống tử tế đến vô cùng, đến thừa, dường như ông gởi gắm tình thương yêu đến cả người vắng mặt.

Ở cái xóm quê, mười người đàn ông thì nhậu nhẹt hết chín, trong chín người hết năm nhậu về chửi vợ, đánh vợ như đánh bịch muối, ba tôi là người duy nhất còn lại. Ông ít nói, hiền lành, từ tốn với má tôi, những lần má tôi bệnh, ba chèo một hơi mười mấy cây số vừa đi vừa về đưa má tôi ra trạm xá, không than mệt, không thờ ra, tận tụy. Lúc nào cũng mình mình tôi tôi, mấy bà hàng xóm nghe tủi cho mình mà khóc, má tôi cũng òa khóc theo, cảnh mỗi người tự người đó biết, người ta hay đứng núi này trông núi nọ vậy mà.

Mơ hồ dường như mình mắc nợ ai đó, cả nhà tôi lúc nào cũng cảm thấy không vui, dù hạnh phúc (hai thứ này sao lại không thể đi chung). Không thấy ai đòi nhưng nợ vẫn cứ là nợ, nó rờn rờn quanh quất trong chái bếp ngày ngày khói tỏa, trong mấy chiếc giường ngủ con con, trong hai bữa ăn mỗi ngày. Ngồi quây quần như vậy trong bụng cứ nghĩ, có một người nào đó cô độc, bơ vơ. Mà tội nhất là nội tôi, vốn mê cải lương, nhưng bữa nào ti-vi chiếu mấy tuồng

có bà mẹ chồng ác nghiệt chia rẽ duyên của con, dâu là thấy nội tôi rầu. Cho tới lúc cuối đời, chắc nội tôi vẫn băn khoăn trong lòng câu hỏi: "Vậy ra, mình giống mấy bà già trong đó thiệt sao".

Má tôi thấy nội bứt rứt cũng không tỏ ra phiền muộn nữa, cốt để an ủi nội tôi lúc cuối đời. Khi nội tôi vừa khuất, má quyết định gặp đối thủ một lần, chỉ định nhìn vậy thôi, chưa biết làm gì mà cũng không biết làm gì người ta, nhưng chắc chắn phải biểu người ta buông tha ba tôi ra, còn gì nữa đâu mà neo ghe trước nhà ngó mong hoài.

Chờ đợi, rình rập hụp hử mấy lần, chiếc ghe nhỏ với ngọn đèn đỏ đỏ lại về đậu trước bến nhà tôi, như mong đợi của má. Bữa đó, má nói với ba tôi chèo xuồng về chơi bên ngoài một đêm. Gà gáy chập đầu, bà trở lại, trên xuồng chất đầy mấy thứ rau đồng, bà giả đồ làm người đi chợ sớm.

Ngang qua, má tôi tấp xuồng lại kể bên chiếc ghe, than:

- Tính đi chợ cho sớm mà gió quá, chèo không lên, bậy thiệt.

Má tôi tin rằng, người đàn bà kia, cũng như ba tôi, những đêm như vậy không bao giờ ngủ. Mà thật, dì đang chong đèn ngồi thêu áo gối, nghe tiếng má tôi, dì quay lại, dường như sững sờ, bất ngờ một chút dĩ cườì:

- Dà, đêm nay nhiều gió thiệt - Dì vệt mớ quần áo, kim chỉ trên cái sạp tre - Chị vô mui ngồi cho ấm, chờ bớt gió rồi đi, ngồi ngoài đó cảm sương chết.

Má tôi không từ chối, bà buộc dây xuồng lại, bước qua ghẹ Bà cao người lên ngồi trong cái mui lợp bằng lá chằm đóp phải khom một chút. Họ ngồi đối mặt với nhau. Má tôi thấy lòng mình bình lặng lạ lùng, hồi ngồi dựng cái cảnh gặp mặt này, cứ tưởng là phải làm một cái gì ghê gớm lắm. Có thể vì người đàn bà của ba tôi hiện lên rất hiền, dì mặc chiếc áo cộc tay màu cau khô ở trong, khoác thêm chiếc áo bà ba ở ngoài, mỏng te, nhiều mụn vá. Tóc đã bạc nhiều, lơ thơ vài cọng rử xuống mặt. Sương gió đã làm cho khuôn mặt dì đen sạm, nhăn nheo. Má tôi nghĩ thầm trong bụng: "Xấu hơn mình nhiều". Má tôi sợ cứ nhìn chăm chăm người ta hoài cũng không phải nên má ngó lơ chỗ khác. Đồ vật trên ghe món nào cũng nhỏ nhắn, tuềnh toàng. Ngay sau lưng chỗ má tôi ngồi, bỏ khoang tát nước có một cây ớt hiểm, một cây sống đời đang trở bông trồng chung trên miệng cái khạp bể. Dì lúi húi dẹp miếng vải đang thêu dở, với lấy bình thủy, châm nước vô cái bình trà sứ tẻ, ho khúc khúc. Má tôi chép miệng: "Cha có trà uống thì còn gì bằng, mà chị bình hủ, mấy lá sống đời này ngậm với muối cũng đỡ ho lắm". Dì ngược lên cườì: "Dà, lúc này trở gió, cũng nhờ nó...". Má tôi hỏi:

- Chị đi ghe một mình à, một mình cũng được sao

- Dà, cũng được, chị.

- Ủa, chồng chị đâu

- Dà, dì bối rối, ành... đi xa lắm.

- Còn chồng tôi thì theo vợ bé mất rồi, má tôi nói luôn.

Dì nhìn sững má, dường như để xem xem nỗi đau mất chồng của má với dì có giống nhau. Hồi lâu, dì chột cúi mặt:

- Uống trà, chị, hoàn cảnh của chị cũng buồn thiệt. Nhưng thể nào rồi ảnh cũng quay về. Thiệt đó chị, đa số đàn ông đều tốt.

Tốt sao Người ta bỏ cô để cưới tôi mà là tốt à, má tôi ngồi lặng, tự hỏi, mà không biết nói gì nữa, cái câu quan trọng nhất chắc không phải nói lúc này. Má tôi ngồi ngó quanh, một ánh đèn nhỏ nhoi thôi cũng đủ hắt sáng vài xâu cốm gạo treo trên vách, mấy hũ kẹo, bánh ngọt, tiêu tỏi để bên này, trái cây như khóm, bí rợ, khoai lang thì chất thành hàng bên kia. Sát bên hông dì, dưới tấm vải trắng thêu dở là hai xấp quần áo cũ, người lớn có, trẻ con có được xấp ngay ngắn, nhưng hết thảy đều cũ kỹ, bạc màu. Má tôi vọt miệng:

- Ủa, chị có cháu nhỏ à?

Sau này, má tôi nói, đó là cái câu tàn độc nhất mà má lỡ miệng đánh ngay vào nỗi đau của dì. Dì nhìn trần trần vào ngọn đèn, cái nhìn đau nặng. "Con bé Phước nhà tôi vô phúc lắm chị à, tại tôi không cẩn thận nên cháu vừa mới biết bò đã té sông, trôi mất. Cũng mười mấy năm rồi, bây giờ nó còn sống, chắc tôi theo gỏi cưới cho nó cũng vừa. Tôi... tôi chiêm bao thấy cháu nó hoài, chiêm bao lãng nhách hà, tự nhiên tôi thấy con tôi biết nói, nó biểu má đừng bỏ con, trời ơi, tiếng nó thấy cứng lắm kia, vĩa tôi trả lời, mẹ sẽ sống trên sông hoài với con, vĩa tôi thấy nó cười...". Dì nói một hơi dài, giọng dì hơi nghẹn lại: "Trời ơi, chị có chuyện buồn lòng mà tôi lại kể chuyện buồn lòng nữa, chắc chị phiền tôi lắm. Mớ đồ này tôi cất lâu rồi, sợ mốc, cứ mấy tháng là tôi đem ra giặt lại, của con bé con tôi có, của chồng tôi có. Chồng tôi... tôi chỉ còn giữ lại bao nhiêu đây thôi. Chị coi, tôi khùng hôn, không giặt thì không được mà giặt hoài, tới hơi chồng cũng bay, tôi cũng quên mất rồi..".

Dì cười quay quắt. Má tôi chút nữa đã bật khóc, bà cố nén nghẹn ngào:

- Đàn bà mình sao khổ vậy?

Tiếng gà gáy xa xa, con nước đêm nay mau lớn quá, mới đây thôi đã ngập nửa cây sào neo ghe rồi. Lúc này, nước lớn không nghe bìm bịp kêu, mà nhờ không có, chứ nghe bìm bịp kêu càng buồn nữa. Má tôi ngồi bình tâm lại, vậy thì mình nhỏ nhen gì mà giành với người ta chút này nữa. Năm này qua năm khác mình được sống chung với ảnh, ban ngày ngoài ruộng, ban đêm chung giường. Ngó mặt nhau ăn cơm, ngủ cũng đầu mặt lại ngủ... Còn người ta, nhớ thương đứt ruột, có thể chạy ào lại để gặp nhau nhưng vì lương tâm không làm được, đành ngồi đây ngó lên, ngồi ở trên ngó xuống. Đau lắm chớ. Má tôi nhìn ra ngoài trời, vẫn còn khuya lắm, nhưng đã thấy mấy chiếc xuồng đi chợ sớm lướt qua, tiếng mái chèo quấy chũm trên mặt sông ngọt, nhẹ, cứ tưởng từng lát nước xếp lên nhau như những lát đất cày. Dường như trời bớt gió nhiều rồi. Dì nghiêng đầu ra ngó trời, chừng như nuối tiếc, thẳng thốt:

- Trời đất, đêm qua lẹ thiệt. Chắc tôi phải đi bây giờ.

- Sớm vậy sao?

- Dạ, tôi thường đi... trước lúc người ta thức...

- Tại tôi nhiều chuyện làm chị theo không xong...

- Không, người đàn bà cười, nét mặt thốt nhiên buồn bã, tôi theo cho hết đêm, xong rồi lại tháo chỉ ra thôi, tôi sợ, nếu không làm gì, tôi... tôi sẽ nhớ chồng con tôi rồi mắc... Khóc, cầm lòng



không được. Mà, đàn ông chịu cực khổ nhiều lắm rồi, lấy nước mắt trối buộc họ nữa, tội họ lắm, chị à.

Vậy rồi hai người chia nhau đi Ghe nổ máy rồi, khói xịt toì bời, dì còn dặn lại: "Nếu ảnh có quay về, chị đừng giận ảnh ghen. Người ta có đi đâu làm gì thì cũng thương mình chị thôi". Má tôi không nói, quay đi và khóc.

Tháng sau, má tôi quyết định gom mớ cửa cái cả nhà có được ra chợ, mua cái nhà. Ba tôi biết chút ít nghề mộc nên nhận đóng tủ, bàn ghế ở nhà, má tôi chiên đậu hũ bỏ mồi, chị tôi mở tiệm may, tôi vào đại học. Mọi thứ được sắp đặt lại, mới mẻ, gọn gẽ. Má tôi bắt ba phải xa sông, nhưng chính bà cũng biết, những dòng nhớ vẫn tiếp tục chảy mãi trong hồn ông. Má tôi cũng không kể với ba cái đêm gặp "tình địch" ấy, nhưng mãi mãi, mỗi khi cả nhà ngồi ăn cơm, tim má lại hiện lên hình ảnh cái rổ úp chén đan bằng nan tre đã xỉn màu, trên đó có cái đĩa, cái tô và ba cái chén, ba đôi đũa như thuở người đàn bà trên ghe còn nguyên một gia đình.

... Bây giờ má tôi muốn gặp dì, nhưng lâu quá, chờ hoài không thấy dì ghé lại đậu ngoài bến như ngày xưa, đã mười mấy năm rồi, không biết có biến cố gì không. Chỉ tội má tôi tảo tần kiếm cho kỳ được. Tôi hỏi má tìm làm gì, má tôi nói để cho hai người gặp lại, coi thần trí ba mây có đỡ hơn không. Rồi thì ba tôi cũng mỗi mòn nằm xuống trên mảnh vườn của nội tôi, bình yên. Má tôi vẫn không ngừng tìm kiếm dì, hỏi để làm gì, má tôi nói để cho dì hay và nói với dì, nếu sống mà không gần được chừng nào chết, mời dì lên nằm trên đất vườn tôi

Đó là nỗ lực cuối cùng má tôi làm để chấm dứt cái cảnh ba nằm bên má mà hồn vẫn hướng về những dòng sông miền man chảy

## Nhớ sông

Mỗi lần qua sông Cái Lớn, Giang lại nghĩ chắc tới già, tới chết, mình sẽ chẳng bao giờ rời chiếc ghe nhỏ này đâu. Cũng khúc sông này, năm Giang mười tuổi, má Giang chết. Hôm đó, trời mưa nhỏ nhưng gió nhiều, gió bạt tay chèo liêu xiêu. Nước từ vàm sông cuộn cuộn đổ ra. Chiếc ghe bạt nước tấp vô sà lan chở cát. Ông Chín, ba Giang, chống đàng mũi; má Giang, chống đàng lái. Giang ngồi trong mũi ghe, ôm con Thủy vào lòng. Giang thấy rõ ràng lúc cây sào trong tay má đang chỏi vào thành sà lan trượt hươt lên, má ngã xuống, đầu má đập vào cái gờ sắt, đôi chân còn bấu vào ghe. Rồi má cong lại như chiếc võng, hụp vào sông. Giang khóc điếng, bồng con Thủy lom còm bò về đàng sau lái, Giang còn kịp nhìn thấy mái tóc má trôi loà xoà liêu phiêu trong làn nước rồi mất hút.

Giang không hiểu tại sao mình nhớ hoài, nhớ ràng ràng cái ngày đó. Cho nên qua vàm lần nào Giang đều kéo con Thủy ra, Giang chỉ: má chết chỗ này nè. Con Thủy ừ hử như không. Giang hỏi: không nhớ à? Thủy lắc đầu.

Cũng phải, lúc đó con Thủy còn mềm xèo, nhỏ xíu như con mèo mướp. Hệt như Giang, nó lớn lên trên ghe. Lúc buôn bán, lúc nấu cơm, ông Chín không bồng được, Giang buộc sợi dây dù vô chân nó, đầu kia Giang buộc vô mũi ghe. Con Thủy bò chán bò chê rồi nằm ngửa ra, ngó những trái cà, trái khóm, trái bí, bầu ông Chín treo lúc liú trên nhánh chà đàng mũi ghe. Có lẽ nó biết thân mình mồ côi mẹ nên nó dễ chịu, dễ tánh.

Gia đình ông Chín sống hẳn trên ghe. Cảnh của ông cũng buồn lắm. Nhà nghèo, ra riêng, gia đình chỉ cho hai công đất. Năm Giang ba tuổi, Giang lên sởi. Ông Chín bán đất cứu con. Số

tiền còn dư lại, ông mua chiếc ghe nhỏ đi bán hàng bông. Cả nhà dắt díu nhau linh đình sông nước. Có lúc vừa ghé lại bờ, chưa kịp buộc dây ghe vô gốc mắm, do quần chân lâu ngày Giang đã chạy lên bờ, chạy cuống cuống như điên trên đất. Má Giang rớt nước mắt: "Con nhỏ thiệt thòi...". Ông Chín an ủi: "Vi miếng ăn mà, mình ơi".

Sau này khi vợ chết, không hoàn toàn vì miếng ăn mà cả nhà ông Chín trôi dạt hết dòng sông này đến con kinh kia. Ở đây con sông nào đó còn là nơi gởi gắm xương thịt của người đàn bà xấu số - má Giang. Những buổi tối, buộc ghe vô gốc tra bông nở vàng cặp mé sông, ông Chín dạy chị em Giang học. Có được chút vốn học hành nhỏ nhoi, ông dạy bằng hết. Giang lanh lợi hơn con Thủy, học ít mà tính rợ cực kỳ giỏi. Buôn bán lu bù mà nó tính như không. Nó tính toán hết, mua rau trái, đường đậu tạp phẩm cho chuyển đi, chở than, chở củi chuyển về. Nhiều chuyến bốc than còn nóng chất dưới sạp ghe, chị em Giang nằm trên đó mà ngủ, sáng ra lưng phồng rộp. Ông Chín ứa nước mắt, cắn răng biểu: "Lần sau thôi nghen, con Hai".

Bây giờ hỏi lại Giang nói không có con kinh, con rạch nào mà ghe chưa đi qua, không có đường ngang ngõ tắt nào mà ông Chín không biết. Xuôi dòng, ngược dòng, con nước kém, con nước ròng... Không ai nói với ai, nhưng cả nhà ông đều nghĩ, chắc là sống như vậy hoài, như vậy mãi thôi. Chị em Giang đùa nhau sau này lấy chồng, ra riêng, ba cho mỗi đứa một chiếc ghe. Con Thủy nói nó không lấy chồng, nó ở vậy đi bán với ba, nó nói mà giọng hơi buồn. Ông Chín nghe rồi như gió ủa về, lòng tự dưng nghe đau xót. Rồi khi hai đứa con gái ông sinh ra những đứa con, chúng lại phải sống cuộc đời lênh đênh như má chúng, ông nghĩ vậy, đâu có được. Những buổi chiều ghé đi qua thị trấn, qua phố huyện, giờ tan học nhìn đám học trò túa ra cổng trường, đám học trò áo lem mực, tay kẹp sách cái cặp, tay mang bình nước, con Thủy lón lén đăm đúi nhìn lên, mắt ông Chín cháy âm âm một nỗi gì đau đáu.

Giang gặp hoài đôi mắt đó, Giang thương ông quá đi thôi. Giang lấy chồng. Chồng Giang tên Thuấn ở Đập Sậy. Những lần đậu ghe lại buôn bán, Thuấn đều mời ông Chín lên nhà uống rượu. Nhà Thuấn không giàu nhưng cũng đủ mặc đủ ăn, có đất làm ruộng, gần trường xã. Ông Chín chọn Thuấn trước, ông hỏi Giang có ưng không. Giang ngồi chải tóc, chải tới rát da đầu, vuốt ra từ cây lược mớ tóc rối (như lòng mình rối). Giang gật. Giang lấy chồng hôm mười chín tháng hai, khi dọc những triền sông, trên những đám chùm gọng, những rặng rặng... loài chùm gởi tơ hồng phủ lên một màu vàng óng, rồi chi chít những bông hoa trắng con con như hạt tằm mẩn. Mấy chiếc ghe bạn bè lại thành bè, đậu phía ngoài đập. Đám đàn bà con gái bê những cái cà rặng nhóm củi nấu ăn trên bờ. Hiện - bên ghe bạn - cũng bày đặt đi đốn lá dứa về bê vòng nguyệt trên mũi ghe nhà Giang. Ngày vui của Giang mà Hiện lâm lì, có cười cười cũng héo xèo. Nửa đêm nhóm họ, rượu uống sượng sượng, Hiện ca Tình anh bán chiếu mà nước mắt ròng ròng. Hiện lấy mu bàn tay quệt nước mắt, trợn trạo biểu: "Rượu xứ này cay dễ sợ". Rồi dòm trong ghe thấy Giang ngồi xếp quần áo với con Thủy, Hiện kêu: "Chắc sau này mình hồng gặp được nữa, cô Hai hen". Giang ngược lên cười buồn. Con Thủy thày lai: "ảnh thương chế đó". Giang vỗ đầu em: "Thương khỉ khô gì mà không chịu nói, hả?". Con Thủy cười: "Chế hỏi cái bộ như em là ảnh vậy". Sáng sau, Giang mặc áo dài từ dưới ghe bước lên, ông thợ chụp ảnh chụp được một pô đẹp ơi là đẹp, đẹp nhất là quanh Giang mớ bông tra vàng rụng tươi bởi lừng lững như hàng trăm cái chuông.

Giang ở nhà chồng rồi, con Thủy buồn lắm. Nó thay Giang buôn bán cho ông Chín nghĩ ngơi sau bao ngày lèo lái. Nó lanh lợi, mau mắn không bằng Giang nhưng được nước sông. Ngày nào nó cũng lật lịch coi, tới con nước ba mươi đi bán vùng xóm rẫy về, ghe ghé Đập Sậy thăm chị nó. Có bữa dọn cơm nó vô thức dọn thừa đôi đĩa, cái chén, ông Chín rày: "Mai mốt bay lớn bay cũng lấy chồng, chị bay đâu ở được với bay hoài". Nói vậy mà sao lòng ông cũng còn cào nhó.

Ghé Đập Sậy, Giang đòi ông Chín ở lại một đêm, cho Giang xuống ghe ngủ với con Thủy. Giang than nức nở: "Trời ơi, con nhớ ghe quá trời đất đi". Xuống ghe, Giang đưa tay sờ rầm từng món hàng, từng miếng sạp. Trên nhà, ông Chín ngồi uống rượu với Thuấn. Thuấn uống dửng, anh toàn tợn nguyên lý. Uống xong rồi lè nhè than: "Con nuôi con Giang như nuôi con sáo, hồng biết giờ nào nó xổ lồng nó bay. Con Giang là vợ con, nó ở đây mà lòng dạ nó ở đâu á...". Ông Chín lặng người.

Thường thì cơm nước, quét dọn xong hể hờ ra giờ nào Giang lấy xuống chèo đi giờ ấy. Trời đất, nó đi đâu? Thuấn cười chua chát: "Hồng biết, nó chèo khơi khơi vậy đó ba à, con cũng nghi bậy trong bụng, có bữa con rình đi theo, vợ con chèo đã đời rồi nó buông chèo lụi vô đám lá, lấy tay vịn, ngồi ở đó. Rồi chèo về, vậy à". Ông Chín thở dài.

Đêm đó Giang nằm dưới ghe. Giang hỏi con Thủy: Vậy chớ ghe mình bán có đất không, bây giờ ghe mình thường về đậu ở bến nào, ba còn buồn, còn uống rượu ban đêm không... Thủy trả lời muồn mẹt. Con Thủy nói:

- anh Hiện gởi lời thăm chế, anh hỏi em hoài hà, hỏi vậy chớ chế lúc này vui hông? Em nói em hồng biết. Sao mà em thấy ảnh tội nghiệp thiệt. Phải chi... - Con Thủy lúng búng dừng lại rồi thẹn thò nói tiếp - Phải chi có cái gì thường được, mình thường cho ảnh.

Mắc mớ gì mà phải bồi thường - Giang cười rồi giật mình. Con Thủy năm nay mười tám tuổi, nó lớn thiệt, lớn mau quá. Giang nhớ cái ngày con Thủy có kỳ kinh nguyệt đầu tiên, nó lụi đầu giấu vô mớ cốm gạo treo lủng lẳng khóc mướt. Giang bảo không sao đâu, không sao đâu mà chực rơi nước mắt. Giang nghĩ phải chi còn má. Thủy còn có chị nó, chớ ngày đó của Giang, Giang cũng khóc mà không thể hỏi ai. Ông Chín tinh ý biết, ông lặng lẽ qua bên ghe nhà Hiện, nhờ má Hiện. Ngồi hút thuốc như ông khói tàu, lần đầu tiên ông thấy mình bất lực, vô dụng và bối rối trước đứa con gái đáng thương.

Nhớ lại nhiều chuyện quá, Giang không ngủ được. Con Thủy bày ra chuyện lác ghe, lác như là ghe đang bị sóng vậy, nó biểu "chắc là chế quen ngủ vậy rồi, êm êm hồng chịu". Giang thiếp đi, thấy mình đang ở trong một cơn mơ mà giấc mơ cũng tròn thành.

Khi ra về, nhìn bóng Giang xơ rơ đứng tiến bên hàng me, ông Chín dận lòng, thôi, sau này có nhớ thì lâu lắm mình mới ghé thăm. Rồi nó sẽ quen, sẽ quên đi. Nó phải biết cách sống với đất để nghĩ về tương lai những đứa con của nó.

Nhưng chưa đầy con trăng đã thấy Giang khăn gói về bến Xã Xiêu. Giang lần theo mấy chiếc ghe bạn hỏi thăm rồi quá giang họ về. Ông Chín thấy Giang lòng đau bầm. Ông gần gần hỏi: "Con Hai! Bay đi đâu?" Giang cúi mặt: "Con nhớ ghe quá hà, con nước rồi ba không thèm ghé thăm con". Giang nói thêm, nói Thuấn cho Giang đi, chừng nào muốn về thì về, "ảnh dễ ghê vậy đó ba à". Ông Chín đăm sầm ra ngồi đàng lái, vắn thuốc rồi bập bập trên môi mà không buồn đốt. Con Thủy sợ ông giận Giang, nó men ra nói khơi: "Lâu lâu có con gái về thăm, sướng thấy mồ, ba đừng giận ba ha". Ông không trả lời, lúc đó ông đang nghĩ về một người đã khuất, lòng ông chua chát: "Tui biết tính sao bây giờ, bà ơi. Tui tính làm một lần này rồi". Nghe con Thủy cười với Giang rộn rã: "Chế ngủ trên nhà riết rồi cũng quen mà, ngủ ghe vừa chạt vừa nức thí mồ - Con Thủy nói hoài, nó thích có đất, có vườn như bên chồng Giang - Có đất để làm gì hả? Để trồng cây, ừ trồng cây ăn trái, trồng mít và trồng rau". Giang nhắc: "Ờ phải em ham đất lắm, hỏi nhỏ ghe đậu bến nào chế cũng coi em bắt mẹt, cứ xoay lưng là em chổng mông cạp đất ăn ngon lành. ỉn đất hoài bụng ổng bụng eo luôn, nhớ chưa? ".

Ông Chín lần vào trong, vệt mớ bánh kẹo, giỏ hũ gạo ra, moi dưới đáy một chiếc hộp sắt sơn

đen. Ông gọi chị em Giang lại, ông mở hộp ra, trong hộp một túi vải dây gút miệng. Ông ngồi xếp bằng, trịnh trọng, trang nghiêm như thể ông sắp đánh đổi cái gì thiêng liêng nhất trong cuộc đời. Ông từ tốn lấy từ trong túi ra từng chiếc khâu vàng óng ánh, nói: "Ngày mai ba đưa con Hai về, thằng chổng bay chắc đang trông...". Giang ngược nhìn trân ông rồi cụp mắt, cúi đầu. Đốc ngược cái túi, ông Chín bảo:

- Dành dụm cả đời ba chỉ có bao nhiêu đây thôi. Ba sẽ bán chiếc ghe này, về quê nội mua một miếng đất, rồi ba với con Thuỷ cuốc đất trồng rau, có gì ăn nấy. Ba đi cả đời, ba cũng mệt...

Con Thuỷ ngỡ ngàng nhìn vào mớ vàng rồi nó lặng lẽ bò ra ngoài mũi ghe. Nó sợ còn ngồi trong đó, chút nữa thôi nó sẽ bật khóc vì thương mình, thương ba. Con Thuỷ biết khi bỏ lại sau lưng hơn nửa đời sông nước, ông Chín hẳn sẽ buồn lắm, đau lòng lắm. Trong này ông Chín biểu Giang: "Ngủ đi. Rồi ngày mai...". Ông chờ Giang quay đi rồi mới đốt nén nhang cắm trên cái trang thờ treo trên vách: "Còn bà, bà đã thành nước, thành đất, thành cỏ thành cây, cha con tui ở đâu, xin bà theo đó. Đám cháu chắt chít của mình rồi sẽ chẳng phải chịu lệnh đênh".

Giang ngồi ở đầu vòm mũi nhìn ra đằng trước. Con Thuỷ không biết mình đang vui hay đang buồn, nó thẩn thờ buông chân xuống nước, khoả bì bõm, mắt hướng về chiếc ghe của Hiện đang đậu sát bờ lá. Hiện biết Giang về nên Hiện nằm ca sang sảng.

Con Thuỷ lầm bầm: "Chắc là sau này em không gặp được anh đâu".

Đêm nay cũng có gió nhiều, cà bấp trong đám lá dậy hương, cái mùi dân dã không chịu được. Gió làm sóng chao ghe mà sao khó ngủ quá vậy nè.

## Tắm sông

Vậy là má không cho tôi tắm sông nữa. Má nói, má coi truyền hình, người ta biểu, nước sông bây giờ ô nhiễm lắm, trẻ nít tắm hư mắt. Tôi hỏi ô nhiễm là gì, má tôi nói dơ. "Một chút thôi mà - tôi cố nài nỉ - có chút xíu thôi". Má tôi dứt khoát, không là không.

Tôi chê lý do của má đưa ra lặng xẹt, chỉ vậy mà bắt hồng cho tắm sông nữa. Buồn muốn chết. Những chiều ra đồng chạy rong chạy ruổi thả diều về, nức thôi là nức, mồ hôi mồ kê nhễ nhại, xách cái gàu ra ngoài cầu ao xối sàn sạt mà không thấy mát tí nào, thèm nháy ùm cái xuống sông, sải tay sải chân vẫy vùng cho sướng người.

Tôi biết lội hồi sáu tuổi. Hôm đầu tiên xuống nước, tôi ở trường ngừng ngẩng cái cu bằng trái ớt. Ba ôm tôi xuống bến, ông đặt bàn tay to bè lên cái bụng tròn ồm của tôi sướng wá, tay chân luỳnh quỳnh đập lia lia làm nước văng sáng tran mặt ba tôi (nước mát thì thôi dị chớ). Má tôi ngồi trên bờ hái đọt choại vừa nhó xuống, kêu:

- Anh khéo, ngộp con nó...

Ba cười to:

- Em đừng lo. Mai một thằng này lặn ngụp phải biết.

Chỉ năm hôm sau, khi ba tôi lặng lẽ bỏ bàn tay ra, tôi đã lùm bùm lội được một tí đường. cái đầu tôi ngoi lên còn cái mông chìm lìm, ba cười, chê: "Cái thằng bơi y hết con chó phèn".

Nhưng đám bạn cùng lứa của tôi đang ngồi so bì, "Sao tao ôm dứa khô tập hoài mà hông biết lội". Tôi tài khôn, "Mày bắt chuẩn chuẩn cho nó cắn rún á, biết lội liền hà". Nó tưởng thiệt, đi bắt chuẩn chuẩn về cho cắn muốn tiêu cái rúng luôn. Vậy mà tôi cố đồ thừa, "Tại mày hông bắt chuẩn chuẩn đở, chuẩn chuẩn đở cắn rún mới biết lội được". Sau này nhớ lại, tôi nghĩ nhất định mình bơi giỏi là nhờ bàn tay ấm nóng của ba đã truyền cho tôi lòng dũng cảm và sức mạnh. Ba nói, con nít ở vùng sông nước mà không biết bơi thì tội nghiệp, xuống bến trượt chân,

qua cầu gãy ván... Bất trã không biết chừng.

Ai chớ tôi thì ba tôi khỏi lo. Đi học về, vừa cất cái cặp đã nhảy um xuống sông. Tụi bạn phục lẫn cái tài lặn dài hơi. Còn về khoản lội đua, mỗi con Én là dám so kè với tôi, trời đất ơi, con gái gì mà lội thoi thót như con ếch, lẹ ghê. Mà cũng tại nó cao, chân dài, tay dài, nó sải một nhịp, tôi đã lợt lại phía sạu Vừa rồi, tôi vớ nó bơi thi, hồng hiểu sao tôi lúm súm thế nào mà để nó qua bờ bên kia trước, nó bắt tôi kêu nó bằng chị hai, thấy tức chết.

Thằng tèo bênh vực tôi, nó an ủi, "Mai mốt trả thù, hén mậy?" Tội nghiệp, nó thần tượng tôi từ cái năm sáu tuổi tới giờ. Tôi hứa, mai mốt' trả thù. Nhưng từ má tôi cấm ngặt, coi như không còn cơ hội nữa. Sông với tôi có biết bao nhiêu là chuyện với nhau, bây giờ biểu không tắm nữa, buồn ời là buồn vậy.

Ngày xưa đúng là sông không như bây giờ. Nước sông không như bây giờ. Nước sông mát. Nước không trong như trong sách người ta hay tả mà cợn phù sa. Xứ tôi là xứ phù sa mà. Sông có mùi thơm hơi ngòn ngọt của bẹ dừa nước mọc chòm chòm ra ngoài bãi. Nước lớn, cá kìm kìm lội thành đàn nhận nhịp. Nước ròng sát bãi, tụi tôi chạy rượt với đám ca thòi lồi. Hồi đó, đất sinh dưới đáy sông chúng tôi chọi nhau cũng thơm, nên mặt mũi tèm lem bùn mà không thềm để ý, có đũa bị chọi nguyên một cục sinh vô miệng, trọn trường không noi 'được tiếng nào.

Từ từ, sông ngàu đục hẩn đi. Cứ nước lớn, mặt sông đầy rác. Mới đầu, tụi tôi thích lắm, tụi tôi vớt được bao nhiêu là chai lọ, tha hồ nuôi cá lia thia. Con Én coi tay chân quều quào vậy chớ siêng, nó vớt được bao nhiêu là đồ chơi cúng cuội. Rồi tụi tôi cũng chán trò chai lọ, mặc kệ chúng, dưới sông trôi đầy kia kìa. Tôi hỏi ba tôi rác đâu mà nhiều vậy, ba nói là do người ở chợ hay đổ rác xuống sông. Tôi gật gù, ờ phải, ở chợ người ta đông lắm.

Trong đám bạn, tôi biết chợ nhiều nhất. Nhà tôi có cái quán cóc nhỏ bán bánh kẹo, đồ chơi con nít. Mỗi lần đi chợ đồ hàng, má đều chở tôi theo. Ra ngoài đó, má lên chợ, tôi dom chừng chiếc xuồng. Sau này tôi thêm một nhiệm vụ nữa là gỡ rác quán chân vịt máy. Rác nhiều quá, cứ đi được một chút nghe cái máy chạy rì rọ, biết thế nào chân vịt cũng bị quán rác rồi. Một ngày nọ, tự nhiên tôi nghĩ, mình gỡ ra rồi quăng xuống, thế nào nó cũng vướn vo mấy chiếc xuồng khác, tội nghiệp người ta ghê lắm. Tôi lẳng lẳng giờ cía sạp xuồng lên, bỏ mớ rác vào đó. Má tôi rầy, "rác rườì mà để vô xuồng chi con, dơ hết". Tôi nghi! sao thừa vậy. Má tôi cười, không nói gì nhưng vẻ mặt rất hài lòng. Hôm đó, về tới nhà, được hai thùng rác đầy vun. Tôi bưng lên nhà, ba như không giận nó đã quăng con mèo chết xuống. Tụi tôi tự nhủ, bữa nay tắm lần này nữa thôi, tui tôi chờ cho tới chừng nào sông sạch, trong trở lại. Tôi lén nhìn con Én, lẳng sải tay bơi một mạch qua bờ bên kia, "Mai mốt thể nào cũng trả thù chớ con trai mà để thua con gái, kỳ lắm".